ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH

TẬP BÀI GIẢNG

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIA ĐÌNH
(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA)

Thanh Hoá, năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH

TẬP BÀI GIẢNG

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIA ĐÌNH
(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA)

TÁC GIẢ BIÊN SOẠN:
Ths. Bùi Thị Hậu (chủ biên)
TS. Nguyễn Thị Thái

Thanh Hoá, năm 2021

MỞ ĐẦU

Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường đầu tiên và quan trọng nhất trong việc hình thành, phát triển nhân cách, cũng như truyền thống văn hóa của mỗi con người. Vai trò của gia đình không chỉ dừng lại ở việc nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ mà còn góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế xã hội ngày càng nhanh chóng, gia đình Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức và biến đổi phức tạp.

Quản lý nhà nước về gia đình là một lĩnh vực đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt của các cấp chính quyền, các tổ chức xã hội và từng cá nhân. Đó là quá trình xây dựng và triển khai các chính sách, pháp luật nhằm bảo vệ, duy trì và phát triển những giá trị tốt đẹp của gia đình, đồng thời phòng chống, giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn cuộc sống gia đình hiện đại.

Tập bài giảng này được biên soạn nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý nhà nước trong lĩnh vực gia đình, bao gồm các khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý, các chính sách và chương trình hỗ trợ gia đình, cũng như những kỹ năng cần thiết để thực hiện công tác này một cách hiệu quả. Qua đó, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của công tác quản lý nhà nước về gia đình và biết cách áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công việc của mình. Tập bài giảng chia thành

Chương 1: Tổng quan chung về gia đình

Chương 2: Những vấn đề lý luận quản lý nhà nước về gia đình

Chương 3: Chủ thể, phương thức hoạt động quản lý của nhà nước về gia đình

Chương 4: Đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình ở nước ta hiện nay

Do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên tập bài giảng còn nhiều thiếu sót. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của đồng nghiệp và các bạn sinh viê

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CHUNG VỀ GIA ĐÌNH 6
1.1. Một số vấn đề cơ bản 6
1.1.1. Khái niệm gia đình.....6
1.1.2. Nguồn gốc gia đình.....11
1.1.3. Phân loại gia đình.....12
1.1.4. Các mối quan hệ của gia đình.....14
1.1.5. Đặc trưng cơ bản của gia đình 19
1.1.6. Các chức năng cơ bản của gia đình.....21
1.1.7. Vai trò của gia đình.....31
1.2. Hình thái gia đình và sự phát triển của gia đình 33
1.2.1. Các hình thái tổ chức gia đình trong lịch sử 33
1.2.2. Các giai đoạn phát triển của gia đình.....42
1.3. Đối sánh giữa mô hình gia đình Việt Nam truyền thống và gia đình Việt Nam hiện nay 44
CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIA ĐÌNH 46
2.1. Khái niệm.....46
2.1.1. Quản lý nhà nước 46
2.1.2. Quản lý nhà nước về gia đình 47
2.2. Nội dung quản lý nhà nước về gia đình 48
2.2.1.Lập kế hoạch xây dựng và ban hành thực thi các văn bản.....48
2.3. Vai trò quản lý nhà nước về gia đình 49
2.4. Quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về gia đình và quản lý nhà nước về gia đình 50
2.4.1. Quan điểm của Đảng.....50
2.4.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về gia đình.....60
CHƯƠNG 3: CHỦ THỂ, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VỀ GIA ĐÌNH 69
3.1. Các chủ thể và cơ chế hoạt động quản lý nhà nước về gia đình 69
3.1.1. Các chủ thể quản lý.....69
3.1.2. Cơ chế hoạt động quản lý của nhà nước về gia đình 76
3.2. Phương thức hoạt động quản lý của nhà nước về gia đình 77
3.2.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về gia đình 77
3.2.2. Tuyên truyền chính sách, pháp luật, kiến thức về gia đình 82
3.2.3. Các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình.....90
3.2.4. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm và khen thưởng trong công tác gia đình 96
3.3. Đánh giá chung 99
3.3.1. Ưu điểm 99
3.3.2. Hạn chế, yếu kém, nguyên nhân 100

CHƯƠNG 4: ĐỔI MỚI NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIA ĐÌNH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY 102
4.1. Những nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về gia đình.....102
4.1.1. Những nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về gia đình 102
4.2. Phương hướng nhiệm vụ để đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình.....108
4.3. Nguyên tắc đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình 109
4.4. Nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình 110
4.5. Phương pháp đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình.....112
4.5.1. Tổng kết thực tiễn thực hiện QLNN về gia đình 112
4.5.2. Xây dựng luận cứ khoa học và hệ thống cơ sở dữ liệu về gia đình.....112
4.5.3. Xây dựng và kiện toàn đội ngũ chuyên gia, cán bộ làm công tác gia đình 113
4.5.4. Tiếp tục hoàn thiện nội dung pháp luật về gia đình.....113
4.5.5. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong quy trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về gia đình.....114
4.5.6. Giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về gia đình.....114

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN CHUNG VỀ GIA ĐÌNH

1.1. Một số vấn đề cơ bản

1.1.1. Khái niệm gia đình

Gia đình không chỉ gắn bó với mỗi con người mà còn là đối tượng nghiên cứu của nhiều lĩnh vực khoa học, là một đơn vị cơ bản để thu thập thông tin, phân tích số liệu, và là đối tượng của chính sách xã hội. Vì thế, việc xác định khái niệm gia đình, xác định những nội dung mà khái niệm này biểu đạt không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của mỗi con người, trong nhận thức xã hội mà còn hết sức cần thiết cho việc tiến hành những nghiên cứu về gia đình, định hướng các vấn đề nghiên cứu, đồng thời còn là cơ sở để nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách, luật pháp về gia đình hoặc có liên quan đến gia đình.

Thực tế hiện nay, cho dù đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về gia đình được triển khai, song khái niệm "Gia đình" vẫn còn đang là vấn đề gây nhiều tranh cãi. Cho đến nay gia đình đã được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Nhiều nhà khoa học đã thừa nhận: thuật ngữ gia đình vẫn là "một thuật ngữ được định nghĩa lỏng lẻo nhất trong từ vựng của nhà xã hội học"[1].

Điều này có vẻ như khá vô lý khi mà bản thân khái niệm không có gì là quá mới mẻ và phức tạp. Trên thế giới, hệ ngôn ngữ nào cũng có những giải thích riêng dưới góc độ ngôn ngữ và xã hội về thuật ngữ này. Từ rất sớm, với ngôn ngữ tượng hình, người Trung Hoa đã cho rằng chữ Gia đình được hình thành nhờ bộ Miên, bộ Nghiễm đều là những từ chỉ các mái che, cơ sở của gia đình. Dưới bộ Miên là chữ Thi (con lợn) thể hiện yếu tố kinh tế chung của mỗi nhà để hoà vào cuộc sống chung của toàn xã hội.

"Gia đình- khái niệm ấy vẫn đang nằm trong vùng bí mật đối vơi các khoa học- cả khoa học xã hội lẫn khoa học tự nhiên"

Khó khăn trong việc xác định khái niệm gia đình do nhiều nguyên nhân.

Trước hết bởi gia đình là một thuật ngữ hết sức thân thuộc với tất cả mọi người. Gia đình là nơi mỗi người sinh ra và lớn lên nên khi nhắc đến khái niệm gia đình ai cũng có thể có ngay những hình dung về nó. Chính sự thân thuộc này khiến nhiều người tưởng hiểu rất rõ về gia đình lại cảm thấy rất mơ hồ khi được yêu cầu cung cấp

[1] Tương Lai chủ biên, 1996, Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam , tr51

những tiêu chí để nhận diện gia đình.

Thứ hai, gia đình là một nhóm xã hội đặc thù. Khác với các nhóm xã hội khác, gia đình hội tụ trong nó tất cả các yếu tố sinh học, tâm lý, văn hóa và cả kinh tế. Sự phức tạp trong chính đặc điểm của gia đình khiến việc định nghĩa gia đình trở nên khó khăn.

Thứ ba, gia đình luôn biến đổi cùng với sự biến đổi của xã hội, của nền văn hóa mà gia đình tồn tại trong đó. Không dễ dàng để xác định một khái niệm gia đình đúng với tất cả các dạng gia đình khác nhau về mặt văn hóa, lịch sử. Thực tế lịch sử phát triển của loài người đã cho thấy, gia đình đã tồn tại với rất nhiều kiểu loại, từ gia đình cùng dòng máu, gia đình nhiều vợ (chế độ đa thê), gia đình nhiều chồng (chế độ đa phu), tới gia đình cặp đôi, gia đình có một vợ một chồng, gia đình theo chế độ mẫu quyền, gia đình theo chế độ phụ quyền, gia đình trong xã hội nông nghiệp truyền thống đến gia đình trong xã hội công nghiệp hoá. Trong mỗi thời kỳ lịch sử, gia đình đều có những đặc trưng riêng biệt của nó.

Mặc dù có nhiều định nghĩa về gia đình song tựu chung lại các định nghĩa gia đình thường được xác định theo một trong hai cách tiếp cận: tiếp cận vĩ mô hoặc tiếp cận vi mô.

Theo cách tiếp cận vĩ mô, gia đình được định nghĩa với tư cách là một thiết chế xã hội. Trong cuốn Từ điển xã hội học của G.Endrweit và G. Trommsdorff xuất bản năm 2001, các tác giả đưa ra định nghĩa gia đình như sau: Gia đình là một nhóm thuộc loại đặc biệt vì nó biểu hiện một cấu trúc vai trò nhất định (bố/mẹ/con gái/con trai/cháu/em,...), với nó thì sự tách biệt về giới tính và thế hệ là tiêu chí của cơ cấu gia đình (= một hay đa thế hệ; nam/nữ) và qua nó sẽ chuyển hóa một quan hệ hợp tác và đoàn kết rất đặc biệt mà ở tất cả các xã hội đều tổ chức theo nghi lễ sự thành lập của nó. Ngoài ra xã hội cũng trao cho nhóm đặc biệt này những chức năng rất đặc biệt[1]. Theo định nghĩa này gia đình được xác định là một nhóm có cấu trúc và đảm nhận những chức năng nhất định trong xã hội. Trong "La Sociologie et les sciences de societe" do Nhà xuất bản Les Encyclopédies du savoir moderne, ấn hành năm 1973 trang 233, định nghĩa gia đình được hiểu như sau: "Gia đình là một nhóm xã hội không thể qui về các nhóm khác: sự hình thành của nó, cấu trúc, các chiều hướng, các quan hệ giữa các thành viên và các quan hệ của nó với toàn bộ cơ chế xã hội, các chức năng biến đổi trong thời gian và không gian gắn liền với hệ thống xã hội và các hình

[1] G.Endrweit và G. Trommsdorff, 2001, Từ điển xã hội học, Nxb Thế giới, tr640

thức văn minh"[1]. Định nghĩa này xác định gia đình với các cấu trúc và chức năng của nó trong mối quan hệ với hệ thống xã hội.

Từ cách tiếp cận vi mô, gia đình được định nghĩa với tư cách là một nhóm xã hội với những tiêu chí cụ thể để nhận diện nó. Đã có rất nhiều định nghĩa về gia đình theo cách tiếp cận này. Mỗi định nghĩa xác định gia đình theo hệ thống tiêu chí khác nhau. Một định nghĩa tương đối ngắn gọn là "Gia đình là một nhóm xã hội nhỏ đặc thù, có đặc trưng cơ bản là được thiết lập trên cơ sở của hôn nhân mà từ đó hình thành các quan hệ huyết thống ruột thịt giữa các thành viên"[2]. Theo định nghĩa này, gia đình được xác định dựa trên tiêu chí số lượng người (gia đình phải là một nhóm người, một cá nhân không thể là gia đình mà nhất thiết phải có từ hai người trở lên). Đồng thời gia đình có đặc trưng cơ bản là mối quan hệ hôn nhân và huyết thống. Định nghĩa này tương đối hẹp vì nó chỉ hướng vào khía cạnh sinh học của gia đình. Xác định rõ hơn các tiêu chí của gia đình, tổ chức UNESCO của Liên hiệp quốc năm 1994 đưa ra định nghĩa: "Gia đình là một nhóm người có quan hệ họ hàng, cùng sống chung và có ngân sách chung"[3]. Như thế, tiêu chí để nhận diện gia đình không chỉ là quan hệ hôn nhân huyết thống (quan hệ họ hàng) mà còn có thêm tiêu chí "cùng chung sống và có chung quĩ chi tiêu". Đồng tình với các tiêu chí này, tác giả Ngô Công Hoàn còn bổ sung thêm một tiêu chí về giới tính: "Trong gia đình phải có các giới tính (nam, nữ) đây là đặc trưng cơ bản của nhóm xã hội mà chúng ta gọi là gia đình".[4] Đặc trưng này đòi hỏi phải có các giới tính khác nhau trong quan hệ hôn nhân. Điều đó đồng nghĩa với việc không thừa nhận quan hệ hôn nhân đồng giới là quan hệ gia đình.

Cục điều tra dân số Mỹ cung cấp khái niệm gia đình là "hai hoặc hơn hai người, bao gồm chủ hộ, có quan hệ với nhau bởi huyết thống, hôn nhân hoặc quan hệ con nuôi (nghĩa dưỡng) và những người sống cùng với nhau như một hộ gia đình"[5]. Định nghĩa này chứa đựng các tiêu chí nhận diện gia đình mà các định nghĩa ở trên về gia đình đã đề cập. Ngoài ra, định nghĩa này còn cung cấp thêm một đặc trưng nữa là quan hệ nghĩa dưỡng (quan hệ con nuôi) trong gia đình.

Qua một số định nghĩa đã đề cập ở trên, tổng hợp lại, gia đình được xác định dựa trên 5 tiêu chí sau: là một nhóm người (có từ hai người trở lên), có quan hệ với

---

[1] Lê Ngọc Văn (Chủ biên), 2004, Thực trạng & những vấn đề đặt ra đối với gia đình Việt Nam hiện nay, tr 57

[2] Nguyễn Đình Tấn, Lê Tiêu La, 1999, tr 17

[3] Dẫn theo Nguyễn Linh Khiếu chủ biên , 2003, Gia đình trong giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên , tr33

[4] Ngô Công Hoàn, 1993, Tâm lý học gia đình. Đại học Sư phạm I Hà Nội, tr 7.

[5] http://www.midtermpapers.com/18311.htm.

nhau bởi hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nghĩa dưỡng, có đặc trưng giới tính qua quan hệ hôn nhân, cùng chung sống, có ngân sách chung. Trong 5 tiêu chí này, quan hệ hôn nhân và huyết thống là tiêu chí cơ bản nhất để nhận diện gia đình.

Với định nghĩa gia đình có 5 tiêu chí đề cập ở trên, có ý kiến cho rằng như thế gia đình là một cấu trúc văn hoá độc đoán khi mà hiện nay nhiều hình thức sống mới xuất hiện trong xã hội. Đó là hình thức sống độc thân có xu hướng ngày càng gia tăng; gia đình đơn thân (gia đình chỉ có người mẹ hoặc chỉ có người cha với con cái) cũng đang gia tăng vì tỷ lệ ly hôn và tỷ lệ sinh con ngoài hôn nhân cao; các cặp vợ chồng không có con cái; hình thức chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn (hôn nhân thực tế); các cặp quan hệ đồng tính. Nếu theo khái niệm gia đình với các tiêu chí trên, thì những hình thức sống trên không đủ tiêu chí để được thừa nhận là gia đình. Điều này khiến cho nhiều người đòi hỏi phải xem xét lại định nghĩa gia đình để có được một định nghĩa thoả đáng nhất. Đây là yếu tố góp phần vào việc thay đổi định nghĩa về gia đình và lý giải vì sao định nghĩa gia đình lại ngày càng trở nên phức tạp và không có giới hạn.

Theo quan điểm này, cần phải xây dựng định nghĩa mới về gia đình cho phù hợp hơn với thực tế xã hội, một định nghĩa mới về gia đình được đưa ra: "Gia đình là một nhóm người liên hệ với nhau bởi tình yêu và tình cảm yêu mến"[1]. Khác với định nghĩa trên, định nghĩa này xác định gia đình với những tiêu chí mở. Sự liên kết giữa các thành viên gia đình không phải là quan hệ hôn nhân huyết thống mà trên quan hệ tình yêu, tình cảm. Định nghĩa này bao hàm rất nhiều hình thái gia đình: một nam và một nữ, các cặp đồng tính luyến ái, kết hôn và không kết hôn, có hoặc không có con, gia đình đơn thân và thậm chí là một nhóm lớn hơn các cá nhân trong sự thu xếp sinh sống chung. Theo định nghĩa này, cái quan trọng không phải là cấu trúc gia đình thực tế mà là chất lượng của các mối quan hệ. Như vậy, bất kỳ một dự định nào trong việc tạo ra hệ thống các giá trị gia đình sẽ đều được coi là sự chỉ trích và sự vô ý với các gia đình lập dị (gia đình đơn thân, gia đình không đầy đủ, ...)

Đến nay, vẫn chưa có sự thống nhất trong việc tìm ra một định nghĩa chung về gia đình. Theo Arlene Skolnick, "không có một loại gia đình đồng nhất, không có một gia đình giống nhau ở mọi nơi và mọi thời điểm ... Chúng ta cũng biết rằng những đặc điểm này có thể thay đổi không chỉ từ nền văn hóa này đến nền văn hóa khác mà còn

[1] http://www.u nmarri eda meri ca.org/familydi versity/definition of family is up for debate.htm

từ gia đình này đến gia đình khác trong cùng một nền văn hóa"[1]. Như vậy, nội dung định nghĩa về gia đình phụ thuộc vào việc nhìn nhận gia đình trong bối cảnh nào, thời điểm nào và phụ thuộc vào góc độ mà người định nghĩa nhìn nhận về gia đình.

Trong khi những hình thức sống mới như sống độc thân, hôn nhân thực tế, chung sống trước hôn nhân, ly hôn, ly thân,... xuất hiện khá phổ biến ở các nước Tây Âu từ cuối những năm 60 của thế kỷ trước thì ở Việt Nam hiện nay, gia đình với đầy đủ 5 đặc trưng (tiêu chí) đã đề cập ở trên là hình thức sống của đại bộ phận dân số. Chưa có dấu hiệu cho thấy thanh niên Việt Nam ở độ tuổi trưởng thành có xu hướng sống độc thân. Kết quả điều tra tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam năm 2002 cho thấy: ở độ tuổi 35-39, có 91% dân số hiện đang có vợ/chồng; chỉ có 5,7% dân số chưa từng kết hôn, 1,61% goá, 1.25% ly hôn, 0.44% ly thân (Điều tra mức sống dân cư, 2002). Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cũng cho thấy một kết quả tương tự: ở độ tuổi từ 35-39, có 90,4% dân số nam và 87,5% dân số nữ hiện đang có vợ có chồng; chỉ có 7,5% dân số nam và 7,7% dân số nữ chưa từng kết hôn lần nào. Tình trạng chung sống không đăng ký kết hôn có tồn tại song không phổ biến. Theo kết quả của Cuộc điều tra cơ bản về gia đình Việt Nam và người phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, 93,2% cuộc hôn nhân có đăng ký kết hôn, chỉ có 6,8% không đăng ký1. Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cho thấy: chỉ có 0,4% số người chung sống như vợ chồng nhưng không cưới và không đăng ký kết hôn.

Trong tình hình chung đó, khó có thể khẳng định một định nghĩa chuẩn xác cho tất cả các loại hình gia đình. Trên cơ sở thừa nhận sự đa dạng trong định nghĩa về gia đình, chúng tôi cố gắng làm rõ các tiêu chí cụ thể của định nghĩa gia đình mang tính phổ biến nhất, phù hợp nhất với xã hội Việt Nam hiện nay.

Theo luật hôn nhân gia đình "Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau".Trong phạm vi bài giảng này, chúng tôi xin đưa ra một định nghĩa về gia đình như sau:

Gia đình là một nhóm xã hội được hình thành trên cơ sở các quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống nảy sinh từ quan hệ hôn nhân đó, gắn bó với nhau về tình cảm, chia sẻ kinh tế, trách nhiệm và quyền lợi, chịu sự ràng buộc có tính pháp lý được xã hội, nhà nước thừa nhận và bảo vệ.

[1] Tương Lai, 1996, tr. 9

1.1.2. Nguồn gốc gia đình

Thực tế lịch sử cho thấy, gia đình lần lượt biến đổi tương ứng với những giai đoạn phát triển xã hội khác nhau.

- Theo Ăngghen, trong xã hội công xã nguyên thủy, trình độ lực lượng sản xuất rất thấp, cá nhân không tách rời tập thể, cuộc sống cộng đồng về nhiều mặt… đã tạo nên hình thức gia đình tập thể – quần hôn. Mỗi bước tiến của xã hội cộng đồng nguyên thủy và kết quả do đào thải tự nhiên lại đưa đến những dạng mới, mang sắc thái tiến bộ hơn cho hình thái gia đình này.

+ Giai đoạn đầu của xã hội cộng đồng nguyên thủy có gia đình cùng dòng máu (huyết thống), các tập đoàn hôn nhân đều phân theo thế hệ.

+ Giai đoạn giữa của xã hội cộng đồng nguyên thuỷ xuất hiện gia đình *punaluna* (bạn thân), trong đó quan hệ tính giao giữa anh em trai với chị em gái đã bị hủy bỏ.

+ Giai đoạn cuối cùng của xã hội này đã hình thành gia đình cặp đôi (đối ngẫu), trong đó kết hôn từng cặp đã tồn tại (tuy còn lỏng lẻo); trong số vợ rất đông của mình, người đàn ông có một người vợ chính, và trong số nhiều người chồng khác, anh ta lại là người chồng chính của người đàn bà ấy. Những kiểu trên của gia đình tập thể – quần hôn đều có đặc trưng là: tính giao tập thể, kinh tế cộng đồng nguyên thủy, chế độ mẫu hệ, không có áp lực và bất bình đẳng giữa các thành viên. Trong chế độ quần hôn, cơ sở hình thành gia đình chủ yếu do quan hệ tính giao, duy trì nòi giống và tạo dựng kinh tế cho cộng đồng chung, vai trò làm mẹ của người phụ nữ đã xác lập nên chế độ mẫu quyền do con cái chỉ được biết đến người trực tiếp sinh ra mình là người mẹ. Cùng với sự phát triển của xã hội, đặc biệt là sự phát triển về kinh tế " những quan hệ tính giao cổ truyền mất tính ngây thơ nguyên thuỷ của nó và càng tỏ ra là nhục nhã và nặng nề đối với đàn bà nên họ mong muốn, ngày càng nồng nhiệt, đạt được quyền giữ trinh tiết, kết hôn nhất thời hay lâu dài với chỉ một người đàn ông"[1]

- Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, trong xã hội nảy sinh hình thức gia đình cá thể – một vợ một chồng. Đó là kết quả trực tiếp của việc hình thành chế độ sở hữu tư nhân và sự phân hóa giai cấp. Gia đình cá thể là " hình thức gia đình đầu tiên không dựa trên những điều kiện tự nhiên, mà dựa trên những điều kiện kinh tế – tức là trên thắng lợi của sở hữu tư nhân đối với sở hữu công cộng nguyên thủy và tự phát (tất nhiên, kết quả vẫn do tác động

---

[1] F.Angghen. Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và nhà nước. Tuyển tập Mác- ăngghen tập VI Nxb Sự thật , H 1984, tr 89

của quy luật đào thải tự nhiên, ngoài ra còn có thêm một nguyên nhân nữa là nguyên nhân tình cảm, thể hiện ở người đàn ông nhất định).

Trong hệ thống cơ cấu xã hội có nhiều bộ phận khác nhau (dân tộc, giai cấp, giới…); nhiều thiết chế lớn nhỏ (Nhà nước, ngành, đoàn thể…) với tính chất là tế bào của xã hội, gia đình là tổ chức cơ sở, là cơ cấu và thiết chế nhỏ nhất. Cơ cấu thiết chế nhỏ nhất này lại đa dạng phong phú; trong quá trình vận động, vừa tuân thủ theo những quy luật của cơ chế chung vừa theo tính quy định và tổ chức riêng của mình.

1.1.3. Phân loại gia đình

Trong quá trình nghiên cứu, người ta thường đặt ra một số tiêu chí "chuẩn" phục vụ cho mục đích nghiên cứu để phân ra các loại gia đình. Cách phân chia đó cũng chỉ có tính chất tương đối, bởi các tiêu chí trong cơ cấu gia đình đều có mối quan hệ gắn bó với nhau.

1.1.3.1. Tiêu chí về số lần hôn nhân

- *Gia đình đơn hôn*, thường xuyên tồn tại một vợ, một chồng từ lúc son trẻ cho đến khi tóc bạc, răng long. Đây là loại gia đình được mọi thời đại trân trọng vì nó thể hiện được tình cảm chung thủy, thống nhất cuộc sống giữa người đàn ôngvà người đàn bà.

- *Gia đình đa hôn*, người đàn ông có nhiều vợ. Đây là gia đình thường phát triển dưới xã hội phong kiến, được xã hội chấp nhận theo quan điểm "Trai năm thê bảy thiếp. Gái chính chuyên chỉ có một chồng". Tất nhiên đây là loại gia đình mang nặng màu sắc gia trưởng, thường xảy ra ở giai cấp bóc lột trong xã hội phong kiến.

1.1.3.2. Tiêu chí về thế hệ trong gia đình

- *Gia đình hạt nhân*, gồm có cha mẹ và con cái tức là chỉ có hai thế hệ. Đây là loại gia đình đang phát triển mạnh mẽ ở nước ta cũng như trên thế giới do nền sản xuất đại công nghiệp và khuynh hướng đô thị hóa.

- *Gia đình đa thế hệ* (tam, tứ… đại đồng đường), nhiều thế hệ chung sống với nhau dưới một mái nhà. Đây là loại gia đình có từ ba thế hệ trở lên, được gọi là gia đình mở rộng gồm có ông bà, cha mẹ, cháu chắt… Hiện nay gia đình mở rộng còn tồn tại trong đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa và một số ít ở nông thôn.

1.1.3.3. Tiêu chí về sự phân chia quyền lực trong gia đình

- *Gia đình phụ quyền*: là một hình thái tổ chức gia đình mà người cha làm chủ trong gia đình và có vị trí trong xã hội, con cái phải theo họ cha. Sản xuất phát triển, kéo theo sự phân công lao động. Người đàn ông gánh vác những công việc nặng nhọc, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất (chế tạo công cụ, đúc đồng,…). Vì vậy, vai trò

người cha quan trọng hơn người mẹ. Người đàn ông dần dần trở thành người chủ gia đình, chủ thị tộc.

- *Gia đình mẫu quyền:* là một hình thái tổ chức gia đình mà trong đó người mẹ hoặc người phụ nữ lớn tuổi nhất đứng đầu một gia đình hoặc gia tộc. Các mối liên hệ và hậu duệ được xác định qua dòng nữ, cũng như việc quản trị hay cai trị do phụ nữ nắm giữ.

Gia đình mẫu hệ của người Êđê là gia đình do người phụ nữ làm chủ. Con cái sinh ra mang họ mẹ chứ không mang họ bố. Người phụ nữ làm chủ trong hôn nhân. Họ thích ai, yêu ai thì sẽ báo cáo với mẹ, gia đình để cưới người họ yêu. Người được cưới ấy cư trú bên nhà vợ. Khi sinh con đẻ cái thì mang họ vợ. Chẳng may, cô vợ anh ta bị mất thì nhà vợ hoặc dòng họ nhà vợ thì tìm 1 người phụ nữ khác để kết hôn với anh ta. Người Kinh gọi là tục nối dây. Người Êđê gọi là tục chuê nuê. Chế độ mẫu hệ của người Êđê in đậm trong kiến trúc và trang trí nghệ thuật trong ngôi nhà dài. Khi đặt chân lên chiếc cầu thang ván vào nhà, ta thấy ngay đôi bầu sữa và hình vành trăng khuyết, những biểu tượng sống động của tính nữ.

1.1.3.4. Tiêu chí về sự hiện diện của cha hoặc mẹ trong gia đình

+Gia đình đầy đủ: có cả cha lẫn mẹ cùng chung lưng đấu cật xây dựng gia đình, nuôi dưỡng, chăm sóc con cái;

+Gia đình không đầy đủ (thiếu khuyết): chỉ còn cha hoặc mẹ (do góa bụa, hoặc li hôn) phải gánh vác toàn bộ trách nhiệm trong gia đình. Trong những hoàn cảnh cụ thể, các gia đình trên biến đổi cấu trúc: có bố dượng hoặc dì ghẻ.

Ở Việt Nam

- Sau khi chiến tranh kết thúc, có một loại gia đình mới phát triển gồm những người bị mất vợ hoặc mất chồng do chiến tranh gây nên (họ có thể đã có con riêng) phải tiến hành hôn nhân lần thứ hai, sau đó có con chung.

- *Nếu căn cứ vào số con trong gia đình theo tiêu chí DS-KHHGĐ thì có:*

+Gia đình quy mô nhỏ: gồm cha mẹ và một hoặc hai con;

+Gia đình lớn: gồm cha mẹ và từ ba con trở lên.

- Do hậu quả của chiến tranh, ở Việt Nam còn có không ít gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng, có con ngoài hôn thú, gia đình cô đơn - chủ yếu là đối với thế hệ tuổi già.

Ngoài ra xuất phát từ cơ sở, mục đích nghiên cứu của các môn khoa học như: xã hội học, tâm lí học, kinh tế học, tội phạm học … mà người ta còn phân ra các loại gia đình có những nét đặc trưng cơ bản khác

1.1.4. Các mối quan hệ của gia đình

1.1.4.1. Quan hệ bên trong gia đình

** Quan hệ thế hệ (giữa cha mẹ và con cái)*

Cùng với chữ Trung, chữ Hiếu cũng là một trong những điều được Nho giáo chú trọng và đề cao nhất. Tư tưởng này đã ảnh hưởng rất lớn tới mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong gia đình Việt Nam truyền thông. Chữ Hiếu trong Nho giáo tuy được xếp sau chữ Trung nhưng để đạt được chữ Trung thì con người ta trước hết phải biết giữ chữ Hiếu, và nếu con người ta bất hiếu thì có thể cũng dễ dàng đi tới bất trung, bất nhân. Vì thế mà Khổng Tử đã chỉ rõ rằng: "Hành vi của người ta thì không gì lớn bằng chữ hiếu " (Nhân chi hành mạc đại chì hiếu).

Ở trong gia đình Việt Nam truyền thống, ngay từ thời xa xưa, việc giáo dục chữ Hiếu đã trở thành một trong những nội dung quan trọng của việc giáo dục trong gia đình Việt Nam. Kho tàng dân gian Việt Nam cũng có rất nhiều lời vàng, ý ngọc ca ngợi công lao cha mẹ và khuyên bảo con cái phải biết giữ chữ Hiếu đối với cha mẹ mình:

"Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra Một lòng thờ mẹ kính cha Cho tròn chữ Hiếu mới là đạo con "

Hay như hình ảnh cao đẹp của nàng Kiều (Trong Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du) vì chữ hiếu đã hy sinh tình riêng để "quyết đền ba sinh", báo đáp công ơn cha mẹ.

Chữ Hiếu ở đây không phải chỉ là con cái phải biết vâng lời cha mẹ mà còn phải phụng dưỡng cha mẹ để báo đáp công ơn sinh thành. Nếu con cái mà không vâng lời hoặc phụng dưỡng cha mẹ thì bị ghép vào tội bất hiếu. Đặc biệt, những hành động côn đồ của con cái đôi với cha mẹ đều phải bị xếp vào nhóm tội đặc biệt nguy hiểm chỉ xếp sau những tội đôi với 94 vua và với quốc gia. Quốc triều hình luật thời Lê đã có những điều luật quy định khá chặt chẽ và nghiêm khắc để thực hiện chữ Hiếu trong gia đình:

"Điều 38: Con cái phải chịu thay cho cha mẹ hình phạt roi và trượng

Điều 218*: Trong khi ông bà, cha mẹ bị giam cầm tù tội mà lấyvợ, lấy chồng thì đều bị xử biếm ba tư và đôi vợ chồng phải ìi dị. Nếu ông bà, cha mẹ cho phép thì chỉ được làm lễ thành hôn mà không được bày ra cỗ bàn ăn uống, trái luật thì xử biếm một tư*

Điều 475: *Lăng mạ ông bà, cha mẹ thì phải tội lưu, đánh bị thương thì phải tội bị giảo*

Điều 504: *Con cái phải che dấu tội của cha mẹ* Điều 511: *Con cái không được kiện cha mẹ "*

Tuy nhiên, gia đình truyền thông không chỉ có quan hệ một chiều con cái phải hiếu đễ với cha mẹ mà ngược lại, cha mẹ cũng luôn cần phải thương yêu, chăm sóc con cái như người ta nói *"cha từ tử hiếu"*. Tấm lòng trời biển của cha mẹ dành cho con cái cũng là một nét đẹp truyền thống của gia đình Việt Nam nói riêng và của văn hóa Việt Nam nói chung. Với điều kiện sống trong xã hội truyền thống thường rất thiếu thôn, khó khăn, cha mẹ luôn dành những điều tốt đẹp nhất cho con cái, từ miếng cơm đến manh áo. Người ta không thể quên được hình ảnh người mẹ trong ca dao truyền thống "...miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương" đã thể hiện rõ nét tình thương yêu là sự chăm sóc chu đáo ân cần của người mẹ đối với con cái. Mối quan hệ hai chiều: Cha mẹ thương yêu con cái và con cái hiếu đễ đối với cha mẹ đã tạo nên những tình cảm vô cùng tốt đẹp và hình thành nên những giá trị đáng trân trọng, quý giá trong môi quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong gia đình Việt Nam.

**Quan hệ giữa anh chị em trong gia đình*

Quan hệ giữa anh chị em trong gia đình truyền thống rất được đề cao, có lẽ nó chỉ đứng sau quan hệ giữa cha mẹ với con cái. Trong tư tưởng Nho giáo, mối quan hệ giữa anh em trong gia đình cũng rất được coi trọng. Kinh thi đã dạy rằng: *"Nghi huynh nghỉ đệ. Nghi huynh nghi đệ, nhi hậu khả dĩ giáo quốc dân"* (Làm anh thì phải phận anh, làm em phải phận em. Ăn ở phải phận anh em, rồi sau mới có thể dạy người trong nước - Đại học, chương 9).

Đối với gia đình Việt Nam, trong quan hệ anh chị em trước tiên cần giữ đúng đạo theo tôn ti trật tự. Trong gia đình truyền thông, vị trí người anh, nhất là người con trai trưởng trong gia đình rất được đề cao. Người anh chỉ đứng sau vị trí của người cha trong gia đình và có quyền chỉ bảo các em "quyền huynh thế phụ". Sau đó là đến quyền của anh thứ hai, thứ ba... Khi cha mẹ mất, hiển nhiên người anh phải có trách nhiệm lo lắng cho các em trong gia đình. Trách nhiệm cũng như quyền hạn của người anh trai trong gia đình thể hiện rõ tính gia trưởng trong gia đình truyền thống nhưng nó cũng là yếu tố đảm bảo sự bền vững, trật tự trong gia đình Việt Nam thủa xưa.

Không chỉ có giữ đúng trật tự trong mối quan hệ anh em mà bên cạnh đó, tình cảm thương yêu, hòa thuẫn giữa anh chị em trong gia đình cũng được gia đình truyền thống rất coi trọng, đề cao. Người Việt thường nói rằng: *"Chị ngã em nâng", "lọt sàng xuống nia"* hay còn có lối ví von rất gần gũi nhưng lại hàm chứa rất nhiều tình cảm thể hiện sự gắn bó giữa anh em trong gia đình, ví anh em như môi với răng, *"môi*

hở răng lạnh" hay còn ví: *"Anh em như thể tay chân, rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần".*

Từ những quan niệm đó, trong giáo dục gia đình mối quan hệ anh em họ hàng ruột thịt luôn được nhấn mạnh và các cụ thường nhắc nhở con cháu là "một giọt máu đào hơn ao nước lã". Để đánh giá một gia đình nào đó người Việt cũng thường nhìn vào mối quan hệ giữa anh chị em trong gia đình. Nếu anh chị em trong gia đình ăn ở với nhau không hòa thuận thì gia đình đó không chỉ bị chê cười mà những bậc người lớn trong gia đình, như ông bà, cha mẹ, cũng bị chê trách vì dạy con chưa tốt. Chính những quan điểm đó đã khiến cho người Việt truyền thống rất chú trọng đến mối quan hệ anh em trong gia đình và điều đó đã củng cố" vai trò và ý nghĩa của mối quan hệ anh em trong gia đình Việt Nam truyền thống.

**Quan hệ vợ chồng*

Mối quan hệ trong gia đình Việt Nam truyền thống (mối quan hệ theo chiều ngang) do chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo trước đây, nên về chính thống nó không được đề cao như các mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái và mối quan hệ giữa anh chị - em (các mối quan hệ chiều dọc).

Quan hệ hôn nhân trong các gia đình truyền thống chủ yếu mang tính sắp đặt, ghép nối hơn là tình yêu. Quan hệ hôn nhân không phải chỉ để đáp ứng nhu cầu tình cảm của đôi trai gái mà trước hết nó đáp ứng lợi ích của gia đình, họ tộc và cả làng xã. Sự kết duyên giữa đôi trai gái chính là sự kết giao mối quan hệ giữa hai dòng họ, do đó, trong xã hội truyền thông, người ta rất coi trọng vấn đề "môn đăng hậu đối" khi kết hôn. Mặt khác, sự kết hôn giữa đôi trai gái còn có vai trò như một phương tiện kinh tế đóng góp cho làng xã bởi khi kết hôn, người ta còn phải nộp tiền cheo để đóng góp cho làng.

Mặc dù việc kết hôn không hoàn toàn thực sự dựa trên cơ sở tình yêu nhưng mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam truyền thống vẫn hiện hữu rất rõ những giá trị tốt đẹp mà cho đến nay nó vẫn được ca ngợi và được người đời trân trọng, đó chính là sự hòa thuận và tình nghĩa thủy chung của vợ chồng ngay cả khi gia đình nghèo khó hay gặp hoàn cảnh hoạn nạn, khó khăn. Sự hòa thuận, thủy chung trong gia đình truyền thống được hình thành và củng cố" phần lớn do sự ảnh hưởng của các tư tưởng văn hóa.

Dưới ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo với nét nổi bật là tư tưởng gia truyền phụ quyền, trọng nam khinh nữ, vị trí, vai trò, bổn phận và nghĩa vụ của người vợ, người chồng trong gia đình truyền thống được quy định khá rõ ràng và đòi hỏi

mọi người phải tuân thủ, nhất là đối với người phụ nữ. Người phụ nữ phải tuân theo những quy định ngặt nghèo của đạo tam tòng, tứ đức trong Nho giáo. Bên cạnh đó, người phụ nữ còn phải có các phẩm chất tốt đẹp khác như công, dung, ngôn, hạnh. Trong gia đình và xã hội đưa ra nhiều điều nghiêm cấm đối với phụ nữ và nếu mắc phải, người phụ nữ bị đuổi ra khỏi nhà. Đó chính là tội thất xuất bao gồm không có con, dâm dật, không thờ cha mẹ chồng trọn đạo, hay lắm điều, trộm cắp, ghen tuông và có ác tật. Vì thế trong gia đình, người phụ nữ không chỉ có trách nhiệm phục vụ chồng mà còn phụng dưỡng cả cha mẹ chồng, chăm sóc con cái. Ngược lại, người chồng cũng phải biết thương yêu, quý trọng vợ song người chồng vẫn có thể lấy nhiều vợ, tới năm thê bảy thiếp, trong khi đó, người phụ nữ phải đề cao hai chữ tiết hạnh và chỉ có thể lấy một chồng.

Mặc dù có vị trí thấp hơn so với nam giới nhưng so với các nước phương Đông cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo thì địa vị của người phụ nữ trong gia đình Việt Nam truyền thống vẫn cao hơn rất nhiều bởi người Việt Nam có truyền thông tôn trọng phụ nữ. Tiêu biểu cho truyền thông này chính là sự tôn vinh người phụ nữ qua phong tục thờ mẫu của người Việt Nam. Tất cả những điều đó đã giảm bớt sức ép và những quy định ngặt nghèo trong Nho giáo, tạo nên sự gần gũi giữa vợ chồng và sự êm ấm trong gia đình truyền thống của người Việt

Điều được coi trọng trong mối quan hệ vợ chồng có lẽ phải kể đến trước tiên chính là sự hòa thuận. Điều này được thể hiện rất rõ trong kho tàng văn hóa dân gian phản ánh đời sông của người dân nước Nam. Từ xa xưa cha ông ta đã nói *"Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn"* để coi trọng và đề cao sự hòa thuận giữa vợ chồng. Sự hòa thuận đó giúp cho vợ chồng cùng nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống như trong lao động, sản xuất, trong việc nuôi dạy con cái. Người dân dưới xã hội phong kiến tuy thường phải sống trong cảnh nghèo khó nhưng chính sự nghèo khó đó lại như một bức nền làm nổi bật, tô điểm thêm vẻ đẹp cho môi quan hệ vợ - chồng trong gia đình truyền thống:

"Râu tôm nấu với ruột bầu Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon

Hay:

"Chồng ta áo rách ta thương Chồng người áo gấm phong sương mặc người"

Chính từ tình cảm tốt đẹp đó đã củng cô" sự bền vững cho tình cảm vợ chồng và nó là nguồn rễ của tấm lòng thủy chung giữa vợ chồng. Ta bắt gặp trong kho tàng văn học Việt Nam rất nhiều hình ảnh ca ngợi mối quan hệ trong gia đình, nhất là quan hệ vợ chồng như sự tích Trầu cau, mối tình giữa Từ Thức và Tiên nữ hay tiêu biểu

hơn cả cho sự thủy chung của người Việt chính là hình ảnh Hòn "vọng phu" - người phụ nữ hóa đá chờ chồng. Tất cả những điều đó đã khắc họa và phản ánh rõ nét giá trị tốt đẹp trong môi quan hệ vợ chồng của gia đình truyền thống Việt Nam.

1.1.4.2. Quan hệ giữa gia đình và làng xóm, quê hương đất nước

Gia đình Việt Nam có truyền thống là luôn gắn bó với làng xóm, quê hương đất nước, đó chính là yếu tố góp phần hình thành nên sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Tiêu biểu cho sức mạnh của tình đoàn kết, gắn bó giữa gia đình với làng xã, quê hương đất nước chính là hình ảnh Thánh Gióng được dân làng đoàn kết góp gạo nuôi ăn để đi đánh giặc Ân trong truyền thuyết Thánh Gióng của Việt Nạm.

Sự gắn bó giữa gia đình với làng, xóm, quê hương đất nước được tạo dựng dựa trên nền tảng của nền sản xuất tiểu nông, trên cách thức tổ chức quản lý của làng xã Việt Nam truyền thống và trên hoàn cảnh thường xuyên phải đấu tranh với ngoại xâm, thủy tặc của người Việt. Trục ba nhà - làng - nước được hình thành và củng cố khá làu đời, bền vững trong xã hội truyền thống. Chính hoàn cảnh lịch sử, điều kiện sản xuất và cách thức tổ chức đó nên lợi ích của gia đình Việt Nam truyền thống gắn bó chặt chẽ với lợi ích của cộng đồng làng xã. Bên cạnh đó, yếu tô" dòng họ cũng tác động đáng kể trong việc kết nối mối quan hệ gắn bó giữa gia đình với cộng đồng làng xã Việt Nam truyền thông. Và từ tình yêu gia đình, họ tộc đã phát triển lên thành tình yêu làng xóm, yêu quê hương đất nước - một giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Trong xã hội truyền thông, làng Việt thường được hình thành trên cơ sở hai, ba dòng họ, thậm chí, có những làng được hình thành từ một dòng họ và tên làng cũng là tên của dòng họ đó như Đào Xá, Dương Xá, Lưu Xá... Và *ở* làng xã, khi nhắc tới cá nhân, người ta cũng thường liên người đó với gia đình, họ tộc và với truyền thông của các gia đình, họ tộc đó để đánh giá mỗi cá nhân.

Gia đình Việt Nam truyền thống không chỉ thờ cúng tổ tien, ông bà mình mà còn thờ cả Hoàng làng, các vị thần của làng thông qua các hoạt động lễ hội, tín ngưỡng tập thể (thường diễn ra ở đình làng). Các gia đình không chỉ tham gia các hoạt động văn hóa chung với nhau mà còn chia sẻ với nhau những giá trị của riêng làng xã, cộng đồng mình và tuân theo nhữn phong tục, tập quán của làng xã. Điều đó đã củng *cố* mối quan hệ gắn kết giữa gia đình với dòng họ và cộng đồng làng xã. Mỗi người không chỉ giữ gìn và tự hào về những truyền thông tốt đẹp của gia đình, dòng họ mà của cả làng xã. Ở trong làng, khi gia đình nào có việc vui, buồn, tang ma, hiếu hỉ đều được mọi người xung quanh, không ai bảo ai, cùng đến chia sẻ giúp đỡ. Người Việt Nam ta có câu ca dao để nhắc nhở, khuyên răn, dạy bảo con người ta ý thức và tinh

thần đoàn kết, tương trợ với mọi người trong cộng đồng cũng như trong đất nước:

"Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn "

Chính do sự gắn kết giữa gia đình và cộng đồng làng xã, quê hương đất nước nên gia đình Việt Nam truyền thống là một trong những nơi bảo lưu tốt nhất những giá trị văn hóa của cộng đồng và dân tộc.

1.1.5. Đặc trưng cơ bản của gia đình

Mặc dù đã tồn tại những định nghĩa khác nhau về gia đình và hình thái gia đình cũng có những biến đổi nhất định trải qua các nền văn minh của nhân loại, nhưng nó vẫn có những nét đặc trưng cơ bản là:

- *Quan hệ hôn nhân là một quan hệ cơ bản* của sự hình thành, tồn tại và phát triển gia đình: Hôn nhân là một hình thức quan hệ tính giao giữa nam và nữ nhằm thoả mãn các nhu cầu tâm sinh lý, tình cảm và đảm bảo tái sản xuất ra con người, nhằm duy trì, phát triển nòi giống. Cùng với sự phát triển của lịch sử, hôn nhân cũng có những biến đổi sâu sắc về hình thức, tính chất, sắc thái của nó.

Nếu như trong chế độ cộng sản nguyên thuỷ, hình thức hôn nhân chủ yếu là quần hôn, trong các chế độ tư hữu, hôn nhân được hình thành, xây dựng và thực hiện trên cơ sở bảo đảm lợi ích của những người chủ sở hữu (ví dụ: trong chế độ phong kiến hôn nhân một vợ một chồng nhưng điều đó chỉ ràng buộc đối với người vợ...). Hôn nhân là hình thức quan hệ tính giao của con người, chỉ có ở con người, nên ngay từ đầu, hôn nhân đã mang bản chất người, nhân văn và nhân đạo. Sự phù hợp về tâm lý, sức khoẻ và nhất là trạng thái tình cảm, ngay từ đầu đã là cơ sở trực tiếp của hôn nhân, mang lại bản sắc đặc thù của quan hệ hôn nhân.

Tuy nhiên, như mọi quan hệ xã hội khác, hôn nhân luôn chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế và bản chất chế độ xã hội mà trên đó nó được hình thành và phát triển. Vì vậy, hôn nhân trong bất cứ thời đại nào cũng có thể và cần phải được xã hội thừa nhận, ở những mức độ, trình độ khác nhau. Trong chế độ tư hữu và các xã hội có sự phân chia giai cấp, sự thừa nhận đó được thể hiện về mặt pháp luật, bên cạnh sự thừa nhận của cộng đồng, của các chuẩn mực văn hoá và lối sống của truyền thống trong cộng đồng. Sự phù hợp về trạng thái tâm lý, tình cảm, lối sống giữa đôi nam nữ trước khi đi đến hôn nhân và là cơ sở trực tiếp cho hôn nhân được gọi là tình yêu. Cũng như hôn nhân, tình yêu của mỗi thời đại, mỗi giai cấp và tầng lớp, mỗi dân tộc và cộng đồng tâm lý văn hoá cũng có những giá trị và chuẩn mực riêng, với những biểu hiện riêng, cụ thể và sinh động.

- Quan hệ huyết thống là quan hệ cơ bản đặc trưng của gia đình:

Gia đình là tổ chức cơ bản, gắn bó nhất của mỗi cá nhân. Mọi người đều phải sinh ra từ trong một gia đình, chịu ảnh hưởng sâu sắc của gia đình bởi sự chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ từ lúc còn là thai nhi cho đến khi trưởng thành và cả quãng đời về sau.

Gia đình là nhóm xã hội có các giới tính (nam, nữ) hình thành và phát triển từ hôn nhân tái sản xuất ra con người, tạo nên quan hệ ruột thịt, huyết thống. Đây là nét đặc trưng cơ bản nhất của gia đình.

Các thành viên trong gia đình có thể thuộc nhiều thế hệ được gắn bó với nhau không chỉ vì quan hệ ruột thịt, huyết thống, mà còn có con nuôi ảnh hưởng trực tiếp lẫn nhau về nếp sống sinh hoạt, phong tục, tập quán truyền thống…tạo nên bản sắc văn hóa của gia đình.

Đời sống gia đình được tồn tại và phát triển thường nhờ vào một ngân sách chung do khả năng lao động của các thành viên đóng góp: gắn kết với nhau bằng tình cảm, trách nhiệm thiêng liêng nhất bởi quan hệ huyết thống.

Do nhu cầu hết sức tự nhiên cần duy trì và phát triển nòi giống, con người đã sáng tạo ra gia đình với tính cách một thiết chế xã hội. Trong gia đình, cùng với quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống được coi là một quan hệ cơ bản nhất. Tuy nhiên, ngay cả quan niệm về quan hệ này cũng có những thay đổi theo tiến trình lịch sử. Những sự thay đổi ấy được quy định, chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, văn hoá, chính trị của xã hội. Mặt khác, quan hệ huyết thống ấy cũng gia nhập, đan xen vào các quan hệ kinh tế - xã hội và chính trị xã hội của mỗi thời đại. Trong chế độ công xã nguyên thuỷ, huyết thống về đằng mẹ được coi như chuẩn mực để tính quan hệ thân tộc gần xa. Khi ấy, gia đình được xây dựng trên cơ sở huyết thống mẫu hệ. Gia đình theo huyết thống về đằng cha (gia đình phụ hệ) được coi như một sự phủ định đối với gia đình mẫu hệ được hình thành và phát triển cùng với sự xuất hiện chế độ tư hữu. Những biểu hiện của bất bình đẳng trong quan hệ nam nữ dù ở mức độ thấp (gia đình mẫu hệ) đến mức độ cao hơn và ngày càng gay gắt hơn (gia đình phụ hệ: gia đình chủ nô, gia đình phong kiến gia trưởng, gia đình tư sản) chỉ có thể được khắc phục trong điều kiện khi mà chế độ tư hữu bị xoá bỏ, chế độ sở hữu công cộng (công hữu) đối với các tư liệu sản xuất được xác lập.

- Quan hệ quần tụ trong cùng một không gian sinh tồn:

Gia đình thường là những thành viên sống chung với nhau dưới một mái nhà, kể cả những lúc xa vắng, họ vẫn có mối quan hệ khăng khít với chỗ ở, tổ ấm chung đó.

Ngay từ đầu, xuất phát từ yêu cầu được đặt ra trong quan hệ với tự nhiên và giữa con người với nhau, cộng đồng gia đình đã luôn cư trú, quần tụ trong một không gian sinh tồn. Lúc đầu là trong một hang đá, hốc cây... sau là trong một mái nhà... Dù không gian sinh tồn ấy ngày càng mở rộng và chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế - xã hội, nhưng nhu cầu quần tụ vẫn luôn được đặt ra, cho dù ngày nay, khái niệm không gian sinh tồn của gia đình không còn giữ nguyên nghĩa như một giới hạn địa lý thuần tuý. Cho dù sự can thiệp, mức độ quan tâm giữa các thành viên gia đình đã được xã hội thay thế, đảm nhận ở mức độ đáng kể, sự quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên, các thế hệ trong mỗi gia đình không vì thế mà mất đi. Trái lại nó được củng cố, được thực hiện nhờ những thiết bị, phương tiện và tiện nghi ngày càng hiện đại, đầy đủ hơn.

- Quan hệ nuôi dưỡng giữa các thành viên và thế hệ thành viên trong gia đình:

Nuôi dưỡng là một nghĩa vụ, một trách nhiệm, đồng thời còn là một quyền lợi thiêng liêng của gia đình, của các thành viên gia đình đối với nhau. Nuôi dưỡng không đơn thuần chỉ là các bậc cha mẹ, ông bà nuôi dưỡng con cháu, mà còn là hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, giữa các thành viên khoẻ mạnh có thuận lợi trong làm ăn sinh sống đối với các thành viên gặp những khó khăn, những rủi ro về sức khoẻ, về làm ăn sinh sống. Mặc dù xã hội phát triển, sự quan tâm của xã hội đối với gia đình và các thành viên gia đình qua các chính sách bảo hiểm, chăm sóc y tế, dưỡng lão... nhưng nuôi dưỡng của gia đình có những đặc thù mà xã hội dù hiện đại đến đâu cũng không thể thay thế và càng không nên đặt vấn đề thay thế hoàn toàn.

1.1.6. Các chức năng cơ bản của gia đình

Chức năng sinh sản, tái sản xuất con người

- Tái sản xuất ra chính bản thân con người là một chức năng cơ bản và riêng có của gia đình. Chức năng này bao gồm các nội dung cơ bản: tái sản xuất, duy trì nòi giống, nuôi dưỡng nâng cao thể lực, trí lực bảo đảm tái sản xuất nguồn lao động và sức lao động cho xã hội.

- Hoạt động sinh con đẻ cái của con người trước hết xuất phát từ nhu cầu tồn tại rất tự nhiên và chính đáng của chính con người, của xã hội. Chức năng này đảm bảo sự tồn vong của xã hội.

+ Xét về góc độ xã hội, quốc gia muốn hùng mạnh và phát triển bền vững thì tất yếu phải tái sản xuất ra sức lao động xã hội. Không chỉ để thay thế mà đồng thời thế hệ

được sinh sản sau phải là sức lao động có trình độ, năng lực hơn những thế hệ trước để góp phần sáng tạo ra một xã hội ngày càng văn minh, tiến bộ hơn. Nếu không có chức năng sinh sản tái sản xuất ra sức lao động ngày một hoàn hảo hơn của gia đình thì xã hội không những không thể tiến lên phía trước mà chỉ thụt lùi đi đến chỗ tiêu vong.

+ Sinh đẻ, tái sản xuất ra sức lao động được coi là nghĩa vụ thiêng liêng của gia đình. Do đó, nam nữ xây dựng gia đình trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và những con cái của họ sinh ra đều được pháp luật, xã hội công nhận và bảo trợ.

- Trước đây, do trình độ nhận thức, trình độ phát triển khoa học kĩ thuật còn thấp kém, con người chưa có ý thức đầy đủ và chưa có khả năng kiểm soát điều tiết việc sinh sản để bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ, chất lượng đời sống cho trẻ em. Việc sinh sản theo quan niệm "Trời sinh voi, sinh cỏ" đã dẫn đến tình trạng nhiều gia đình quá đông con nên nghèo đói, bệnh tật, trẻ nheo nhóc, thiếu dinh dưỡng, không được học hành, tuổi thọ trung bình thấp v.v…

Nhưng hiện nay, tốc độ gia tăng dân số, mật độ dân cư... và nhiều yếu tố khác liên quan đã tác động mạnh mẽ đến các vấn đề chiến lược và trình độ phát triển kinh tế, xã hội... Vì vậy sinh đẻ của mỗi gia đình không chỉ là việc riêng của gia đình mà còn là một nội dung quan trọng của mỗi quốc gia và toàn nhân loại. Chiến lược về dân số hợp lý sẽ trực tiếp tạo ra một cách có kế hoạch nguồn nhân lực mới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, là mục tiêu, động lực quan trọng nhất của phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Vì vậy chức năng sinh sản, tái sản xuất ra sức lao động phải:

+ Đảm bảo số lượng và chất lượng cuộc sống của đứa trẻ và của các thành viên trong gia đình. Đây là vấn đề nhân bản, khẩn cấp, có tính toàn cầu.

+ Riêng ở Việt Nam chúng ta đang đặt ra trách nhiệm cho mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh đẻ 1 hoặc 2 con nhằm thực hiện triệt để chương trình DS-KHHGĐ.

Chức năng nuôi nấng, giáo dục

- Nội dung của giáo dục gia đình tương đối toàn diện: cả giáo dục tri thức và kinh nghiệm, giáo dục đạo đức và lối sống, giáo dục nhân cách, thẩm mỹ, ý thức cộng đồng...

- Phương pháp giáo dục của gia đình: cũng rất đa dạng, song chủ yếu là phương pháp nêu gương, thuyết phục, chịu ảnh hưởng không ít của tư tưởng, lối sống, tâm lý, gia phong của gia đình truyền thống.

- Chủ thể giáo dục: Giáo dục gia đình còn bao hàm cả tự giáo dục. Tuy nhiên, chủ thể giáo dục gia đình cơ bản và chủ yếu vẫn là thế hệ cha mẹ, ông bà đối với con cháu.

- Quá trình nuôi dưỡng, giáo dục con người bắt đầu từ trong bào thai của mẹ (thai giáo) và khi cất tiếng chào đời là ở trong môi trường gia đình. Sứ mệnh nuôi dưỡng, giáo dục đứa trẻ từ khi mới ra đời không thể giao phó, chuyển nhượng cho ai có trách nhiệm hơn, tốt đẹp hơn là gia đình. Gia đình là "trường học" đầu tiên đối với cuộc đời của mỗi con người.

+ Theo A.C. Makarencô: "Những gì mà cha mẹ đã làm cho con trước 5 tuổi, đó là 90% kết quả của quá trình giáo dục".

+ Kinh nghiệm giáo dục truyền thống của nhân dân ta cũng khẳng định:

"Uốn cây từ thuở còn non, Dạy con từ thuở con còn trẻ thơ"

+ Từ nhỏ, con người không được giáo dục, lớn lên không khác gì cây hoang, cỏ dại ở ngoài đồng và nếu không được sống trong môi trường gia đình và xã hội thì cũng không khác mấy các loài động vật. Trong lịch sử có hơn 30 trường hợp trẻ con bị lạc vào rừng được sói nuôi dưỡng đã trở thành "người sói". Tất cả những trường hợp của "đứa trẻ hoang dã" dù sau khi được trở lại với xã hội người, đều có kết quả tương tự, khó lòng trở thành một con người thực thụ.

- Giáo dục gia đình không những có tác dụng mạnh mẽ, có ý nghĩa sâu sắc đối với tuổi trẻ thơ, mà còn có ý nghĩa đối với cả cuộc đời của con người lúc đã trưởng thành cho đến lúc tuổi già. Nói cách khác là những phẩm chất đạo đức, tính cách, cũng như năng lực chuyên biệt của cha mẹ thường ảnh hưởng rất lớn đối với con cái trong gia đình. Vì vậy, nhiều nhà khoa học đã nhận định: "Có một thực tế lạ lùng là phần lớn những thiên tài đều có bà mẹ tuyệt vời và họ nhận được ở người mẹ nhiều hơn là ở người cha".

- Việc chăm lo nuôi nấng, giáo dục của cha mẹ đối với trẻ ở trong gia đình:

+ Trước hết là nhằm giữ gìn và phát triển thể chất, không để trẻ lâm vào tình trạng đói, rét, suy dinh dưỡng, sống lay lắt, ốm đau bệnh tật ảnh hưởng đến thể trạng của người công dân tương lai, đến nòi giống dân tộc.

+ Hơn thế nữa, cha mẹ phải thường xuyên tạo ra môi trường sống có ý nghĩa và tác dụng giúp con cái hình thành và phát triển toàn diện nhân cách người công dân chân chính tương lai.

+ Thực chất của việc tổ chức giáo dục trên là xã hội hóa đứa trẻ, biến sinh thể tự nhiên thành một thực thể có khả năng hòa nhập, thích ứng, sống, học tập, làm việc theo yêu cầu biến đổi của xã hội.

- Quá trình xã hội hóa đứa trẻ trong gia đình về đại thể diễn ra như sau:

+ Ngay lúc còn thai nhi, đặc biệt từ thuở lọt lòng, đứa trẻ đã được tiếp xúc với nền văn hóa gia đình mà tiêu biểu là: trân trọng vị trí, công lao của cha, mẹ ("Công cha như núi Thái Sơn; nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"); yêu thương quý mến những người có quan hệ máu mủ ruột rà, ông bà, anh em, chú bác, cô, dì… (một giọt máu đào hơn ao nước lã; anh em như chân với tay); đề cao tình nghĩa vợ chồng, đạo lí giữa cha mẹ và con cái, giữa gia đình và họ hàng, làng xóm, cộng đồng (một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ); tiếp thu những kinh nghiệm về mọi mặt, nhất là về nghề nghiệp, về lao động sản xuất (đời cha cho chí đời con, đẽo vuông rồi lại đẽo tròn mới nên)…

+ Từ nền văn hóa gia đình, đứa trẻ càng trưởng thành càng tiếp xúc với nền văn hóa rộng lớn hơn, phong phú hơn qua giao tiếp, học tập, lao động, vui chơi giải trí, hoạt động xã hội, hoạt động tập thể v.v… Nó dần dần chiếm lĩnh một cách chọn lọc, sáng tạo nền văn hóa xã hội ở mức độ cần thiết, nhất định.

+ Từ đứa trẻ ở trong gia đình biết vị trí của mình là con, là cháu, người anh, người chị dần dần ý thức được là người công dân tương lai của đất nước với những nghĩa vụ, quyền lợi được xã hội chấp nhận.

- Tất nhiên, quá trình xã hội hóa đứa trẻ không hoàn toàn do giáo dục gia đình quyết định. Giáo dục gia đình - cha mẹ với tư cách là nhà giáo dục đầu tiên khơi nguồn, mở mang cho việc hình thành và phát triển những yếu tố nhân cách gốc, tạo cơ sở rất quan trọng cho đứa trẻ tiếp thu có hiệu quả giáo dục của nhà trường, đoàn thể xã hội.

- Giáo dục gia đình có những nét đặc thù mà giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội không thể có, đó là:

+ Tình cảm yêu thương tràn trề của cha mẹ đối với con cái, nên họ sẵn sàng hi sinh các điều kiện vật chất và tinh thần, dành mọi thuận lợi cho quá trình giáo dục, miễn sao con cái nên người.

+ Đồng thời, giáo dục gia đình là một nền giáo dục toàn diện, cụ thể hóa và cá biệt hóa rất cao.

- Từ những vấn đề đã được trình bày ở trên, chúng ta thấy rằng: nuôi nấng và giáo dục con cái là chức năng đặc biệt quan trọng của gia đình, không có một đơn vị, tổ chức nào có thể thay thế được. Do đó, việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả giáo dục gia đình luôn luôn là một vấn đề thời sự có ý nghĩa rất mới mẻ, rất cấp thiết của mọi dân tộc, mọi quốc gia.

- Chính vì vậy mà cần phải chống lại những quan điểm cho rằng, trong xã hội hiện đại, chức năng giáo dục trẻ của gia đình đã được chuyển giao cho các thiết chế xã

hội như nhà trẻ, trường lớp mẫu giáo và phổ thông, còn gia đình chỉ có chức năng sinh đẻ và liên kết tình cảm.

- Đặc biệt đối với những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường đến mọi lứa tuổi. Giáo dục gia đình cũng không tránh khỏi những nguy cơ và thách thức. Nếu các bậc cha mẹ lơ là không quan tâm đến việc nuôi dạy con cái; không biết cách giáo dục con cái; thiếu gương mẫu trong cách sống, lối sống của một người công dân chân chính, tất yếu sẽ đem lại những hậu quả thảm hại đối với con cái trong gia đình.

Giáo dục gia đình là một bộ phận và có quan hệ hỗ trợ, bổ sung hoàn thiện thêm cho giáo dục nhà trường và xã hội. Do đó, dù giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội có phát triển lên trình độ nào, giáo dục gia đình vẫn được coi là một thành tố của nền giáo dục xã hội nói chung. Giáo dục gia đình luôn trở thành bộ phận quan trọng, hợp thành giáo dục nói chung phục vụ các lợi ích cơ bản của giai cấp thống trị trong bất cứ thời đại nào, khi xã hội còn giai cấp và phân chia giai cấp.

Chức năng kinh tế, tổ chức đời sống gia đình

Hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống vật chất là một chức năng cơ bản của gia đình. Hoạt động kinh tế, hiểu theo nghĩa đầy đủ gồm có hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng để thoả mãn các yêu cầu ăn mặc, ở, đi lại của mỗi thành viên và của gia đình.

Thực hiện chức năng này cũng là việc các gia đình sử dụng nguồn thu nhập để mua sắm những sản phẩm phục vụ cho đời sống vật chất và đời sống tinh thần của gia đình (tiêu dùng), thông qua đó mà góp phần thúc đẩy nền sản xuất xã hội phát triển. Như vậy, chức năng kinh tế của gia đình chủ yếu được xem xét trên ba phương diện: hoạt động tiêu dùng, hoạt động sản xuất, việc phân phối nguồn lực và lợi ích của gia đình. Với hoạt động tiêu dùng, gia đình được xem là một đơn vị, trong khi đó, với hoạt động sản xuất, điều này có thể diễn ra hoặc là trong phạm vi gia đình (gia đình khi đó sẽ là một đơn vị sản xuất), hoặc do các thành viên trong gia đình thực hiện ở ngoài gia đình (gia đình khi đó sẽ mang ý nghĩa như một " bể chứa thu nhập"[1]). Ba phương diện trong chức năng kinh tế của gia đình cú mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau mang tính quy định nhau. Hoạt động sản xuất chi phối tiêu dùng, sự đóng góp của các thành viên trong bể chứa thu nhập cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến sự phân phối lợi ích. Tuy

[1] Vũ Tuấn Anh và Trần Thị Vân Anh, Lịch sử và triển vọng phát triển kinh tế hộ (Dẫn lại theo Lê Ngọc Văn chủ biên: Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với gia đình Việt Nam hiện nay. Uỷ ban dân số , gia đình và trẻ em. H 2004 tr 174)

nhiên, gia đình là đơn vị đặc biệt, vì vậy, việc phân phối lợi ích của gia đình không hoàn toàn chỉ dựa trên sự công bằng trong đóng góp thu nhập mà nó cũng phải dựa trên thứ tự ưu tiên của các thành viên mà các gia đình xác lập nên. Sự xác lập thứ tự ưu tiên phân phối lợi ích của mỗi gia đình lại trực tiếp chi phối sự ổn định trong quan hệ của các thành viên gia đình đó. Khi gia đình không còn là bể chứa thu nhập, không còn giữ được vai trò phân phối lợi ích cho các thành viên, tính liên kết trong các quan hệ gia đình chắc chắn sẽ bị tác động mạnh.

- Từ bao đời nay, gia đình luôn luôn được coi là một đơn vị kinh tế sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Con người sinh ra và lớn lên trong gia đình, trước hết là cần đến cái ăn, cái mặc để tồn tại và phát triển, cần đến nhà cửa, nơi để che mưa, che nắng, cần đến đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, đến thuốc men để chữa bệnh khi đau ốm.

- Nói đến chức năng kinh tế của gia đình, trước hết phải nói đến làm sao đảm bảo cho mọi thành viên có cuộc sống ấm no, đó chính là việc ăn, mặc, ở - nhu cầu thiết yếu, cơ bản nhất của con người. Tất nhiên nhu cầu của con người cũng ngày càng thêm phong phú, được nâng cao theo tiến trình phát triển của xã hội, không dừng lại ở mức độ ăn no, mặc ấm mà tiến tới ăn ngon mặc đẹp: nhà đủ tiện nghi, sang trọng; phương tiện đi lại của cá nhân nhanh chóng, thuận lợi;… sinh hoạt văn hóa, nghỉ ngơi, giải trí thoải mái. Vì vậy:

+ Gia đình - cha mẹ là người phải biết tổ chức hoạt động kinh tế, sản xuất nhằm tăng nguồn thu nhập từ các ngành nghề chính và nghề phụ, biết huy động và sử dụng hợp lý sức lao động của mỗi thành viên trong gia đình, tổ chức lao động có hiệu quả cao, trong đó cần lưu ý đến việc giáo dục tình cảm thái độ lao động cho con cái và các thành viên khác trong gia đình, làm sao phát huy được tinh thần tự giác, sáng tạo trong lao động để làm cho kinh tế gia đình ngày càng dồi dào.

+ Đồng thời với năng suất lao động tạo ra thu nhập cao của mọi thành viên, gia đình cũng phải quan tâm đến việc chi tiêu (tiêu dùng) có kế hoạch, tiết kiệm như phương ngôn có câu "*Buôn tàu, bán bè không bằng ăn dè hà tiện*", đặc biệt là phải tránh xa các tệ nạn nghiện ngập, cờ bạc… làm cho khuynh gia bại sản, đẩy con người vào con đường cùng quẫn bằng những hành động mất nhân tính. Cả gia đình đều đồng lòng, đồng thuận để xây dựng kinh tế gia đình: *Trên đồng cạn, dưới đồng sâu/ Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa*.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiều gia đình có điều kiện (có sở hữu hoặc tham gia sở hữu tư liệu sản xuất) đều có thể trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Để có thể phát huy mọi tiềm năng sáng tạo trong kinh

tế, Đảng và Nhà nước đề ra và thực hiện các chính sách sao cho mọi gia đình, mọi cá nhân có thể làm giàu chính đáng bằng hoạt động sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật.

Cùng với sản xuất kinh doanh, các gia đình và hộ gia đình công nhân viên chức, cán bộ hành chính sự nghiệp, giáo viên, nhà khoa học, trí thức văn nghệ sỹ... cũng được khuyến khích trong lao động sáng tạo, tăng thu nhập chính đáng từ lao động sáng tạo của mình. Các loại gia đình này tuy không trực tiếp thực hiện chức năng sản xuất kinh doanh, nhưng cũng thực hiện một nội dung quan trọng của hoạt động kinh tế: bảo đảm hoạt động tiêu dùng đáp ứng các nhu cầu vật chất cơ bản của con người, qua đó kích thích sự phát triển hoạt động kinh tế của xã hội.

- Chức năng kinh tế trong gia đình có ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn của mọi thành viên, đồng thời quy định, chi phối các chức năng khác như sinh đẻ, giáo dục, văn hoá, quan hệ… trong đời sống thường nhật của gia đình. Thực hiện tốt chức năng kinh tế sẽ tạo ra tiền đề và cơ sở vật chất vững chắc cho tổ chức đời sống của gia đình. Đương nhiên, ngoài cơ sở kinh tế, thì còn nhiều yếu tố khác mới đảm bảo cho một gia đình trở nên văn minh, hạnh phúc.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm- sinh lý, tình cảm

- Nếu như trình độ sản xuất kinh doanh, hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống gia đình là điều kiện và tiền đề vật chất của xây dựng gia đình, thì thoả mãn các nhu cầu tâm sinh lý được coi là một chức năng có tính văn hoá - xã hội của gia đình.

Chức năng này có vị trí đặc biệt quan trọng, cùng với các chức năng khác tạo ra khả năng thực tế cho xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhờ vào quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống nên thành viên gia đình có tình yêu thương và ý thức, trách nhiệm với nhau. Chính vì vậy, gia đình là nơi để mỗi thành viên được chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần, được thỏa mãn nhu cầu tình cảm, cân bằng tâm lý, giải tỏa ức chế... từ các quan hệ xã hội. Sự hiểu biết, cảm thông, chia sẻ và đáp ứng các nhu cầu tâm sinh lý giữa vợ - chồng, cha mẹ - con cái... làm cho mỗi thành viên có điều kiện sống lạc quan, khoẻ mạnh về thể chất và tinh thần là những tiền đề cần thiết cho một thái độ, hành vi tích cực trong cuộc sống gia đình và xã hội.

- Từ xưa đến nay con người đã trải nghiệm và khẳng định gia đình là tổ ấm đối với mọi cá nhân, dù theo nghĩa hẹp hay nghĩa rộng. Gia đình chính là nơi mọi thành viên có điều kiện quan tâm, chăm sóc đến nhau, tạo nên sự thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần thiết yếu cho mỗi cá nhân. Họ có thể hi sinh, nhường nhịn cho nhau vì tình yêu thương ruột thịt:

+ Như tình mẫu tử: “Chốn ướt mẹ nằm, ráo xê con lại”

+ Trong đạo vợ chồng: “Vợ chồng là nghĩa già đời/Ai ơi chớ nghĩ những điều thiệt hơn”

+ Tình anh em:“Khôn ngoan đối đáp người ngoài, Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau”

Không phải ngẫu nhiên người ta gọi gia đình với cách gọi yêu thương, trìu mến, ấm áp. Trong gia đình người già được chăm sóc khỏe mạnh, vui vẻ lạc quan, truyền lại cho con cháu vốn sống, kinh nghiệp ứng xử đẹp. Nơi đó, vợ chồng quan tâm chia sẻ vui buồn cực nhọc trong cuộc sống; con cái biết yêu kính, vâng lời cha mẹ; anh em trên dưới thuận hòa... Ở đó, mỗi người cảm nhận được sự gần gũi, thân thương từ khoảng sân, mái nhà, chiếc giường... đến những quan hệ họ hàng thân thiết.

Khi một thành viên gặp biến cố, gia đình, dòng họ sẽ có sự quan tâm, chia sẻ và có sự giúp đỡ để niềm vui được nhân đôi, nỗi buồn được vơi đi một nửa. Điều đó sẻ tạo nên sợi dây vô hình nhưng bền chặt kết nối nghĩa tình những người trong gia đình, dòng họ, thân tộc lại với nhau. Mối quan hệ đồng bào cũng từ đó mà hình thành trong làng xóm, trong xã hội, trở thành nền tảng của tình yêu quê hương, đất nước, con người.

- Gia đình - nơi đây là không gian thuộc quyền sở hữu riêng của mọi thành viên trong gia đình thường xuyên đem lại cho họ cảm giác an toàn, thoải mái.

+ Đối với mọi thành viên sau một ngày học tập, lao động mệt mỏi ở nơi làm việc người ta sẽ được nghỉ ngơi, thư giãn, bồi dưỡng lại sức lực ở gia đình.

+ Nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến giới tính và giới, tâm lý lứa tuổi và thế hệ, những căng thẳng mệt mỏi về thể xác và tâm hồn trong lao động và công tác... nhiều khi có thể được giải quyết trong một môi trường gia đình hoà thuận

+ Những sở thích, nhu cầu cơ bản nhất như ăn, ở, mặc, nghỉ ngơi… được thỏa mãn một cách triệt để nhất, riêng tư nhất cũng ở trong gia đình.

- Đồng thời, gia đình còn là nơi đã ghi lại trong kí ức sâu thẳm những tình cảm thiết tha, nồng nàn, thiêng liêng của đời người: qua cái ấm áp trong mùa đông lạnh giá, cái mát mẻ giữa mùa hè oi bức, cái no đủ lúc mùa màng thất bát, cái tươi tắn, khỏe mạnh trải qua cơn bệnh tật, ốm đau mà gia đình đã chung lòng, chung sức chăm lo…

+ “Tổ ấm gia đình” như một “bến đậu” từ đó ra đi xuôi ngược, rồi thuyền lại cập bến, ru mình trên dòng sông xanh mát, hoặc tránh cả những cơn bão tố phong ba. Về với gia đình những kỉ niệm vui buồn, đồng cam cộng khổ, vui sướng… được gợi

lên làm cho tình cảm ruột thịt, quê hương thêm sâu sắc, cuộc đời con người thêm ý nghĩa.

Chính vì vậy, trong thực tiễn cuộc sống đã có biết bao nhiêu con người vì điều kiện này hay điều kiện khác phải tha phương, bạt quán, xa mái ấm gia đình hết gần cả cuộc đời, nhưng khi có điều kiện vẫn thực hiện nguyện ước về lại với gia đình - nơi quê cha đất tổ, nơi chôn nhau, cắt rốn của tuổi ấu thơ.

** Chăm sóc người già*

- Dân tộc ta vốn có truyền thống đạo lý tôn trọng người cao tuổi (trọng lão). "Kính lão đắc thọ" hoặc "Kính già, già để tuổi cho". Điều đó không chỉ biểu hiện trong tư duy, tình cảm phản ánh qua thơ ca, tục ngữ… mà còn được ghi nhận một cách rất chi tiết, cụ thể trong lệ làng, luật nước, trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Từ xa xưa, phương ngôn ta đã có câu: "Triều đình trọng tước, làng nước trọng xỉ"

Luật nước, lệ làng đối với việc "trọng lão" không những tùy thuộc vào từng thời đại phong kiến, mà còn tuỳ thuộc vào phong tục, tập quán sinh hoạt của cộng đồng được bảo tồn sâu sắc trong các hương ước, khoán ước làng xã. Có thể cắt nghĩa lệ làng, luật nước chăm sóc, tôn trọng người cao tuổi với mấy lí do sau:

+ Về sức mạnh tự nhiên: Nó biểu hiện ở trí tuệ và kinh nghiệm tích lũy được của người già từ lao động để sinh tồn, phát triển nòi giống và chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, giang sơn do cha ông để lại.

+ Về sức mạnh xã hội: Tiếng nói của người cao tuổi có sức mạnh lớn lao trên thì đối với vua hiền, tôi thẳng phải kính nể, dưới thì đối với cộng đồng làng xóm có ý nghĩa đoàn kết, cổ vũ, hòa giải, động viên.

- Đối với gia đình, nuôi dưỡng chăm sóc ông bà, cha mẹ già là thể hiện đạo hiếu của con cháu trong gia đình,là thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với những thế hệ đã vượt qua, đã chịu đựng biết bao vất vả, gian khổ, thiếu thốn để chắt chiu ra những dòng sữa ngọt ngào, những miếng cơm, manh áo nuôi, dạy con cháu trưởng thành và tạo lập nên cơ nghiệp gia đình, góp phần xây dựng đất nước hôm nay.

- Theo quan niệm của Phật giáo thì cuộc sống của con người ai cũng phải trải qua một vòng đời: sinh, bệnh, lão, tử. Đến tuổi già lão, sức khỏe con người bị giảm sút, các tế bào trong lục phủ, ngũ tạng bị lão hóa dẫn đến tình trạng chân run, gối mỏi, nhiều bệnh tật phát sinh là quy luật tất nhiên không mấy ai được ngoại lệ. Đến lúc đó con cháu, gia đình phải bảo vệ, chăm sóc, phụng dưỡng là đạo lí và quy luật tự nhiên ở đời như mọi người đã ý thức được là "Trẻ cậy cha, già cậy con" không những để cho ông bà, cha mẹ già phấn chấn, thanh thản vui cùng con cháu, xóm làng những ngày

cuối đời trước lúc bước vào cõi vĩnh hằng, mà còn nhằm tiếp thu một kho tàng kiến thức, kinh nghiệm đã tích lũy được qua bao năm tháng:

"Đã từng ăn bát cơm đầy, Đã từng nhịn đói chín ngày không ăn"

- Bảo vệ, chăm sóc ông bà, cha mẹ lúc tuổi già không những là đạo hiếu "đền ơn đáp nghĩa" để cho các cụ nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, mà phần khác để cho các cụ có thời gian, điều kiện thuận lợi hơn chuyển giao lại cho con cháu những kinh nghiệm quý báu đã được trải nghiệm suốt cả cuộc đời về nhiều mặt, trong đó có việc đối nhân, xử thế, việc xây dựng, củng cố nề nếp, gia phong, gia giáo trong gia đình, việc thiết lập trật tự, kỉ cương trong thôn xóm, cộng đồng… Ông bà, cha mẹ già ở trong gia đình vẫn có vị trí, vai trò rất quan trọng:

+ Can thiệp, giải quyết các mối bất hòa có thể xảy ra giữa các con, các cháu để bảo vệ các mối quan hệ chính đáng, tốt đẹp ở trong gia đình.

+ Ngăn chặn, phê phán mạnh mẽ những suy nghĩ, hành vi trái với đạo lí ở trong gia đình và ngoài xã hội làm tổn hại đến danh dự, truyền thống gia phong, gia giáo của dân tộc.

+ Nhắc nhở con cháu nhớ đến những ngày lễ tết, giỗ chạp đối với tổ tiên, ông bà, nhằm thể hiện lòng thành kính nhớ đến cội nguồn "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây".

+ Giúp con cái trông nom gia đình lúc chúng đi vắng. Tổ chức, sắp đặt công việc vặt, tạo nên đời sống ngăn nắp, gọn gàng sạch sẽ trong gia đình.

+ Kèm cặp, nhắc nhở các cháu học hành, tắm giặt sạch sẽ, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ, giáo dục uốn nắn những sai trái trong ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ…hướng các cháu hình thành, phát triển những yếu tố nhân cách cần thiết của con người công dân chân chính tương lai theo yêu cầu, đòi hỏi của xã hội.

- Khó lòng mà tính hết được những việc làm vô tư, hết mình, có trách nhiệm cao, không quản ngại ngày, đêm vất vả của ông bà, cha mẹ già đối với con cháu trong gia đình, vì vậy trong dân gian ta đã có câu đánh giá sự giúp đỡ to lớn của các cụ:

"Một mẹ già bằng ba trâu nái" Hoặc *"Một mẹ già bằng ba người ở"*

Vì vậy, gia đình có ông bà, cha mẹ già - đại thọ là điều quý hiếm rất đáng tự hào, trân trọng".

"Mẹ già như chuối ba hương, Như xôi nếp mật, như đường mía lau"

Chuối ba hương, xôi nếp mật, đường mía lau trong xã hội nông nghiệp còn nghèo khó xưa kia đó là những sản phẩm quý hiếm mà ai ai cũng thèm thuồng, mơ ước. Mẹ già cũng vậy, ai cũng mong ước có mẹ già để bảo ban mình và con cháu, cho nên là con cháu trong gia đình phải kính yêu, nuôi dưỡng chăm sóc ông bà, cha mẹ

bằng những biểu hiện cụ thể:

+ Cái ăn, cái mặc phải tương đối đầy đủ hợp với điều kiện, khả năng của gia đình, cố gắng ưu tiên những nhu cầu cần thiết vì tuổi già.

+ Lúc ông bà, cha mẹ ốm đau phải hỏi han, thuốc thang, chăm sóc chu đáo, thành tâm, để các cụ tránh khỏi mặc cảm *"tuổi già là gánh nặng"* cho con cháu và tâm trạng cô đơn.

+ Phải thể hiện lòng thành kính, hiếu thảo của mình trong hành vi ứng xử: nét mặt vui tươi, xưng hô lễ phép, nói năng nhã nhặn. Dù trong trường hợp nào cũng không được coi thường các cụ một cách thô lỗ.

1.1.7. Vai trò của gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khi nói về vai trò của gia đình, cụ Phan Bội Châu đã khẳng định: Nước là một cái nhà lớn, nhà là một cái nước nhỏ. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị thảo luận dự thảo Luật Hôn nhân – Gia đình (tháng 10-1959), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Rất quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình". Nhiều thập kỷ qua, cơ cấu xã hội có sự biến đổi, nhưng tổ chức của gia đình không biến đổi nhiều. Gia đình là tế bào của xã hội, do đó, văn hóa gia đình đóng vai trò quan trọng trong vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

Gia đình là tế bào của xã hội

Có thể ví xã hội là một cơ thể sống hoàn chỉnh và không ngừng biến đổi được "sắp xếp, tổ chức" theo nhiều mối quan hệ trong đó gia đình được xem là một tế bào, một thiết chế cơ sở đầu tiên. Mỗi một chế độ xã hội được sinh thành, vận động và biến đổi trên cơ sở một phương thức sản xuất xác định và có vai trò quy định đối với gia đình. Nhưng xã hội ấy lại tồn tại thông qua các hình thức kết cấu và quy mô gia đình. Mỗi gia đình hạnh phúc, hoà thuận thì cả cộng đồng và xã hội tồn tại và vận động một cách êm thấm. Mục đích chung của sự vận động biến đổi của xã hội trước hết vì lợi ích của mỗi công dân, mỗi thành viên xã hội và mỗi gia đình - tổ chức và thiết chế xã hội đầu tiên, cơ sở nơi quần tụ của mỗi công dân và thành viên của xã hội. Nhưng lợi ích

của mỗi công dân, mỗi thành viên xã hội lại chịu sự chi phối của lợi ích các tập đoàn giai cấp thống trị trong xã hội, trong điều kiện xã hội phân chia thành giai cấp.

Gia đình là một đơn vị kinh tế của xã hội

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với sự tồn tại của nền kinh tế thành phần, các gia đình trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ. Đảng và nhà nước đề ra chính sách kinh tế - xã hội, tạo mọi điều kiện cho các gia đình làm giàu chính đáng từ lao động của mình. Ở nước ta hiện nay, kinh tế gia đình được đánh giá đúng với vai trò của nó. Đảng và nhà nước có những chính sách khuyến khích và bảo vệ kinh tế gia đình. Vì vậy mà đời sống của gia đình và xã hội đã được cải thiện đáng kể.

Thực hiện chức năng kinh tế tốt sẽ tạo tiền đề và cơ sở vật chất cho tổ chức đời sống gia đình.

Việc tổ chức đời sống gia đình chính là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên và thời gian nhàn rỗi để tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, đời sống vật chất của mỗi thành viên được đảm bảo sẽ nâng cao sức khỏe của các thành viên đồng thời cũng duy trì sắc thái, sở thích riêng của mỗi người.

Thực hiện tốt tổ chức đời sống gia đình không những đảm bảo hạnh phúc gia đình, hạnh phúc của từng cá nhân mà còn góp vào sự tiến bộ của xã hội.

Gia đình là một thiết chế cơ sở, đặc thù của xã hội, là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

Trong hệ thống cơ cấu tổ chức của xã hội, gia đình được coi là thiết chế cơ sở, đầu tiên, nhỏ nhất. Sự vận động biến đổi của thiết chế tuân theo những quy luật chung của cả hệ thống. Nhưng thiết chế ấy vận động biến đổi còn trên cơ sở kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của mỗi nền văn hoá, mỗi vùng và địa phương khác nhau và còn được bộc lộ, thể hiện ở mỗi thành viên và thế hệ thành viên trong sự "giao thoa" của mỗi cá nhân và mỗi gia đình. Thông qua các hoạt động tổ chức đời sống trong gia đình và của gia đình, mỗi cá nhân, mỗi gia đình tiếp nhận, chịu sự tác động và "phản ứng " lại đối với những tác động của xã hội, thông qua các tổ chức, các thiết chế, chính sách... của xã hội. Sự đồng thuận hay không đồng thuận của những tác động từ xã hội, nhà nước với những hình thức tổ chức, sinh hoạt trong thiết chế gia đình sẽ tạo ra kết quả tốt hay xấu của mỗi chế độ xã hội, mỗi thời đại.

Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hoà trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên, mỗi công dân của xã hội

Từ thuở lọt lòng cho đến suốt cuộc đời, mỗi thành viên được nuôi dưỡng, chăm sóc để trở thành công dân của xã hội, lao động cống hiến và hưởng thụ, đóng góp cho xã hội trước hết và chủ yếu là thông qua gia đình và với gia đình. Sự yên ổn, hạnh

phúc mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, bảo đảm đạt hiệu quả cho các hoạt động lao động của xã hội. Rõ ràng là, muốn xây dựng xã hội phải chú ý xây dựng gia đình. Xây dựng gia đình là trách nhiệm, là một bộ phận cấu thành trong chỉnh thể các mục tiêu phấn đấu của xã hội, vì sự ổn định và phát triển của chính xã hội.

Ngày xưa, "tam đại đồng đường", "tứ đại đồng đường" – nhiều thế hệ sống chung dưới một mái nhà, thường là điển hình của những gia đình có phúc đức, có nền nếp gia giáo.

Ngày nay, do sự phát triển nhiều mặt, quan niệm về gia đình có thể khác trước. Nhưng bất kể thế nào, con người sinh ra, ai cũng cần có một GIA ĐÌNH. Không gia đình là biểu hiện của sự bất hạnh.

Không gia đình con người rất khó trưởng thành theo đúng nghĩa một con người. Những đứa trẻ sớm mồ côi, bị ném vào xã hội, thì "chúng là cái mồi rất tốt cho những tật xấu thói hư". Và nếu như sinh ra, lập tức đã không có gia đình, không có người MẸ cho bú mớm, ôm ấp vỗ về… , con người đó sống làm sao và hiểu sao được tình mẫu tử và lẽ sống ở đời?. Nhà phân tâm học D. Winnicott nói: "một trẻ sơ sinh – con người ấy không tồn tại". Còn Gerard Poussin, giáo sư tâm lý học, người Pháp thì viết: "Con người không tự mình sáng tạo ra (mình) cũng không tự mình tạo dựng được cuộc sống (của mình)".

Gia đình là môi trường sống đầu tiên và quan trọng nhất của mỗi con người. Tiếp mới đến xã hội. Và ngay khi con người hòa nhập vào cuộc sống xã hội để mưu sinh, để khẳng định mình, để làm "ông nọ bà kia", thì gia đình vẫn luôn là môi trường không thể thiếu được. Trước mọi sóng gió cuộc đời, gia đình phải luôn luôn là cái cảng an bình nhất, là "tổ ấm" hạnh phúc nhất, là nơi chia sẻ mọi nỗi buồn niềm vui, sự thành đạt cũng như nỗi bất hạnh…

1.2. Hình thái gia đình và sự phát triển của gia đình

1.2.1. Các hình thái tổ chức gia đình trong lịch sử

1.2.1.1. Những hình thái hôn nhân và gia đình đầu tiên dưới chế độ thị tộc

Giai đoạn đầu, loài người sống từng bầy đàn, dựa vào săn bắn và hái lượm, chưa có phân công lao động, quan hệ tính giao còn tự do mà lịch sử gọi là quần hôn. Đây là thời kỳ của chế độ thị tộc, thời kỳ này, theo các sử gia xác định, có thể đã kéo dài hàng chục vạn, thậm chí hàng triệu năm.

Chế độ quần hôn được thể hiện ở các hình thái gia đình như sau :

**Kiểu gia đình huyết tộc :*

Đây là giai đoạn đầu của chế độ quần hôn, chủ yếu có các đặc điểm như sau :

Quan hệ hôn nhân được xây dựng theo các thế hệ, mỗi thế hệ (như thế hệ cha mẹ, thế hệ con cái) tập trung theo những nhóm hôn nhân nhất định. Và quan hệ tính giao chỉ hạn chế giữa những người trong nhóm đó khi xét thấy khác thế hệ, tức là quan hệ tính giao theo trực hệ bị loại trừ (cấm giữa cha mẹ và con cái).

**Gia đình Puna luan :*

Đây là giai đoạn cao hơn của chế độ quần hôn. Quan hệ tính giao bị thu hẹp hơn nữa, không còn theo trực hệ (cha mẹ với các con), nhưng vẫn còn theo bàng hệ (giữa anh chị em với nhau).

Vợ chồng trong gia đình Punaluan không chung sống mà chỉ là "Người bạn thân thiết" (theo tiếng người da đỏ châu Mỹ). Các ông chồng không ở chung với các bà vợ, ai ở nhà nấy (sống với mẹ mình), trẻ con sinh ra chỉ biết mẹ, không biết tới cha. Khi một phụ nữ chết thì tài sản để lại cho các con sinh ra bởi người mẹ đó và các anh em trai cùng các chị em gái thừa kế. Đây là loại gia đình tộc cùng có chung một bà mẹ, tất cả những người của các thế hệ trong gia đình này hợp lại thành cái mà chúng ta gọi là *Thị tộc.*

**Kiểu hôn nhân gia đình đối ngẫu: (theo cặp)*

Do ý thức xã hội của con người về hôn nhân phát triển, từ hình thức hôn nhân Puna luan, các cặp vợ chồng tách ra thành từng đôi riêng rẻ, hình thành một hình thức hôn nhân mới : hôn nhân cặp đôi hay còn gọi là *hôn nhân đối ngẫu*.

Công lao trong việc tạo ra hình thức hôn nhân này thuộc về phụ nữ, do họ có nhu cầu cần sự gắn bó cao hơn so với đàn ông, tức là người phụ nữ thời đó nhận thấy muốn được thuộc về chỉ một người đàn ông thôi.

Tuy vậy, hôn nhân đối ngẫu trong điều kiện chế độ thị tộc không thể bền vững được, nó rất dễ bị người vợ hoặc người chồng phá vỡ do không có cơ sở pháp lý và những cơ sở tình cảm ràng buộc chặt. Con cái do hôn nhân đó sinh ra vẫn thuộc về thị tộc mẹ như trước. Sở dĩ như vậy là do gia đình đó vẫn bị phụ thuộc kinh tế vào đại gia đình là thị tộc. Gia đình đối ngẫu vẫn chưa phải là một đơn vị kinh tế. Nó chỉ là một đơn vị hôn phối, một cặp hôn nhân trong thị tộc. Còn thị tộc vẫn là một đơn vị kinh tế cơ bản của xã hội đó.

1.2.1.2. Hôn nhân một vợ một chồng và các biến dạng trong thực tế

** Những điều kiện kinh tế xã hội của hôn nhân một vợ một chồng :*

Hôn nhân một vợ một chồng là hình thức hôn nhân cao hơn, mới hơn và bền vững hơn hôn nhân đối ngẫu, nó phát sinh trong xã hội khi có được những điều kiện kinh tế xã hội cần thiết.

Về lao động, mức độ phân công lao động và chuyên môn hóa cao, làm cho năng suất lao động phát triển tới mức có của cải dư thừa, kinh tế gia đình xuất hiện bên cạnh các hình thức kinh tế khác. Gia đình đối ngẫu chiếm lấy những của cải dư thừa đó để riêng cho mình.

Với việc chiếm giữ tài sản làm của riêng, gia đình đối ngẫu dần dần đối lập với thị tộc, trở thành đơn vị kinh tế độc lập - gia đình một vợ một chồng ra đời.

Trong gia đình này, người chồng bắt đầu nắm vị trí thống trị, vợ và các con của họ ở vào thế "bị trị" và thực tế họ là tài sản của người chồng. Có được vị trí đó là do lúc này người chồng làm những nghề nghiệp đưa lại hiệu suất và thu nhập cao hơn như : chăn nuôi, trồng trọt, tiểu thủ công, săn bắn, . . . còn người vợ chỉ làm những công việc nội trợ, nuôi con trong nhà, không làm ra của cải vật chất cho gia đình nên bị phụ thuộc.

Chế độ hôn nhân một vợ một chồng đã cho phép xác định được người cha đẻ của các con trong gia đình mà trong các hình thức hôn nhân trước đó chưa xác định được. *Người chồng nảy ra xu hướng lợi dụng địa vị vững vàng hơn ấy để thay đổi trật tự thừa kế cổ truyền đặng làm lợi cho con cháu mình. . . Vì vậy, cần xóa bỏ chế độ huyết tộc theo mẫu quyền đi đã... huyết tộc theo cha và quyền thừa kế theo cha được xác lập. (F.Engels)*

Giai đoạn này thị tộc bắt đầu tan rã trước tư tưởng tư hữu đang phát triển, thị tộc phải nhường chỗ cho gia đình cá thể (gia đình một vợ một chồng)

Chế độ thị tộc không giai cấp với sự xuất hiện của gia đình một vợ một chồng đã chuyển sang chế độ tư hữu và có giai cấp. Cuộc cách mạng này đã xảy ra ngay từ trong gia đình.

** Hôn nhân một vợ một chồng trong các chế độ xã hội :*

- *Trong chế độ chiếm hữu nô lệ:*

Ở xã hội này, chế độ một vợ một chồng bắt đầu mang tính giả tạo, đối với chủ nô và nó chỉ tuân thủ đối với đàn bà. Sự hiện diện của các nô lệ gái đã *thuộc về người chủ nô cả về thể xác lẫn tâm hồn* thì người vợ của các chủ nô cũng chỉ còn là một nô lệ, một công cụ giải trí và sinh đẻ đơn thuần mà thôi.

Thực tế lịch sử hình thành Nhà nước La Mã đã chứng minh rằng khi xã hội này hình thành các cơ quan Nhà nước thì xã hội cũng bắt đầu xuất hiện chế độ gia trưởng trong gia đình và được luật pháp bảo vệ.

- *Trong chế độ phong kiến:*

Xuất phát từ sự tôn thờ và duy trì chế độ đẳng cấp, trọng nam khinh nữ trong xã hội phong kiến mà chế độ một vợ một chồng bị biến dạng : Xã hội hà khắc với phụ nữ (chỉ có một chồng) còn đàn ông được luật pháp cho phép có nhiều vợ (đa thê), điển hình là phong kiến phương Đông (Việt Nam, Trung Quốc và các nước theo đạo Hồi).

Nhưng thực tế lịch sử thế giới đã chứng minh rằng dù ở phương Đông hay phương Tây thì hôn nhân và gia đình xây dựng trên nền tảng đạo đức phong kiến đều là trọng nam khinh nữ, bảo vệ quyền gia trưởng của đàn ông, hôn nhân theo đẳng cấp (đòi hỏi phải môn đăng hộ đối), bảo vệ và duy trì tông tộc phong kiến.

- *Trong chế độ tư bản chủ nghĩa :*

Trong xã hội TBCN, về hình thức, thì nhà nước tư sản duy trì chế độ một vợ một chồng, tức là hôn nhân một vợ một chồng trên nền tảng luật pháp, còn trong thực tế vẫn tồn tại đầy rẫy sự phóng túng của đàn ông và đàn bà về quan hệ tình dục (ngoại tình). Xã hội tư bản vẫn tìm mọi cách để duy trì chế độ tư hữu tư sản.

Trong bất kỳ nhà nước tư sản nào trên thế giới, dù ý thức xã hội có biến đổi đến mức nào, thì từ xưa đến nay các quan hệ hôn nhân gia đình trong xã hội vẫn luôn luôn được xây dựng trên sự tính toán về kinh tế và các quan hệ hôn nhân đó vẫn nhuốm đầy màu sắc tiền bạc và tài sản.

- *Trong chế độ Xã hội chủ nghĩa :*

Dưới CNXH, Nhà nước tạo những điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa và luật pháp để thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Vì đây là mục tiêu quan trọng của cách mạng XHCN.

Trong Nhà nước XHCN, vị trí của người phụ nữ được tôn trọng, họ có những quyền ngang với nam giới, không còn ở địa vị phụ thuộc, nên trong quan hệ hôn nhân, họ được tự do để quyết định, không ai có quyền ép buộc, kể cả cha mẹ, ông bà.

Trong xã hội XHCN, hôn nhân và gia đình đã trở thành mối quan tâm của xã hội. Nhà nước dùng luật pháp điều chỉnh các quan hệ về hôn nhân phát triển theo hướng phù hợp với lợi ích của mọi công dân, Nhà nước sử dụng luật hôn nhân và gia đình như một phương tiện để xây dựng các quan hệ xã hội mới, nền văn hóa mới và con người mới phù hợp với bản chất xã hội.

1.2.1.3. Vấn đề gia đình trong thế giới hiện đại và các hình thái gia đình trong gia đoạn hiện nay

Công nghiệp hoá và đô thị hoá được coi là những nhân tố tác động chủ yếu đến gia đình hiện đại. Các nhà xã hội học phương Tây phân chia gia đình thành hai hình thái quan trọng là gia đình trong xã hội tiền công nghiệp và gia đình trong xã hội công nghiệp hoá. Mỗi hình thái gia đình đó tương ứng với những đặc điểm tiêu biểu về cấu trúc và chức năng. Phần lớn các nhà xã hội học cho rằng, trong xã hội tiền công nghiệp, gia đình là một đơn vị đa chức năng (multifunctional unit), thực hiện nhiều chức năng cho các thành viên gia đình và đáp ứng tất cả nhu cầu của các thành viên gia đình như: bảo đảm thoả mãn các nhu cầu tình dục, sinh đẻ và nuôi dạy trẻ em, cung cấp nhà ở, kinh tế, giáo dục, ấn định địa vị xã hội, giải trí, tôn giáo, chăm sóc sức khoẻ các thành viên, bảo đảm cuộc sống người già. Chỉ có gia đình mới có thể thực hiện thành công những chức năng này. Vì thế gia đình là tất yếu và phổ biến. Chúng ta không thể tồn tại mà không có gia đình.

Với sự phát triển của công nghiệp hoá, gia đình trở nên ít quan trọng hơn với tư cách là một đơn vị sản xuất kinh tế. Chức năng gia đình tập trung nhiều hơn vào tái sinh sản, nuôi dưỡng và xã hội hoá trẻ em. Theo nhà xã hội Mỹ Talcott Parsons, hai chức năng chính của gia đình trong xã hội công nghiệp là xã hội hoá ban đầu đối với trẻ em (Primary Sociolization of Children) và ổn định nhân cách người lớn (Stabilisation of Adult Personalities). Xã hội hoá ban đầu là quá trình mà trẻ em học hỏi các chuẩn mực văn hoá của xã hội trong đó chúng được sinh ra. Điều này xảy ra trong những năm đầu của đứa trẻ, cho nên gia đình là môi trường quan trọng nhất đối với sự phát triển nhân cách của con người. Khái niệm "Ổn định nhân cách người lớn" ám chỉ vai trò mà gia đình đảm nhận trong việc giúp đỡ các thành viên gia đình trưởng thành về mặt tình cảm. Hôn nhân giữa những người đàn ông và phụ nữ là một sự sắp xếp mà thông qua đó, những nhân cách của người lớn được trợ giúp và nuôi dưỡng khoẻ mạnh.Trong xã hội công nghiệp vai trò của gia đình trong việc ổn định nhân cách người lớn được coi là rất quan trọng, bởi vì gia đình hạt nhân thường sống tách biệt khỏi họ hàng mở rộng của nó và không thể hoà vào hệ thống họ hàng mở rộng như gia đình trước thời kỳ công nghiệp hoá.

Trong xu hướng xã hội ngày này, xuất hiện chủ yếu 1 số loại hình gia đình sau:

* Gia đình hạt nhân: Là gia đình bao gồm một cặp vợ chồng và con cái chưa kết hôn.

* Gia đình đa thế hệ: Là gia đình có nhiếu thế hệ chung sống trong một mái nhà.

* Gia đình đơn thân: Là gia đình chỉ có một thành viên hoặc chỉ có bố hoặc mẹ và con cái.

* Gia đình tổ hợp (Gia đình tái hôn sau li hôn): Là gia đình trong đó ít nhất một trong hai vợ chồng đã từng kết thôn.

* Gia đình đa văn hóa (tại Việt Nam): Là gia đình gồm công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và chung sống với nhau dưới một mái nhà hoặc gia đình được cấu thành nên từ những người nước ngoài. Được nhận quốc tịch Việt Nam.

* Gia đình không con: Là gia đình "gấp đôi thu nhập và không con cái.

* Gia đình đồng giới: Là cuộc hôn nhân giữa hai người có cùng giới tính sinh học.

* Gia đình độc thân: Là tình trạng một người chưa lập gia đình hoặc trong người đã ly hôn nhưng chưa kết hôn lại (tái hôn, đi bước nữa).

* Gia đình kết bạn: Là tình trạng hai người khác giới sống chung trong một mái nhà không có sự giàng buộc về mặt pháp lý.

Parsons coi gia đình hạt nhân là một đơn vị thích hợp nhất đáp ứng được đòi hỏi của xã hội công nghiệp. Trong gia đình hạt nhân, một người có thể làm việc ở bên ngoài gia đình, còn người kia chăm lo gia đình và trẻ em. Người đàn ông có vai trò "công cụ" là trụ cột gia đình và người vợ có vai trò "biểu cảm". Quan điểm này của Parsons về gia đình cũng như lý thuyết chức năng về gia đình mà ông là một trong những đại diện, về sau đã phải chịu một sự chỉ trích nặng nề của các nhà nữ quyền vì đã biện hộ cho sự phân công lao động trong gia đình giữa đàn ông và đàn bà với tư cách là sự phân công tự nhiên và tự nguyện[1]

William Goode cho rằng trên phạm vi toàn thế giới, hình thái gia đình mở rộng truyền thống đã được thay thế bằng gia đình hạt nhân phổ biến. Quá trình này diễn ra không chỉ do tác động của công nghiệp hoá mà còn bởi sự phổ biến của lý tưởng về gia đình hạt nhân từ các xã hội Phương Tây .

Trong cuốn World Revolution and Family Patterns (Cách mạng thế giới và các mẫu hình gia đình)[2], William Goode đã khảo sát mối quan hệ giữa cấu trúc gia đình và

[1] Anthony Giddens. 2001. Sociology. 4th Edition.Polity tr 175.

[2] Goode W. 1963. Worl Revolution and Family Paterns. New York: The Free Press

công nghiệp hoá trong những phần khác nhau của thế giới. Cũng giống như Parsons, ông cho rằng, công nghiệp hoá đã dẫn tới sự xói mòn gia đình mở rộng và các nhóm họ hàng thân tộc. Goode đưa ra những cách giải thích sau đây cho quá trình này: Tỷ lệ cao của sự di động địa lý trong xã hội công nghiệp hoá làm giảm tính thường xuyên và t ính thân mật của sự hợp tác giữa các thành viên trong mạng lưới thân tộc. Mức độ di động xã hội cao cũng làm yếu đi sự ràng buộc họ hàng. Ví dụ, nếu một thành viên của một gia đình thuộc giai cấp lao động di động xã hội đến một vị trí cao hơn, anh ta có thể chọn lối sống, quan điểm, và giá trị của giai cấp xã hội mới của anh ta. Đó là sự suy giảm quan hệ phụ thuộc của cá nhân vào gia đình và họ hàng của anh ta. Gia đình và nhóm thân tộc có vai trò rất ít trong việc thành đạt của các thành viên của nó. Gia đình không thể bảo đảm cho các thành viên của nó một công việc hay cung cấp trực tiếp sự giáo dục cần thiết. Sự phân công lao động đặc biệt cao trong xã hội công nghiệp đã tạo ra những khó khăn cho một cá nhân muốn dành được việc làm trong xã hội đó .

Tuy nhiên, như trên đã nói, Goode không xem áp lực của công nghiệp hoá như là một nguyên nhân duy nhất của sự tan vỡ mối dây ràng buộc gia đình mở rộng. Ông cho rằng sự di chuyển tới gia đình hạt nhân nhanh hơn nhiều so với mức độ của công nghiệp hoá. Gooode tin rằng hệ tư tưởng về gia đình hạt nhân đã cổ vũ cho sự phát triển và phổ biến của gia đình hạt nhân trong các xã hội không phải phương Tây. Ông cũng cho rằng sự phát triển nhanh chóng của gia đình hạt nhân đã đem đến tự do cho các thành viên của gia đình. Goode hầu như đồng nhất công nghiệp hoá với sự tiến bộ của gia đình và không đề cập đến những tác động tiêu cực của công nghiệp hoá đến gia đình ở những quốc gia và các nền văn hoá khác nhau trên thế giới.

Bức tranh về mô hình gia đình hạt nhân của Parsons và Goode là quá lý tưởng hoá và đã bỏ qua các loại hình gia đình không phải hạt nhân tồn tại khách quan, đa dạng trong xã hội. David Cheal (1993) đưa ra một cái nhìn khác về gia đình. Theo Cheal, chúng ta không thể nói về một gia đình (the family) mà chỉ có thể nói về những gia đình (the families). Đó chính là sự thay đổi về bản chất của các mối quan hệ gia đình. Một thay đổi có ý nghĩa quan trọng đầu tiên cần phải được quan tâm là vị trí của người phụ nữ do tỷ lệ phụ nữ đã kết hôn đi làm bên ngoài gia đình tăng lên rất nhanh, thêm vào đó những biện pháp tránh thai được cải tiến đã có một tác động đặc biệt đến sự kiểm soát đối với cuộc sống của họ cả ở bên trong và bên ngoài gia đình. Những nhân tố này cùng với sự tác động của phong trào giải phóng phụ nữ đã làm thay đổi

căn bản mô hình về cuộc sống điển hình của người phụ nữ và thái độ của chúng ta về vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội[1]

Mô hình *gia đình hạt nhân* có chồng đi làm vợ ở nhà nội trợ và nuôi con rất thịnh hành ở thời kỳ đầu công nghiệp hoá và được coi là mô hình lý tưởng của xã hội công nghiệp nhưng ngày càng ít được phụ nữ chấp nhận. Theo Alvin Toffler, ở Mỹ hiện chỉ có 7% dân số sống trong kiểu gia đình đó, trong khi 93% không còn thích hợp với mô hình lý tưởng này. Hơn thế nữa, gia đình hạt nhân (bao gồm cả những gia đình có hai vợ chồng đi làm, gia đình có một con, hai con hay hơn hai con) đang tiếp tục giả m đi về số lượng, trong khi các hình thức gia đình khác thì tăng lên nhanh chóng. Có từ 2/3 đến 3/4 dân số Mỹ sống trong những hình thức gia đình không phải là gia đình hạt nhân[2].

Ở nhiều nước phương Tây vai trò của người cha truyền thống gắn liền với các khái niệm như "chủ gia đình", "trụ cột gia đình", "quyền uy người cha" v.v. đã dần dần biến mất cùng với sự thay đổi của các quan hệ hôn nhân và gia đình. Hiện nay ở phương Tây, điển hình như nước Anh, tỷ lệ trẻ em sống trong những gia đình đơn thân, chỉ có bố hoặc mẹ với những đứa con chưa trưởng thành (lone parent families), đang ngày càng tăng lên do kết quả của tình trạng ly hôn, ly thân, phụ nữ sống độc thân có con v.v.. Những kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy gia đình đơn thân đang trở thành loại gia đình có xu hướng chi phối với một số lượng lớn. Theo Bộ Cứu trợ xã hội Anh, năm 2000 nước Anh có một triệu rưỡi gia đình đơn thân với 1/4 số trẻ em nướcAnh (khoảng 3 triệu trẻ em) sống trong loại hình gia đình này. Một số nhà nghiên cứu cho rằng khoảng một nửa trẻ em nước Anh sẽ trải nghiệm cuộc sống trong gia đình đơn thân. Ở nước Mỹ người ta cũng đưa ra một con số ước tính gần như vậy[3]

Năm 1999 các loại hình gia đình đơn thân ở nước Anh chia theo giới tính và tình trạng hôn nhân là như sau: 1) Những người cha đơn thân: 3%; 2) Những người mẹ ly dị: 23%; 3) Những người mẹ ly thân với chồng: 19%; 4) Những người mẹ ly thân với bạn tình: 26%; 5) Những người mẹ độc thân: 23%; 6) Những người mẹ goá; 6%[4].

Những số liệu nêu trên cho thấy, gần một nửa (49%) số *gia đình đơn thân* thuộc về những người mẹ chưa từng kết hôn lần nào. Đại bộ phận trẻ em trong các gia đình

[1] Still, L. & Kidd, W. 2001. The Family. Palgrave..
[2] Alvil Toffler. 1996. Đợt sóng thứ ba. Nxb KHXH, tr 338
[3] Karen Rowlingson và Stephen Mackay. 2002. Lone Parent Families. Prentice Halltr3.
[4] Karen Rowlingson và Stephen Mackay. 2002. sđd tr6.

đơn thân (97%) sống với mẹ, chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ trẻ em (3%) sống với cha. Trong nhiều trường hợp, đứa con không bao giờ biết cha mình là ai hoặc không bao giờ còn nhìn thấy cha mình nữa. Ly hôn, ly thân, sinh con ngoài giá thú,... đã làm cho nhiều đàn ông phương Tây (như trường hợp nước Anh) không có cơ hội trở thành người cha hoặc mất quyền làm cha. Rất nhiều đứa con không có cha và không biết đến tình cảm của người cha.

Ở các nước phương Tây, nam nữ thanh niên hoàn toàn tự do lựa chọn hình thức chung sống hoặc không chung sống mà không bị ràng buộc bởi pháp luật hoặc dư luận xã hội. Mặt trái của nó là dẫn tới sự tan rã của thể chế gia đình, sự phủ định vai trò của người cha truyền thống. Đó là sự thất bại của người cha. Hình ảnh người cha chạy vạy khắp nơi, kể cả đến các toà án để xin được làm cái việc mà hôm qua còn là tự nhiên là được gặp mặt con, được chăm sóc con mình không phải là chuyện lạ. Hậu quả của việc biến mất vai trò người cha trong gia đình ở các nước phương Tây cho đến nay còn chưa được nghiên cứu đầy đủ, giống như sự mất cân bằng tự nhiên giữa thảm động vật và thảm thực vật mà chúng ta thường xâm phạm vào mà không biết rõ và phải mất nhiều thời gian mới hiểu được. Nhiều nhà tâm lý học và phân tâm học đã khẳng định vai trò không thể thiếu được của người cha đối với sự hình thành nhân cách của con cái và cảnh báo về nguy cơ không có cha đối với vô thức của trẻ con, bởi vì thân thể người cha là một bộ phận hợp thành cái vô thức của chúng.

Trong các xã hội công nghiệp cùng với tỷ lệ ly hôn cao là tỷ lệ cao của các cuộc *tái hôn sau ly hôn*. Những người tái hôn đem con cái của họ được sinh ra trong các cuôc hôn nhân trước đó vào trong một hình thức gia đình mở rộng kiểu mới . Một số nhà xã hội học gọi kiểu gia đình mở rộng mới này là *gia đình tổ hợp* (aggregate family). Một loại gia đình mới khác cũng đang tăng lên trong nhiều nước công nghiệp, đó là những *gia đình không con* (child-free family). Đây không phải là gia đình rủi ro, không có khả năng sinh đẻ mà là những cặp vợ chồng chủ động chọn lối sống không con. Xã hội công nghiệp cũng phát triển ngày càng nhiều số lượng những cặp vợ chồng sống với nhau mà không quan tâm gì đến các thủ tục pháp lý. Những biểu hiện của hình thức gia đình này là *gia đình kết bạn, hôn nhân thử; gia đình đồng tính luyến ái*. Kết quả là hiện tượng sinh con ngoài giá thú tăng lên qua các năm. Ở Anh tỷ lệ sinh con ngoài giá thú tăng từ 11%năm 1979 đến 13% năm 1981, 15% năm 1986, 25% năm 1988, 28% năm 1990, 30% năm 1991, gần 32% vào năm1992

Một loại gia đình đặc biệt khác cũng đang tăng lên trong các xã hội công nghiệp hoá, đó là *gia đình độc thân*. Từ những năm 70 đến những năm 90 của thế kỷ 20, gia

đình độc thân ở Mỹ đã tăng lên 83,9%, ở Anh đã tăng lên 78,8%. Hiện tại 1/5 tổng số các hộ gia đình ở Mỹ là những hộ chỉ có một người sống độc thân. Hộ độc thân không phải chỉ có những người bị mất gia đình, bị bỏ rơi, những người ly hôn sống trong khoảng thời gian gữa hai cuộc hôn nhân mà phần lớn là những người đã chọn lối sống độc thân một cách có ý thức hay như người ta nói là chủ nghĩa độc thân.

Công nghiệp hoá không xoá bỏ gia đình truyền thống nhưng nó phá vỡ cấu trúc nhất thể hoá của gia đình truyền thống, tạo nên tính đa khuôn mẫu của gia đình trong đó gia đình truyền thống chỉ là một trong số những khuôn mẫu. Sự thay đổi cấu trúc gia đình đến lượt nó lại ảnh hưởng đến các mối quan hệ và các chức năng của gia đình. Sự thay đổi quan trọng nhất của chức năng gia đình là việc gia đình chuyển từ chủ yếu là một đơn vị sản xuất sang chủ yếu là một đơn vị tiêu dùng do hoạt động sản xuất được tách ra khỏi phạm vi gia đình; tiếp theo là việc chuyển một phần chức năng chăm sóc giáo dục trẻ em cho trường học do phụ nữ ngày càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động tạo thu nhập bên ngoài gia đình; việc bảo đảm an sinh xã hội cho các thành viên gia đình vốn được thực hiện trong gia đình truyền thống nay cũng được chuyển một phần cho các thiết chế xã hội khác như y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm chă m sóc. Chức năng sinh đẻ của gia đình cũng thay đổi từ gia đình đông con sang gia đình ít con do việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật tránh thai và do quan niệm về giá trị đứa con thay đổi từ chỗ con cái được xem là tài sản, nguồn nhân lực lao động của gia đình sang việc con cái được coi như nguồn thoả mãn nhu cầu tâm lý tình, cảm của cha mẹ .

Những biến đổi đa dạng về cấu trúc và chức năng của gia đình của những nước công nghiệp hoá đã khiến nhiều gia đình không thích ứng và không kiểm soát được các mối quan hệ, dẫn đến tình trang mà các nhà xã hội học gọi là rối loạn cấu trúc, rối loạn chức năng gia đình và khủng hoảng gia đình, với các biểu hiện như tỷ lệ ly hôn, ngoại tình rất cao, mâu thuẫn xung đột và bạo lực gia đình, trẻ em và người già không được chăm sóc đầy đủ trong gia đình, kinh tế gia đình gặp khó khăn.

1.2.2. Các giai đoạn phát triển của gia đình

1.2.2.1. Hôn nhân

Hôn nhân là một khái niệm có tính lịch sử, nghĩa là nó không cố đinh mà nó vận động và phát triển cùng với sự phát triển của gia đình và xã hội. Khái niệm hôn nhân hẹp hơn khái niệm gia đình, hôn nhân đánh dấu sự xuất hiện của gia đình và gia đình là hệ quả tất yếu của hôn nhân.

Theo quan điểm hiện nay thì hôn nhân là sự kết hợp tự nguyện, bình đẳng và tự

do giữa đôi nam nữ trên cơ sở tình yêu

TS. Hồ Ngọc Đại định nghĩa: Hôn nhân giống như 1 phân tử nhỏ nhất, bền vững nhưng không cố định được tạo bởi 2 nguyên tử vợ và chồng những cá nhân tự do và bình đẳng

Tóm lại, hôn nhân chỉ sự kết hợp giữa người đàn ông và người đàn bà, là quan hệ tính giao, tình cảm giữa đôi nam nữ được phê chuẩn bởi xã hội dưới nhiều hình thức khác nhau

Cơ sở để tạo nên hôn nhân:

Ta có thể đặt 1 câu hỏi là tại sao trong số hàng nghìn người ta đã gặp ta lại chọn người này mà không chọn người kia để làm vợ làm chồng? vậy hôn nhân vợ chồng dựa trên cơ sở nào?

- Lý thuyết về sự thu hút giữa những điểm giống nhau giữa hai người. Thực tế có nhiều cặp lấy nhau vì có nhiều điểm giống nhau về tôn giáo, tầng lớp, sắc tộc, giai cấp, nghề nghiệp, sở thích, giáo dục….. đây là cơ sở đẻ có quan hệ vợ chồng tốt.

" Trâu ta ăn cỏ đồng ta, tuy rằng cỏ cụt nhưng mà cỏ thơm"

- Lý thuyết về sự thu hút không phải những điểm giống nhau mà là những điểm trái ngược. Đây là lý thuyết cho rằng sự bổ sung, bù trừ những điểm thiếu khuyết, trái ngược cũng là cơ sở quan trọng trong quan hệ hôn nhân

VD: Một người thích thống trị sẽ lấy 1 người thích bị trị

- Lý thuyết về mô hình có sẵn trong tiềm thức (thường chọn vợ hoặc chồng giống với cha hoặc mẹ mình)

- Lý thuyết về sự tìm thấy chính mình trong người kia

- Lý thuyết về sự hấp dẫn về mặt thể xác

1.2.2.2. Các giai đoạn phát triển của gia đình

Sự phát triển của một gia đình thường trải qua một số giai đoạn sau đây:

**Giai đoạn thứ nhất*

- Trải qua thời kỳ yêu đương, đôi nam nữ có thể hiểu biết, chấp nhận những nét tính cách, phẩm chất, năng lực, điều kiện, hoàn cảnh của nhau.

- Họ tự nguyện kết hôn, chung sống với nhau hợp thức về mặt pháp lý, công khai về mặt tình cảm, được xã hội công nhận đó là gia đình một tổ chức cơ sở của xã hội.

**. Giai đoạn thứ hai*

- Từ khi kết hôn cho đến khi sinh đứa con đầu lòng. Đây là giai đoạn vợ chồng son trẻ. Sự thỏa mãn về nhu cầu tinh thần, nhu cầu sinh lý đạt đến đỉnh cao của nó.

- Tùy vào điều kiện, hoàn cảnh gia đình (chủ yếu của đôi vợ chồng son trẻ) mà xuất hiện đứa con đầu lòng. Gia đình trong giai đoạn này có thêm chức năng mới là nuôi dạy con cái.

**Giai đoạn thứ ba*

- Từ khi sinh đẻ cho đến khi con cái trưởng thành.

- Đây là giai đoạn cha, mẹ hết sức vất vả, gian khổ. Ngoài việc lo ăn, lo mặc, dạy dỗ con cái, còn phải lo dựng vợ cho con trai, gả chồng cho con gái, tạo dựng tiền đề cơ bản giúp cho các con bước vào cuộc đời tự lực cánh sinh.

**Giai đoạn thứ tư*

- Cha mẹ bước sang tuổi già, con cái đã trưởng thành có gia đình riêng, cha mẹ già có thể ở riêng hoặc ở chung với con cái.

- Đặc biệt là khi người cha hoặc người mẹ qua đời, đó cũng là giai đoạn giải thể gia đình hạt nhân.

Sự phân chia ra các giai đoạn phát triển của gia đình chỉ có ý nghĩa tương đối nhằm nhấn mạnh những nét đặc trưng, những chức năng nổi trội nảy sinh ra trong từng giai đoạn mà các bậc cha mẹ cần phải quan tâm. Nhưng chức năng xuyên suốt trong các thời kỳ của các bậc cha mẹ, rất có lí như nhà giáo dục V.A.Xukhômlinxki viết: "Có hàng chục hàng trăm ngành nghề, công việc khác nhau: người này xây dựng đường sắt, người kia làm nhà ở, người thì làm bánh mì, người thì chữa bệnh… Nhưng có một công việc phổ biến nhất, phức tạp nhất và cao quý nhất như nhau đối với mọi gia đình đó là sự sáng tạo ra con người. Một sự nỗ lực cao nhất của tất cả các sức mạnh tinh thần của bạn. Đó là sự khôn ngoan, là tài nghệ, là nghệ thuật trong cuộc sống của bạn"

1.3. Đối sánh giữa mô hình gia đình Việt Nam truyền thống và gia đình Việt Nam hiện nay

STT	Tiêu chí	Gia đình truyền thống	Gia đình hiện đại
1	Cơ sở kinh tế	Kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp, các nghề thủ công truyền thống	Kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ
2	Cấu trúc	Thường là gia đình nhiều thế hệ (ông bà, cha mẹ, con cái) sống chung dưới một mái nhà.	Xu hướng gia đình hạt nhân (cha mẹ và con cái) ngày càng phổ

	gia đình	□ Gia đình có cấu trúc phức tạp, mỗi thành viên có vai trò và trách nhiệm rõ ràng	biến. Số lượng thành viên trong gia đình ít hơn, thường chỉ từ 3-4 người.
3	Vai trò của các thành viên:	□ Người cha là trụ cột gia đình, quyết định mọi việc quan trọng. □ Người mẹ chịu trách nhiệm chính về việc nuôi dưỡng và giáo dục con cái, quản lý công việc nhà. □ Con cái phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của cha mẹ và có trách nhiệm giúp đỡ công việc gia đình.	□ Vai trò của các thành viên trong gia đình linh hoạt hơn. □ Cả cha và mẹ đều tham gia vào việc kiếm tiền và chia sẻ trách nhiệm nuôi dưỡng con cái. □ Con cái có nhiều tự do và quyền riêng tư hơn, có tiếng nói trong gia đình.
4	Giá trị văn hóa	□ Đề cao giá trị tôn kính tổ tiên, lễ nghĩa, và lòng hiếu thảo. □ Các lễ hội, nghi lễ gia đình được duy trì và coi trọng.	□ Giá trị cá nhân và tự do cá nhân được đề cao hơn. □ Sự kết nối với truyền thống vẫn tồn tại nhưng có phần lỏng lẻo hơn.
5	Ảnh hưởng của xã hội hiện đại	Ảnh hưởng của xã hội bên ngoài đến gia đình ít hơn, lối sống chậm rãi, phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp	□ Ảnh hưởng mạnh mẽ từ toàn cầu hóa và công nghệ thông tin. □ Lối sống nhanh, tiện nghi hiện đại và công việc bận rộn

Gia đình Việt Nam truyền thống và gia đình Việt Nam hiện nay đều có những ưu điểm và hạn chế riêng. Gia đình hiện nay linh hoạt và hiện đại hơn, nhưng đôi khi có thể thiếu sự kết nối chặt chẽ giữa các thế hệ như gia đình truyền thống. Sự thay đổi này phản ánh sự tiến bộ và thay đổi của xã hội, cũng như sự thích nghi của con người với cuộc sống hiện đại.

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIA ĐÌNH

2.1. Khái niệm

2.1.1. Quản lý nhà nước

2.1.1.1. Quản lý

Quản lý theo nghĩa phổ biến thường được hiểu là hoạt động tổ chức chỉ huy, điều khiển hay kiểm tra, điều chỉnh. Hay quản lý còn được hiểu là sự trông nom, coi sóc, quản thúc, bó buộc ai đó theo một khuôn mẫu, quy định, nguyên tắc, luật pháp.

Theo Phạm Quang Lê trong Khoa học quản lý, "*Quản lý là sự tác động có chủ đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý một cách liên tục, có tổ chức, có liên kết các thành viên trong tổ chức hành động nhằm đạt tới mục tiêu với kết quả tốt nhất*"[34]

Quản lý như vậy, có các yếu tố: Thư nhất, chủ thể quản lý (người quản lý, tổ chức quản lý); khách thể quản lý (người quản lý, đối tượng quản lý), chủ thể sẽ dùng các công cụ, phương pháp quản lý khác nhau nhằm tác động lên đối tượng quản lý. Thứ hai, đối tượng quản lý là thực thể tiếp nhận trực tiếp sự tác động của chủ thể quản lý. Thứ ba, mục tiêu quản lý là cái cuối cùng cần phải đạt tới ở một thời điểm nào đó trong tương lai do chủ thể quản lý hướng tới đặt ra. Thứ tư, môi trường quản lý gồm các điều kiện có tác động, ảnh hưởng đến hoạt động quản lý. Môi trường quản lý tồn tại khá đa dạng.

Như vậy, quản lý là sự tác động của chủ thể lên đối tượng quản lý trong các tổ chức một cách linh hoạt nhằm đạt được mục tiêu chung trong điều kiện biến động của môi trường.

2.1.1.2. Quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước do các cơ quan trong hệ thống hành chính từ Trung ương đến cơ sở tiến hành trên cơ sở Hiến pháp, các đạo luật, các nghị quyết,... Nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước bằng sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực Nhà nước trong quá trình vận hành xã hội và hành vi của công dân nhằm duy trì trật tự an ninh và phát triển kinh tế - xã hội.

Trong mối quan hệ với Quốc hội (cơ quan đại diện, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao đối với toàn bộ bộ máy nhà nước), Chính phủ theo Hiến pháp 2014 là "cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội" thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Như vậy, quản lý Nhà nước là sự quản lý xã hội đặc biệt, mang tính quyền lực nhà nước và sử dụng pháp luật để điều chỉnh các hành vi hoạt động của con người trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, do các cơ quan trong bộ máy nhà nước thực hiện nhằm duy trì sự ổn định và phát triển xã hội.

Đối tượng của quản lý có thể trên quy mô toàn cầu, khu vực, quốc gia, ngành, đơn vị, có thể là một người cụ thể, sự vật cụ thể. Quản lý thể hiện việc tổ chức, điều hành tập hợp người, công cụ, phương diện tài chính, ... Để kết hợp các yếu tố đó với nhau nhằm mục tiêu nhất định.

Chủ thể quản lý muốn kết hợp được các hoạt động của đối tượng theo một định hướng quản lý đặt ra phải tạo được "quyền uy" buộc đối tượng phải tuân thủ. Quản lý là sự tác động chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người nhằm đạt tới mục đích đê ra.

Trình độ quản lý của một xã hội, đánh dấu sự phát triển của xã hội đó trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Thể hiện ở sự hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy, hệ thống thể chế và trình độ đội ngũ cán bộ quản lý. Quản lý nhà nước về gia đình là dạng quản lý xã hội đặc thù, mang tính tất yếu.

2.1.2. Quản lý nhà nước về gia đình

Quản lý nhà nước về gia đình là sự tác động và điều chỉnh mang tính quyền lực Nhà nước đối với các quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của gia đình và hành vi của các thành viên trong gia đình nhằm bảo đảm để gia đình thực hiện đầy đủ các chức năng của mình và vận hành theo đúng mục tiêu, định hướng của Nhà nước mong muốn đạt đến.

Quản lý nhà nước về gia đình thực chất là quản lý việc thực hiện Luật pháp, chính sách và chương trình của Nhà nước liên quan đến gia đình. Ngoài ra quản lý nhà nước về gia đình còn là việc kết hợp hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước với sự tham gia của các tầng lớp nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội. Chủ thể Quản lý nhà nước về gia đình cấp thành phố là phòng văn hoá và các ban, ngành có liên quan.

Đối tượng Quản lý nhà nước về gia đình là các nội dung của công tác gia đình, các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ công tác về gia đình và các gia đình. Phương thức quản lý nhà nước về gia đình là việc kết hợp thực hiện các nhiệm vụ của hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước theo cơ chế quản lý, thống nhất với các nhiệm vụ của các cơ quan, đoàn thể được giao về công tác gia đình.

2.2. Nội dung quản lý nhà nước về gia đình

2.2.1.Lập kế hoạch xây dựng và ban hành thực thi các văn bản

Lập kế hoạch là tổng thể các hoạt động liên quan tới đánh giá, dự đoán, dự báo và huy động các nguồn lực để xây dựng chương trình hành động tương lai cho tổ chức. Đây là chức năng đặc biệt quan trọng của quy trình quản lý, là bước đầu và nền tảng để tiến hành các chức năng khác.

Các hoạt động gia đình để quản lý tốt, Đảng và Nhà nước phải chú trọng xây dựng thể chế về gia đình. Thể chế gia đình bao gồm hai hệ thống chuẩn mực: Chuẩn mực luật pháp và truyền thống văn hóa; Chuẩn mục luật pháp được bảo đảm thực hiện bằng tổ chức và phương tiện của nhà nước, thuộc loại "thể chế cứng" như: Luật hôn nhân gia đình, Luật phòng chống bạo lực gia đình, ... Bên cạnh quản lý bằng hệ thống pháp luật, gia đình còn được quản lý bằng các chuẩn mực văn hóa, đó chính là cộng đồng (dòng họ) đề xuất được xã hội chấp nhận, được thể hiện trong lĩnh vực tổ chức và quản lý đời sống gia đình, lối sống, ... Đây là những biện pháp nhằm tăng cường vai trò của cộng đồng trong quản lý gia đình liên quan đến các hoạt động văn hóa, tinh thần của gia đình.

2.2.2. Công tác chỉ đạo thực hiện các hoạt động về gia đình

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, kiến thức gia đình.

- Thực hiện bình đẳng giới.

- Phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong gia đình.

- Chủ trì công tác phòng chống bạo lực gia đình.

2.2.3. Kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động về gia đình

Tổ chức kiểm tra, giám sát là nội dung quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về gia đình. Bên cạnh đó, việc tăng cường kiểm tra, giám sát của nhà nước đối với nội dung hoạt động gia đình là nhiệm vụ quan trọng của quản lý nhà nước. Phương

châm chỉ đạo đối với kiểm tra, giám sát nội dung gia đình là phòng ngừa, ngăn chặn hơn là để sự việc xảy ra mới xử lý.

2.3. Vai trò quản lý nhà nước về gia đình

Quản lý nhà nước về gia đình đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự ổn định, phát triển và hạnh phúc của gia đình, từ đó góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

1. Bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình

Pháp luật và chính sách: Nhà nước ban hành các quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của từng thành viên trong gia đình. Điều này bao gồm quyền được chăm sóc, giáo dục, an toàn và phát triển.

Giám sát và thực thi: Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm giám sát và đảm bảo việc thực thi các quy định pháp luật liên quan đến gia đình, bảo vệ trẻ em, phụ nữ và người già khỏi bạo lực gia đình, phân biệt đối xử và các hình thức xâm hại khác.

2. Hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình

Chính sách kinh tế: Nhà nước có thể triển khai các chính sách kinh tế hỗ trợ gia đình, chẳng hạn như hỗ trợ vay vốn, cung cấp cơ hội việc làm và đào tạo nghề.

Phúc lợi xã hội: Hệ thống an sinh xã hội, bao gồm bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, và các chương trình hỗ trợ khác, giúp gia đình vượt qua khó khăn kinh tế và đảm bảo chất lượng cuộc sống.

3. Giáo dục và tuyên truyền

Giáo dục gia đình: Nhà nước có thể triển khai các chương trình giáo dục gia đình nhằm nâng cao nhận thức của các thành viên về vai trò, trách nhiệm và cách xây dựng một gia đình hạnh phúc và bền vững.

Tuyên truyền: Các chiến dịch truyền thông nhằm tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của gia đình, phòng chống bạo lực gia đình và thúc đẩy các giá trị gia đình tích cực.

4. Đảm bảo tiếp cận dịch vụ y tế và giáo dục

Chăm sóc sức khỏe: Quản lý nhà nước đảm bảo rằng các dịch vụ y tế, bao gồm chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, được cung cấp đầy đủ và dễ dàng tiếp cận.

Giáo dục: Đảm bảo mọi trẻ em được tiếp cận với giáo dục chất lượng, từ mầm non đến các cấp học cao hơn, nhằm phát triển toàn diện và chuẩn bị tốt cho tương lai.

5. Phát triển văn hóa gia đình

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa: Quản lý nhà nước có vai trò bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của gia đình, đồng thời thúc đẩy các chuẩn mực đạo đức mới phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Hoạt động văn hóa và giải trí: Tạo điều kiện và khuyến khích các hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí nhằm gắn kết các thành viên trong gia đình và phát triển văn hóa gia đình.

Quản lý nhà nước về gia đình không chỉ là một nhiệm vụ quan trọng mà còn là yếu tố then chốt trong việc xây dựng một xã hội phát triển bền vững. Bằng việc đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên, hỗ trợ phát triển kinh tế, giáo dục và y tế, cũng như phát triển văn hóa gia đình, nhà nước góp phần tạo nên những gia đình hạnh phúc, ổn định và phát triển.

2.4. Quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về gia đình và quản lý nhà nước về gia đình

2.4.1. Quan điểm của Đảng

Từ ngày 2 tháng 9 năm 1945 dòng tiêu ngữ gồm sáu chữ "Độc lập, Tự do, Hạnh phúc" luôn xuất hiện cùng với quốc hiệu Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó là kết tinh của tinh hoa nhân loại, truyền thống quý báu của dân tộc và tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng đất nước thực sự của dân, do dân và vì dân. "Độc lập", "Tự do" và "Hạnh phúc" là mục đích, mục tiêu cao nhất của Đảng, Nhà nước và Bác Hồ để mang hạnh phúc cho mọi người dân Việt Nam. Đây là kim chỉ nam cho đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ở tất cả các lĩnh vực, các giai đoạn

lịch sử. Đảng và Nhà nước rất chú ý quan tâm đến xây dựng gia đình hạnh phúc. Bởi vì gia đình là "tế bào xã hội", gia đình có vị trí quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội, là một trong những nhân tố quyết định sự hưng thịnh của mỗi cộng đồng - quốc gia. Xã hội muốn phát triển ổn định, bền vững, trước hết từng "tế bào" phải phát triển lành mạnh, bền vững. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ thảo luận Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình, tháng 10-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Quan tâm đến gia đình là đúng, vì nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt hơn, hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì vậy, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội là phải chú ý hạt nhân cho tốt" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011).

Quan điểm của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước về gia đình xét đến cùng chính là xây dựng gia đình hạnh phúc. Hạnh phúc của từng cá nhân trong gia đình đến cộng đồng, xã hội. Đặc biệt, từ khi đất nước Đổi mới đến nay, quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước về gia đình và xây dựng gia đình hạnh phúc càng đậm nét, phù hợp với nhu cầu thực tiễn đất nước.

Trước hết, cần phải khẳng định rằng: Mục tiêu cao nhất của Đảng và Nhà nước ta là mang lại hạnh phúc cho mọi người dân; tất cả các đường lối, chính sách phải hướng đến mục tiêu này. Gia đình là "nền tảng, là tế bào của xã hội", "gia đình phải là điểm xuất phát và là nơi trở về của mọi chính sách xã hội". Tất cả các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đều có tác động trực tiếp, liên quan quan mật thiết đến xây dựng gia đình hạnh phúc. Tùy vào điều kiện thực tiễn cụ thể, quan điểm và chính sách này có những thay đổi nhất định nhưng vẫn giữ nguyên những giá trị cốt lõi. Theo kết quả điều tra của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) thực hiện năm 2018(1), khi hỏi về các yếu tố cần có để gia đình hạnh phúc, phần lớn các ý kiến của người dân đều cho rằng cần phải có các yếu tố như kinh tế gia đình không khó khăn quá so với mặt bằng chung; có nhà ở kiên cố, có trang thiết bị cơ bản; gia đình sống ở nơi có môi trường sạch đẹp, hàng xóm thân thiện, giúp đỡ nhau khi tối lửa tắt đèn, thuận tiện khi đi học, đi khám chữa bệnh; đặc biệt là các thành viên gia đình phải khỏe mạnh, yêu thương hòa thuận, con cái ngoan ngoãn, thành đạt trong công việc… Như vậy một gia đình muốn có được hạnh phúc, cần phải đảm bảo những điều kiện cơ bản về đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe, y tế, giáo dục, vui chơi, giải trí, các thành viên gia đình mạnh khỏe, thương yêu, chia sẻ với nhau, ông bà cha mẹ gương mẫu, con cháu thảo hiền, lễ phép... Dù cho tới nay, chưa có một văn bản nào quy định rõ nội dung về gia đình hạnh phúc nhưng qua thực tiễn và rà soát hệ thống văn bản của Đảng

và Nhà nước, có thể khái quát các nhóm quan điểm và chính sách chính trong xây dựng gia đình hạnh phúc ở các khía cạnh cốt lõi như: Xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ; Gia đình với phát triển kinh tế đất nước, kinh tế hộ gia đình; Gia đình với vấn đề xây dựng văn hóa, giáo dục đạo đức lối sống; Gia đình với việc an sinh xã hội…

Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề gia đình giai đoạn từ năm 1986 đến 2007

Đây là giai đoạn Đảng và nhà nước ta tập trung phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bắt đầu thời kỳ Đổi mới toàn diện đất nước. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI khẳng định: "Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005:773-774). Gia đình được nhìn nhận là yếu tố cấu thành nên xã hội, có vai trò quan trọng, quyết định đến sự thành công của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Nghị quyết Đại hội VI Đảng ta đã khẳng định xây dựng gia đình hạnh phúc là việc rộng lớn, cần đồng bộ với hệ thống các chính sách khác có liên quan. Do đó cần đưa ra các phương hướng, chính sách và biện pháp, các yếu tố để bảo đảm hạnh phúc gia đình: tình cảm, đạo đức trong gia đình, sinh đẻ có kế hoạch, đời sống vật chất, văn hóa ứng xử của mỗi gia đình. Để đảm bảo về đời sống vật chất cho gia đình, bên cạnh những chính sách vĩ mô, Đảng đã chủ trương "khuyến khích phát triển kinh tế gia đình". Điều này cho thấy nhận thức của Đảng về chức năng kinh tế của gia đình đã có sự thay đổi tích cực, muốn bảo đảm gia đình hạnh phúc thì phải có nền tảng kinh tế, vật chất nhất định.

Tiếp nối tư tưởng Đổi mới được đặt ra từ Đại hội lần VI, Đại hội VII vào tháng 6 năm 1991 đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đã đưa ra khái niệm về Con người mới - đó là con người phát triển toàn diện cả về trí tuệ, năng lực, phẩm chất, đạo đức… Có những con người mới như vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mới thành công. Muốn có con người mới đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn khách quan phải có sự "tổng hợp và phát huy

đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình…" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007).

Như vậy, Cương lĩnh 1991 đã chỉ rõ mối quan hệ mật thiết giữa các yếu tố của tam giác: gia đình - nhà trường - xã hội trong việc giáo dục, hình thành nhân cách con người. Trong đó, "gia đình là tế bào xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách". Có thể nói, lần đầu tiên trong một văn kiện của Đảng, vai trò của gia đình trong mối quan hệ với nhà trường và xã hội đã được khẳng định như là yếu tố đầu tiên, liên tục và quan trọng nhất đối với sự phát triển của mỗi con người. Cương lĩnh cũng chỉ ra những định hướng các chính sách của Nhà nước với gia đình là "phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hoà thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người". Cương lĩnh 1991 đã ẩn chứa tiêu chí đảm bảo gia đình hạnh phúc là "no ấm, hòa thuận, tiến bộ".

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, 1996 khẳng định "Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người". Từ việc nhận thức chung chung về vai trò quan trọng của gia đình, Đại hội VIII đã chỉ rõ vị thế của gia đình trong từng lĩnh vực cụ thể và thể hiện qua chủ trương hành động thực tế để xây dựng gia đình hạnh phúc. Về xã hội, "Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, các chính sách ưu đãi xã hội". Về giáo dục và đào tạo là "Đề cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội".

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) 1998 về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã xác định, phải: "Gìn giữ và phát huy đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. Coi trọng xây dựng gia đình văn hóa. Xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội…" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015a). Có thể thấy, Đảng ta đã xác định gia đình chính là nơi lưu truyền những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, là thành trì vững chắc ngăn chặn những tệ nạn, những nọc độc văn hóa xâm nhập vào nước ta. Ông bà, cha mẹ chính là tấm gương để các con cháu noi theo. Xây dựng văn hoá trong gia đình, ứng xử văn hoá của từng thành viên trong gia là một nội dung quan trọng, quyết định đến những kết quả đạt được của xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Bước sang những năm đầu của thế kỷ 21, đất nước đổi mới đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận về kinh tế, xã hội, điều kiện sống của người dân. Tuy nhiên

bên cạnh đó, những tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, sự xuống cấp của một số mối quan hệ ứng xử văn hoá trong gia đình, đạo đức gia đình, đạo đức xã hội ngày càng trở nên nghiêm trọng.

Đại hội IX năm 2001 của Đảng tiếp tục nhấn mạnh đến vai trò của gia đình với sự phát triển kinh tế xã hội, sự hình thành nhân cách, lối sống của mỗi người: "Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016). Như vậy, trước yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, bên cạnh những chính sách là điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc thì Đảng đã khẳng định chính mỗi gia đình phải là chủ thể quan trọng nhất, quyết định đến việc xây dựng gia đình hạnh phúc, để gia đình không chỉ là tế bào của xã hội mà phải là những tế bào lành mạnh, là tổ ấm thực sự của mỗi người. Để thực hiện điều đó, trước hết chính mỗi gia đình phải nêu cao trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và bồi dưỡng nhân cách của từng thành viên.

Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một bước tiến quan trọng trong quan điểm của Đảng; lần đầu tiên Ban Bí thư ra một Chỉ thị chuyên về gia đình, đề cập đến tất cả khía cạnh: thực trạng, mục tiêu, giải pháp của xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. "Mục tiêu chủ yếu của công tác gia đình trong thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá là ổn định, củng cố và xây dựng gia đình theo tiêu chí ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ một hoặc hai con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, để mỗi gia đình Việt Nam thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội". Để đạt được mục tiêu trên, Ban Bí thư đã chỉ đạo một số giải pháp cụ thể, trong đó nhấn mạnh "Coi đầu tư cho gia đình là đầu tư cho phát triển bền vững. Gia đình có trách nhiệm với các thành viên và với xã hội; Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo vệ sự ổn định và phát triển của gia đình. Xây dựng gia đình phải luôn gắn với sự nghiệp giải phóng phụ nữ… Cần đặc biệt quan tâm xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình; kiên quyết đấu tranh chống những lối sống thực dụng, vị kỷ, đồi trụy; tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; có kế hoạch và biện pháp cụ thể phòng, chống tệ nạn xã hội và bạo trong gia đình… Tăng cường công tác giáo dục đời sống gia đình… Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình; nhân rộng các mô hình kinh tế hộ tiên tiến; đảm bảo kết quả bền vững của chương trình xoá đói giảm nghèo và tạo việc làm… Cần sớm xây dựng và triển khai chiến lược và chương trình mục tiêu về công

tác gia đình, xây dựng các đề án cụ thể giải quyết những thách thức hiện nay đối với gia đình" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015b).

Chỉ thị này đánh dấu sự phát triển nhận thức mạnh mẽ về gia đình và công tác xây dựng gia đình hạnh phúc, nhằm đưa gia đình Việt Nam phát triển phù hợp với thời đại, trước những biến đổi to lớn của đất nước và sự thay đổi các giá trị truyền thống về các mối quan hệ hôn nhân gia đình. Đây là cơ sở, định hướng đúng đắn, cụ thể cho việc xây dựng, ban hành và thực hiện hàng loạt các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác gia đình; quy định trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước, các ban ngành, đoàn thể về xây dựng gia đình hạnh phúc trong những năm tiếp theo.

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, quán triệt sâu sắc vai trò, vị trí của gia đình đối với sự phát triển bền vững của đất nước, nhà nước ta ngày một hoàn thiện hơn hệ thống văn bản quản lý về công tác gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình các cấp. Ngày 4/5/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 72/2001/QĐ-TTg lấy ngày 28 tháng 6 hằng năm là Ngày Gia đình Việt Nam. Đây là dịp đề cao trách nhiệm của lãnh đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể và tổ chức xã hội cùng các gia đình thường xuyên quan tâm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Sau gần 20 năm triển khai, những hoạt động kỷ niệm Ngày Gia đình Việt Nam (28 tháng 6) đã được tổ chức trên toàn quốc, thu hút được sự tham gia của các cấp chính quyền và đông đảo người dân với sức lan tỏa rộng lớn.

Một bước tiến dài trong công tác gia đình, thể hiện rõ nét quan điểm và chính sách của Đảng và nhà nước ta về gia đình giai đoạn này chính là sự thành lập cơ quan quản lý nhà nước về gia đình thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em. Ngày 11.11.2002, Chính phủ ban hành Nghị định 94/2002/NĐ-CP quy định chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

Ngày 01/5/2005, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ban hành Quyết định số 392/QĐ-DSGĐTE quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Vụ Gia đình; quy định Vụ Gia đình là tổ chức của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban quản lý nhà nước về lĩnh vực gia đình. Vụ Gia đình thực hiện 10 nhiệm vụ và các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban giao theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật. Như vậy, từ nhận thức về vai trò vị trí gia đình, sự cần thiết cần có một cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Đảng và Nhà nước đã thành lập Vụ gia đình trực thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em. Từ đây, công tác gia đình đã được triển khai đồng

bộ từ trung ương tới địa phương, từng bước cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về gia đình.

Trong Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005-2010, nhà nước ta khẳng định mục tiêu chung nhất của công tác xây dựng gia đình thời kỳ này là "từng bước ổn định, củng cố và xây dựng gia đình ít con (mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con), no ấm, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc". Chiến lược cũng đưa ra hệ thống các giải pháp cụ thể và các đề án của Chiến lược để thực hiện được các mục tiêu đề ra về gia đình.

Ngày 8/8/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1001/QĐ-TTg thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em sáp nhập sang các Bộ có liên quan thực hiện. Trong đó chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về gia đình được chuyển sang Bộ VHTTDL, từ đây công tác gia đình bước sang giai đoạn mới.

Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề gia đình giai đoạn từ năm 2007 đến nay

Cùng với sự thay đổi về cơ quan quản lý nhà nước, sau 20 năm đổi mới, tình hình kinh tế- xã hội có nhiều biến đổi tạo nên thời cơ và thách thức mới đối với từng gia đình Việt Nam. Khi sáp nhập lĩnh vực gia đình về Bộ VHTTDL, Đảng và nhà nước ta nhấn mạnh đến vai trò của gia đình trong việc gìn giữ, phát huy truyền thống văn hóa gia đình nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung; coi văn hóa gia đình là một bộ phận khăng khít của văn hóa dân tộc và không ai khác ngoài gia đình và các thành viên gia đình là nơi lưu giữ, bảo tồn, nuôi dưỡng các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam, xây dựng mối quan hệ, văn hoá ứng xử từ các thành viên trong gia đình nhằm mục tiêu xây dựng gia đình hạnh phúc.

Quan điểm và chính sách của Đảng và nhà nước ta về gia đình giai đoạn này đã có những biến đổi rõ nét dựa trên nền tảng tư tưởng từ giai đoạn trước. Trong đó nhấn mạnh hơn vai trò của gia đình với văn hoá của dân tộc và trong việc giáo dục, đạo đức, lối sống, hình thành nhân cách con người Việt Nam bắt đầu từ gia đình.

Tại Đại hội XI, Đảng ta một lần nữa nhấn mạnh: "Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội" (Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bổ sung, phát triển năm 2011). Quan điểm của Đảng cho thấy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì trước hết từng "tế bào" phải phát triển bền vững. Gia đình không chỉ là "tế bào" tự nhiên mà còn là một đơn vị kinh tế của xã hội. Không có gia đình tạo ra con người để xây dựng xã hội

thì xã hội cũng không thể tồn tại và phát triển được. Gia đình không chỉ giữ vai trò nền tảng, tế bào của xã hội, mà còn là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục đạo đức, lối sống, nơi hình thành nhân cách con người đầu tiên. Gia đình giữ vai trò đặc biệt quan trọng tới số lượng, chất lượng dân số và cơ cấu dân cư của quốc gia. Gia đình không chỉ dừng lại ở việc duy trì nòi giống, mà quan trọng hơn, gia đình phải trở thành môi trường tốt nhất, trước tiên để giáo dục cách ứng xử văn hoá, hình thành tính cách, đạo đức, nếp sống con người. Quan điểm của Đảng cho thấy, muốn có một xã hội phát triển bền vững thì trước hết từng "tế bào" phải phát triển lành mạnh. Gia đình không chỉ là "tế bào" tự nhiên mà còn là một đơn vị kinh tế của xã hội. Mối quan hệ biện chứng giữa no ấm, tiến bộ, hạnh phúc là những điều kiện cơ bản để gia đình phát triển lành mạnh, ngược lại muốn có một tế bào lành mạnh thì phải xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Con người Việt Nam muốn có phẩm chất, đạo đức, lối sống tốt đẹp thì phải có một môi trường giáo dục từ gia đình, nhà trường, xã hội tốt. Trong đó gia đình phải có trách nhiệm đầu tiên trong nuôi dạy con cái thành những con người có đầy đủ phẩm chất, năng lực, trí tuệ… phối hợp cùng gia đình - nhà trường trong việc tạo ra lực lượng lao động tương lai có chất lượng cao, yếu tố tiên quyết đến sự phát triển bền vững của đất nước. Theo quan điểm của Đảng, gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc là điều kiện, môi trường quan trọng, trực tiếp tạo nên các thế hệ tương lai có chất lượng cả về thể chất lẫn tinh thần, góp phần đắc lực vào chiến lược phát triển nguồn lực con người có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Thông báo kết luận số 26 của Ban Bí thư đã "Khẳng định xây dựng gia đình là vấn đề lớn, hết sức hệ trọng của dân tộc và của cả thời đại". Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và cộng đồng về tầm quan trọng, vị trí và vai trò của gia đình và công tác xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" (Ban Bí thư, 2011).

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 đã nêu ra các mục tiêu cụ thể trong đó nhấn mạnh "Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách" (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2014). Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cần được tập trung là "Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô

hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau...".

Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng khi đề cập đến lĩnh vực gia đình trong nội dung "Xây dựng, phát triển văn hóa, con người" đã đưa ra nhiệm vụ sau "Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh" (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2016). Lần đầu tiên nhiệm vụ thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam vào trong văn kiện Đại hội Đảng; đồng thời thêm tiêu chí "văn minh" trong xây dựng gia đình Việt Nam. Cũng tại Báo cáo này, Đảng xác định "Coi trọng chăm sóc sức khoẻ nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chế độ thai sản, nghỉ dưỡng, khám, chữa bệnh, bình đẳng giới. Thực hiện tốt chiến lược dân số, gia đình, chương trình hành động vì trẻ em... đầu tư nâng cao chất lượng dân số, chỉ số phát triển con người, bảo đảm tổng tỷ suất sinh thay thế, giảm dần sự mất cân bằng tỷ lệ giới tính khi sinh và bảo đảm quyền trẻ em" (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2016). Một lần nữa, Đảng khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa xây dựng gia đình hạnh phúc với chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn khi tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, tỷ suất sinh cũng có xu hướng giảm dần ảnh hưởng lớn đến chất lượng dân số. Trong khi con người, chất lượng dân số là nhân tố quyết định đến sự phát triển, hạnh phúc của mỗi gia đình và của toàn xã hội.

So với thời kỳ trước, thời kỳ này, vai trò của gia đình trong việc giáo dục đạo đức, lối sống hình thành nhân cách người Việt Nam và việc gìn giữ phát huy văn hóa gia đình được nhấn mạnh hơn; gia đình phải tập trung thực hiện vai trò, chức năng này, cũng chính là để xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội phát triển bền vững.

Cụ thể hóa đường lối chủ trương của Đảng về gia đình, nhà nước ta ban hành các chính sách, văn bản cụ thể về gia đình, tập trung vào mục tiêu xây dựng "gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững" đã quy định trong Nghị định số 02/2013/NĐ-CP (Bộ VHTTDL, 2013). Các văn bản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Nghị quyết Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 26 của Ban Bí thư, Đề án tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3 hằng năm, Chương trình hành động quốc gia về phòng chống bạo lực gia đình,

Quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình, Quyết định lấy tháng 6 hàng năm là Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình, Đề án về phát huy mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình, Chương trình giáo dục đời sống gia đình đến năm 2020, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình… Điều này một mặt hoàn thiện hơn chính sách về gia đình của nhà nước ta, mặt khác thể hiện rõ quyết tâm của Đảng và nhà nước về tập trung nguồn lực xây dựng gia đình hạnh phúc.

Những nội dung cơ bản trong quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng gia đình hạnh phúc

Những nội dung cơ bản trong quan điểm, chính sách của Đảng và nhà nước ta về xây dựng gia đình hạnh phúc được thể hiện ở điểm sau:

Thứ nhất, gia đình là tế bào, là nền tảng của xã hội; là yếu tố cơ bản quyết định đến sự thành công của công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để gia đình Việt Nam phát huy đầy đủ vai trò của mình, Đảng và nhà nước chủ trương xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, là tế bào lành mạnh của xã hội. Mọi chính sách về gia đình đều nhằm phục vụ mục tiêu này.

Thứ hai, xây dựng gia đình hạnh phúc là sự tổng hòa, đồng bộ của hệ thống các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các lĩnh vực có liên quan; đặc biệt là các chính sách về kinh tế hộ gia đình, xóa đói giảm nghèo, y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, giáo dục… nhưng trong đó các yếu tố nội sinh từ gia đình là phát huy giá trị các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, giáo dục đạo đức, lối sống, đời sống gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình có vai trò quyết định đến xây dựng gia đình hạnh phúc.

Thứ ba, gia đình có vai trò quyết định đến việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Được hội tụ đầy đủ các yếu tố như sức khỏe, trí tuệ, năng lực, bản lĩnh chính trị, nhân cách, đạo đức. Vừa nắm bắt được những giá trị tiên tiến của thế giới, vừa lưu giữ được những giá trị truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc và phải dựa trên sự gắn kết ba mối quan hệ: gia đình - nhà trường - xã hội, đó chính là nhân tố quyết định đến việc xây dựng gia đình hạnh phúc.

Thứ tư là, gia đình là nơi lưu giữ, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc thông qua giáo dục gia đình, sự truyền đạt tiếp nối giữa các thế hệ trong gia đình. Vì vậy các cấp, các ngành liên quan nên tập trung nhiệm vụ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; cung cấp và hướng dẫn những kiến thức, kỹ năng xây dựng đời sống gia đình.

Và cuối cùng là, việc xây dựng gia đình hạnh phúc phải gắn với xây dựng từng gia đình và trong các phong trào khác ở khu dân cư, thôn, xóm, ấp,v.v.

Tóm lại, sau hơn Ba mươi năm Đổi mới đất nước, nhất là từ khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 49CT/TW ngày 21/2/2005 về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa, gia đình Việt Nam đã có những đổi thay tiến bộ vượt trội về mọi mặt. Kinh tế hộ gia đình đã có bước phát triển nhanh, trở thành bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, góp phần to lớn vào quá trình xoá đói giảm nghèo. Công tác gia đình, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc được Đảng và nhà nước luôn quan tâm, chú trọng, dành nhiều công sức, nguồn lực tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án quốc gia nhằm nâng cao năng lực các gia đình, tạo điều kiện cho các gia đình tiếp cận các chính sách an sinh xã hội cơ bản... đặc biệt là các gia đình khó khăn có điều kiện vươn lên xây dựng cuộc sống no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Tuy nhiên, trước những biến đổi của xã hội, tác động của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại những thuận lợi và cơ hội phát triển mạnh mẽ nhưng mặt trái của nó dự báo sẽ có những rủi ro, thách thức không nhỏ đến gia đình như mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, văn hoá ứng xử gia đình... Vì vậy, muốn xây dựng gia đình hạnh phúc cần phải có sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị. Các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội cần quan tâm đẩy mạnh hơn nữa thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam trong giai đoạn mới. Đảng và Nhà nước phải có những giải pháp đồng bộ, không chỉ hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, mà cần quan tâm hơn nữa đến cơ quan quản lý nhà nước về gia đình các cấp, đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của công tác gia đình, góp phần quan trọng vào mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.nĐể củng cố, xây dựng gia đình thành tế bào lành mạnh của xã hội, trong suốt quá trình lãnh đạo Cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong những năm đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm chăm lo đến gia đình, Đảng chỉ rõ phải gắn chặt xây dựng nếp sống mới với xây dựng con người mới, xây dựng gia đình văn hóa.

2.4.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về gia đình

Gia đình và công tác gia đình luôn là mối quan tâm của Đảng và Nhà nước ta. Nhiều văn kiện của Đảng và chính sách của Nhà nước đã được ban hành trong những năm qua: Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 1992, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH năm 1991 cũng như trong các văn

kiện của Đảng về chính sách xã hội đã nhấn mạnh đến vai trò của gia đình là tế bào của xã hội, nhân tố quyết định đến sự phát triển bền vững của xã hội.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (năm 2014) về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước với quan điểm "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội". Nghị quyết đề ra nhiệm vụ "Chăm lo, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng mô hình các gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết thương yêu nhau".

Tiếp theo Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/2/2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới xác định "Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước". Nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chỉ thị đặt ra nhiệm vụ "Nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. Xác định gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững đất nước. Gia đình là đối tượng tác động, thực hiện và thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế-xã hội. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh là một trong những nội dung quan trọng, yêu cầu xuyên suốt của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước".

Thông điệp của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc nhân dịp kỷ niệm 20 năm Ngày Gia đình Việt Nam (28/6/2001-28/6/2021), xác định "Từ quá khứ đến hiện tại, khi đất nước có chiến tranh hay hòa bình, gia đình vẫn luôn là một bộ phận quan trọng

của xã hội, là nền tảng vững chắc góp phần làm nên sức mạnh dân tộc; gia đình vẫn giữ vai trò, vị trí trung tâm trong đời sống kinh tế-xã hội của người dân Việt Nam; Gia đình vẫn là nơi kết nối, gắn kết các thế hệ, giữ gìn, phát huy những chuẩn mực, giá trị, tinh hoa văn hóa dân tộc, là mạch nguồn vun đắp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là ngôi nhà an toàn nhất, vững chắc nhất cho mỗi thành viên trước những khó khăn, rủi ro trong cuộc sống". Bởi vậy cấp ủy đảng, chính quyền, các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác gia đình, đặc biệt là việc "Phát triển gia đình, đề cao gia đình trong nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ, giữ gìn phát huy bản sắc truyền thống, các giá trị văn hóa chuẩn mực tốt đẹp của gia đình Việt Nam trong giai đoạn mới của đất nước "Xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh".

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi năm 2013) thể hiện đề cao vị trí, vai trò của gia đình trong đời sống xã hội, giữ gìn những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ những tập tục lỗi thời lạc hậu về hôn nhân và gia đình, nâng cao trách nhiệm của cá nhân và xã hội trong việc củng cố thiết chế gia đình, trong đó đặc biệt quan tâm bảo vệ hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc gia đình với cấu trúc hôn nhân "một vợ, một chồng".

Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 với quan điểm "Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", Chiến lược đề ra mục tiêu "Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội".

Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 với quan điểm "Gia đình là tế bào của xã hội; nơi duy trì nòi giống; môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng, giáo dục nhân cách con người và lưu giữ, trao truyền các giá trị văn hóa của dân tộc; là nền tảng xây dựng xã hội hạnh phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển bền vững; là trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội; Phát huy vai trò của gia đình nhằm tạo môi trường giáo dục sớm, góp phần xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, phát triển toàn diện,trở thành trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất trong xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc". Chiến lược đề ra mục tiêu chung "Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, là hạt nhân, tế bào lành mạnh của xã hội, tổ ấm của mỗi người; là nơi nuôi dưỡng, bồi đắp nhân cách, lối sống tôn trọng đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc; phát huy, nhân rộng các giá trị tốt đẹp góp phần thúc đẩy phát triển bền vững đất nước".

Những quan điểm của Đảng, cơ chế chính sách của Nhà nước về gia đình sẽ là tiền đề, là cơ sở quan trọng để định hướng xây dựng môi trường văn hóa gia đình hiện nay:

1. Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc là một trong các mục tiêu quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 - 2020, đồng thời cũng là trách nhiệm của mọi gia đình trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Ưu tiên, tạo điều kiện để các gia đình khu vực nông thôn, miền núi, khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

2.4.2.1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình

Căn cứ pháp lý:

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2007

Nghị định 08/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Theo Điều 6 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022 (Có hiệu lực từ 01/07/2023) quy định nhà nước có những chính sách sau đây đối với công tác phòng chống bạo lực gia đình, gồm:

- Nhà nước bố trí ngân sách để thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống bạo lực gia đình; ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân viện trợ, tài trợ, tặng cho, đóng góp, hỗ trợ, ủng hộ, đầu tư kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, nhu yếu phẩm cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình; hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình; phát triển các mô hình tư vấn xây dựng gia đình hạnh phúc, phòng ngừa bạo lực gia đình và

hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.

- Khuyến khích sáng tác văn học, nghệ thuật về phòng, chống bạo lực gia đình; ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong phòng, chống bạo lực gia đình.

- Biểu dương, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình; có chế độ hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình.

- Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

- Người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình mà có thành tích thì được khen thưởng, nếu bị thiệt hại về sức khoẻ, tính mạng và tài sản thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

2.4.2.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước văn hóa gia đình

Thời gian gần đây, vấn đề văn hóa gia đình đã dần được quan tâm, đặc biệt là trong bối cảnh xã hội chuyển đổi phức tạp đa chiều và đạo đức xã hội đang xuống cấp nghiêm trọng. Lĩnh vực gia đình đã có những bước tiến dài với sự ra đời của các luật về gia đình và liên quan cùng các Chiến lược phát triển gia đình được phê duyệt bởi Thủ tướng chính phủ. Việc nhà Quốc hội tiến hành sửa đổi bổ sung Luật Hôn nhân gia đình (2001) và thay thế bằng Luật Hôn nhân gia đình mới chính thức có hiệu lực vào tháng 1 năm 2015 đã cho thấy luật pháp về gia đình đã có sự cập nhật để theo kịp những biến đổi phức tạp trong thực tiễn đời sống gia đình đương đại, thể hiện trên các phương diện cấu trúc, chức năng, sự đa dạng của gia đình và các giá trị chuẩn mực trong gia đình…

Tuy nhiên vấn đề chính sách pháp luật của nhà nước về gia đình nói chung, văn hóa gia đình nói riêng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Mặc dù gia đình luôn được coi là "tế bào" của xã hội và văn hóa gia đình là yếu tố trọng yếu trong việc hình thành nhân cách, đạo đức và lối sống cá nhân, nhưng tầm quan trọng và lợi ích của nó lại chưa được nhận thức đầy đủ và chưa được cụ thể hóa thành các chính sách cụ thể.

Các chính sách của nhà nước mới chỉ dừng lại ở những chính sách chung chung, để thực thi thì cần phải nhờ tới những văn bản hướng dẫn dưới luật khá phức tạp. Ví dụ, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình có tới 02 văn bản hướng dẫn thi hành là Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Nghị định 110/2009NĐ ngày 10/02/2009 quy định về các mức xử phạt hành chính.

Hơn nữa, ở Việt Nam có nhiều tộc người cùng sinh sống, gắn với mỗi tộc người lại có những tập tục riêng, nên việc áp dụng và thực thi pháp luật ở những tộc người này thường gặp nhiều khó khăn. Các phong trào, hành động về gia đình nhằm đưa luật pháp đến gần hơn với cuộc sống như "phong trào xây dựng gia đình văn hóa", "phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa ở khu dân cư".. trên thực tế vẫn còn nhiều điều phải bàn. Ví dụ, phong trào xây dựng gia đình văn hóa, một mặt nó có ý nghĩa biểu trưng cho sự tôn trọng và quan tâm của Nhà nước về mặt chính sách đối với văn hóa gia đình, song ở một khía cạnh khác, chủ chương này chủ yếu nhằm mục đích tuyên truyền chính trị để gia đình thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước chứ không phải vì bản thân văn hóa gia đình. Các cuộc vận động xây dựng các chuẩn mực văn hóa mới trong gia đình qua việc cưới, việc tang suốt mấy chục năm qua cũng trong tình trạng như vậy. Sự bùng nổ mạnh mẽ những phong tục, nghi lễ liên quan đến việc cưới, việc tang theo hướng ngày càng phô trương, bất chấp nỗ lực cải cách và đơn giản hóa nghi thức cưới xin của Nhà nước là một ví dụ.

Ở một khía cạnh khác, việc không có kinh phí dành riêng cho việc triển khai thực hiện các vấn đề về gia đình đã được quy định trong khung luật pháp, pháp lệnh, chiến lược mà phải điều chỉnh từ các nguồn kinh phí khác với mức độ điều chỉnh rất thấp, vì vậy việc thực hiện các chính sách pháp luật về gia đình thường chỉ được lồng ghép trong các kế hoạch khác của địa phương nên hiệu quả không cao.

Trong bối cảnh kinh tế xã hội ngày càng phát triển theo hướng hiện đại trên mọi vùng miền, và cùng với nó là quá trình đô thị hóa mạnh mẽ đã mang lại những tích cực về mặt kinh tế, song cũng đã để lại đằng sau những hệ lụy to lớn về văn hóa, trong đó có văn hóa gia đình. Sự phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, thay đổi phương thức sinh kế, các dịch vụ xã hội và truyền thông đã tạo nên những bước đột phá về kinh tế, nhưng sự phá vỡ những giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống thì vẫn chưa được đánh giá hết. Trong khi đó, các giá trị mới tích cực chưa thực sự hình thành, các yếu tố mới tiêu cực lại đang lấn át, đã tạo nên một môi trường văn hóa không chỉ ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhân cách bình thường mà còn tạo nên những xung đột về giá trị. Ngoài ra vẫn còn tình trạng chuộng bằng cấp và hình thức, háo danh, ham quyền lực, tham ô, lãng phí, tham nhũng,... Với sự chuyển đổi phức tạp và đa chiều nói trên, lối sống trong gia đình cũng biến đổi ngày càng đa dạng với những sở thích, lựa chọn của các nhóm tuổi khác nhau. Nhiều xu hướng và sở thích trong tình yêu, tình dục, xu hướng nghề nghiệp, vấn đề tình dục trước hôn nhân… là những xu hướng trước đây

không được xã hội chấp nhận nhưng nay tồn tại như một sự thách thức đối với văn hóa gia đình…

Tất cả những điều này đòi hỏi phải có những nghiên cứu sâu rộng về mặt chính sách để nhận diện được thực trạng cũng như những tác động của nó trong đời sống xã hội hiện nay nhằm điều chỉnh văn hóa gia đình cho phù hợp với xu thế mới. Mặt khác, để cho những chính sách gắn với gia đình nói chung, văn hóa gia đình nói riêng mang tính thực tế và hiệu quả thì một trong những nguyên tắc căn bản là phải nhìn nhận nó trong trong mối tương quan tổng thể với các chiều cạnh văn hóa, kinh tế, xã hội.

2.4.2.3. Chính sách, pháp luật về bình đẳng giới

Theo Điều 7 của Luật Bình đẳng giới năm 2006, chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới được quy định như sau:

Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển.

Bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ; tạo điều kiện để nam, nữ chia sẻ công việc gia đình.

Áp dụng những biện pháp thích hợp để xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu cản trở thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

Khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới.

Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ những điều kiện cần thiết để nâng chỉ số phát triển giới đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương mà chỉ số phát triển giới thấp hơn mức trung bình của cả nước.

2.4.2.4. Chính sách Xây dựng gia đình văn hóa

Các chính sách về gia đình phải hướng đến mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, chú trọng đến đối tượng trẻ em và người bệnh tật, cao tuổi. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản đối với gia đình, hỗ trợ gia đình phát triển bền vững, hạnh phúc và thực hiện bình đẳng giới. Huy động các cá nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ gia đình và chăm lo giúp đỡ, hỗ trợ các gia đình nghèo, khó khăn; bảo đảm gia đình được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản công bằng, bình đẳng, thuận lợi.

Đây cũng chính là mục tiêu hướng đến trong xây dựng gia đình văn hóa và là nền tảng hình thành con người văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững quê hương, đất nước.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" hướng đến xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa lành mạnh, trong đó, xây dựng gia đình văn hóa được xác định là một nội dung nòng cốt và luôn được các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh quan tâm, dành nguồn lực để triển khai thực hiện. Nhờ đó, xây dựng gia đình văn hóa đã và đang trở thành phong trào sâu rộng và có sức lan tỏa đến từng gia đình, dòng họ, làng, thôn, bản, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị. Đặc biệt, ý thức tự giác của các gia đình trong xây dựng gia đình văn hóa được thể hiện qua nhiều phong trào ý nghĩa, như "Nuôi con khỏe dạy con ngoan"; "Ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo", "Gia đình hiếu học", "Gia đình nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo"...

Theo đánh giá của ngành văn hóa, thể thao và du lịch khi tiến hành tổng kết 20 năm thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", thì các gia đình văn hóa tiêu biểu đã trở thành những tấm gương sáng ở cộng đồng dân cư trong xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hòa thuận, tiến bộ, hạnh phúc. Đồng thời, trở thành những nhân tố tích cực, quan trọng trong việc bảo vệ, giữ gìn các giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc trước các tác động của mặt trái cơ chế thị trường. Qua đó, góp phần nâng cao vai trò, vị trí của gia đình trong xây dựng đời sống văn hóa và đời sống kinh tế - xã hội địa phương. Công tác bình xét, công nhận danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm được triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định, với tỷ lệ gia đình văn hóa tăng qua từng năm. Năm 2018, toàn tỉnh có 758.120/947.205 gia đình đạt danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 80%; năm 2019, có 776.759/957.825 số hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 81,1%; năm 2020, có 862.043/957.825 hộ gia đình tham gia đăng ký phấn đấu để xét công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 90%.

Mặc dù vậy, chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" nói chung, xây dựng gia đình văn hóa nói riêng, ở một số địa phương chưa thực sự bền vững, chưa đi vào chiều sâu. Đặc biệt, các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình, dòng họ tại các làng, bản, tổ dân phố chưa được phát huy và duy trì thường xuyên. Tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình vẫn còn xảy ra, ảnh hưởng đến việc xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho các thành viên cũng như tác động tiêu cực đến các giá trị truyền thống của gia đình... Nghị quyết 33-NQ/TW về xây dựng và phát

triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, nhấn mạnh: "Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo". Như vậy, để hình thành con người văn hóa cần xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó gia đình đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đã nhấn mạnh: Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Song, công tác gia đình cũng đang đứng trước nhiều thách thức không hề nhỏ. Đó là sự xung đột giữa việc bảo tồn các giá trị đạo đức, lối sống, thuần phong, mỹ tục tốt đẹp với việc tiếp thu những yếu tố mới của xã hội hiện đại trong gia đình; đó là tình trạng lỏng lẻo trong mối quan hệ ứng xử giữa các thành viên dẫn đến gia đình thiếu ổn định, bền vững; đó là tình trạng bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, xâm hại trẻ em, bất bình đẳng giới... Chính vì lẽ đó, bản thân gia đình cần có được "tấm lá chắn" - từ các quy định của pháp luật, từ cơ chế, chính sách có liên quan và từ chính trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng và toàn xã hội - để tự bảo vệ mình trước các yếu tố nguy cơ, hay giảm các yếu tố rủi ro.

CHƯƠNG 3: CHỦ THỂ, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VỀ GIA ĐÌNH

3.1. Các chủ thể và cơ chế hoạt động quản lý nhà nước về gia đình

3.1.1. Các chủ thể quản lý

Chủ thể quản lý nhà nước về gia đình là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực gia đình và các cơ quan, tổ chức khác được nhà nước ủy quyền thực hiện các hoạt động quản lý đối với lĩnh vực này. Theo đó, bộ máy quản lý nhà nước về gia đình bao gồm:

1. Quốc hội

Lập pháp: Quốc hội ban hành các luật và nghị quyết liên quan đến gia đình, quy định quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình, các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ gia đình.

Giám sát: Quốc hội giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật về gia đình.

2. Chính phủ

Thực thi chính sách: Chính phủ ban hành các nghị định, quyết định và chỉ thị để triển khai thực hiện các luật, chính sách về gia đình do Quốc hội thông qua.

Phối hợp các cơ quan: Chính phủ chỉ đạo và phối hợp hoạt động của các bộ, ngành và địa phương trong việc thực hiện các chính sách về gia đình.

3. Bộ, ngành liên quan

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình.

Bộ Y tế: Quản lý và triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe gia đình, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện các chính sách và chương trình giáo dục gia đình, bảo đảm quyền được học tập của trẻ em và các thành viên trong gia đình.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phát triển và thực hiện các chính sách văn hóa gia đình, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí nhằm gắn kết gia đình.

4. Ủy ban nhân dân các cấp

Thực hiện chính sách địa phương: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quận, huyện, xã, phường thực hiện các chính sách, pháp luật về gia đình tại địa phương.

Giám sát và hỗ trợ: Các cơ quan này giám sát và hỗ trợ các hoạt động liên quan đến gia đình, từ việc bảo vệ quyền lợi đến hỗ trợ phát triển kinh tế, y tế, giáo dục và văn hóa.

5. Các tổ chức xã hội

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Tuyên truyền, giáo dục về vai trò của phụ nữ trong gia đình, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình.

Các tổ chức phi chính phủ và các hội, đoàn thể: Thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ gia đình, bảo vệ quyền lợi của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là những đối tượng yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người già và người khuyết tật.

6. Các cơ quan tư pháp

Tòa án nhân dân: Xét xử các vụ án liên quan đến gia đình như ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, bảo vệ quyền lợi của các thành viên trong gia đình.

Viện Kiểm sát nhân dân: Giám sát việc thực thi pháp luật liên quan đến gia đình, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình được bảo vệ.

Chủ thể quản lý nhà nước về gia đình bao gồm nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân ở các cấp độ khác nhau, từ trung ương đến địa phương. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể này là điều kiện tiên quyết để đảm bảo thực hiện hiệu quả các chính sách, pháp luật về gia đình, hướng tới xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và hạnh phúc.

Có thể khái quát quá trình hình thành và phát triển bộ máy quản lý nhà nước về gia đình như sau:

Năm 1984, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định 58-HĐBT ngày 11 tháng 4 về việc thành lập Ủy ban quốc gia dân số và sinh đẻ có kế hoạch;

Năm 1989, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt ban hành Quyết định 51-CT ngày 06 tháng 3 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình;

Năm 1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 193-HĐBT ngày 19 tháng 6 về Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và chế độ làm việc của Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình. Nghị định này thay thế Quyết định số 58-HĐBT ngày 11 tháng 4 năm 1984 và các văn bản quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Năm 2002 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 94/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em. Bãi bỏ Nghị định số 42/CP ngày 21 tháng 6 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và lề lối làm việc của Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình và Nghị định số 118/CP ngày 07 tháng 9 năm 1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam.

Theo đó, Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em là cơ quan ngang bộ của Chính phủ thực hiện chức năng QLNN về dân số, gia đình và trẻ em; QLNN các dịch vụ công thuộc lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em. Đến lúc này "gia đình" mới được xác định là một mảng độc lập, tách khỏi vấn đề dân số, trẻ em. Đây là sự thay đổi lớn để từ đó hình thành bộ máy QLNN về gia đình.

Cơ cấu tổ chức của Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em được xác định gồm:

– Các tổ chức giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban thực hiện chức năng QLNN: Vụ Dân số; Vụ Gia đình; Vụ Trẻ em; Vụ Truyền thông – Giáo dục; Vụ Kế hoạch – Tài chính; Vụ Hợp tác quốc tế; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Pháp chế; Thanh tra; Văn phòng;

– Các tổ chức sự nghiệp thuộc Ủy ban: Viện Khoa học dân số, gia đình và trẻ em; Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; Trung tâm Thông tin; Tạp Chí Gia đình và Trẻ em; Báo Gia đình và Xã hội.

Sau 6 năm sau, ngày 08 tháng 8 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1001/QĐ-TTg về việc giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, chuyển các chức năng quản lý nhà nước về Dân số, Gia đình và Trẻ em của Ủy ban này sang các Bộ có liên quan thực hiện, bao gồm:

+ Công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình chuyển về Bộ Y tế và được lập thành Tổng cục trên cơ sở tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức chuyên môn của Vụ Dân số và đơn vị liên quan thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trước đây;

+ Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em chuyển về Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và được lập thành Cục trên cơ sở bộ máy và đội ngũ công chức chuyên môn của Vụ Trẻ em thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em;

+ Công tác Gia đình được chuyển về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý. Vụ Gia đình được chuyển nguyên trạng cả về bộ máy, đội ngũ công chức và nhiệm vụ từ Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trước đây.

Sau khi Vụ Gia đình chuyển về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, để hoàn thiện bộ máy QLNN về gia đình, Chính phủ ban hành các Nghị định 185/2007/NĐ-CP,

76/2013/NĐ-CP, 79/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Các Nghị định trên quy định ngoài quy định về QLNN về văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch còn quy định QLNN về gia đình.

Ngoài ra, năm 2013 Chính phủ còn ban hành Nghị định số 02/2013/NĐ-CP quy định các nội dung về công tác gia đình.

Theo đó, bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác về gia đình được hình thành từ trung ương đến cấp xã.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 185/2007/NĐ-CP Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Để có nội dung về công tác gia đình, Chính phủ ban hành Nghị định số 02/2013/NĐ-CP quy định về công tác gia đình. Theo đó, "Bộ VHTTDL chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác gia đình trong phạm vi toàn quốc; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ VH-TT-DL thực hiện quản lý nhà nước về công tác gia đình; UBND các cấp thực hiện QLNN về công tác gia đình tại địa phương" (Điều 1 Nghị định số 02/2013/NĐ-CP nêu trên)

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác gia đình tại địa phương.

Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được quy định tại Điều 14 Nghị định 02/2013/NĐ như sau:

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về gia đình.

2. Hướng dẫn và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác gia đình.

3. Hướng dẫn và tuyên truyền, vận động, phổ biến chính sách, pháp luật, kiến thức về công tác gia đình.

4. Xây dựng và hướng dẫn nhân rộng các mô hình gia đình.

5. Quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình.

6. Hướng dẫn và tổ chức kỷ niệm Ngày Gia đình Việt Nam.

7. Hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học về gia đình và công tác gia đình theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và công tác gia đình.

9. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về công tác gia đình theo quy định của pháp luật.

10. Sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện công tác gia đình.

Như vậy, Tại Trung ương, Vụ Gia đình là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Bộ trưởng Bộ VHTTDL thực hiện nhiệm vụ QLNN về gia đình.

Theo Quyết định số 4830/QĐ-BVHTTDL ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Gia đình được quy định cụ thể như sau:

- Xây dựng, trình Bộ trưởng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm, các chương trình hành động và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực gia đình.

- Tham mưu, giúp Bộ trưởng chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, các đề án, dự án về lĩnh vực gia đình đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình; hướng dẫn thu thập, lưu trữ và sử dụng cơ sở dữ liệu về gia đình.

- Tham mưu, giúp Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, cách ứng xử trong gia đình; phòng ngừa tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình.

- Tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện các giải pháp bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong gia đình; chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình; thực hiện bình đẳng trong gia đình thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Tham mưu, giúp Bộ trưởng trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình theo chức năng, nhiệm vụ được giao quy định trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình; hướng dẫn mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực gia đình.

- Tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình.

- Tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về nội dung hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc lĩnh vực gia đình.

- Tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, tổ chức thực hiện các ngày kỷ niệm, tháng hành động về gia đình thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ hoặc theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan trong việc hướng dẫn và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác gia đình cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác gia đình.

- Xây dựng và hướng dẫn nhân rộng mô hình gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững. Xây dựng và cung cấp kiến thức, kỹ năng xây dựng và tổ chức cuộc sống gia đình; giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Bộ trưởng việc đàm phán, ký kết, phê duyệt, tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về gia đình; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực gia đình theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra việc tổ chức, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các nhiệm vụ về lĩnh vực gia đình theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất để Bộ trưởng khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác gia đình.

- Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch của Bộ.

- Quản lý công chức; thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức trong Vụ; quản lý và sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

Tại địa phương:

Cấp tỉnh: Phòng Xây dựng nếp sống Văn hóa và Gia đình là đơn vị chuyên môn, giúp Ban Giám đốc Sở VHTTDL (hoặc Sở Văn hóa, Thể thao) tham mưu cho UBND thực hiện nhiệm vụ QLNN về gia đình tại địa phương;

Cấp huyện: Phòng Văn hóa và Thông tin là đơn vị chuyên môn tham mưu cho UBND huyện thực hiện nhiệm vụ QLNN về gia đình tại địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý;

Cấp xã: Ban Văn hóa xã hội trong đó có 01 Công chức văn hóa xã hội tham mưu, giúp việc cho UBND xã.

Từ năm 2014 đến nay, tại các tỉnh, huyện, xã đã thành lập Ban chỉ đạo công tác gia đình do Chủ tịch UBND cùng cấp ra quyết định thành lập. Thành phần Ban chỉ

đạo, theo hướng dẫn tại văn bản số 1316/BVHTTDL-GĐ ngày 15/4/2013 của Bộ VH-TT-DL. Như sau:

– Đại diện Lãnh đạo UBND: Trưởng ban;

– Đại diện lãnh đạo cơ quan VH-TT-DL: Phó Trưởng ban

– Đại diện lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ: Phó Trưởng ban

– Các Uỷ viên gồm: Đại diện lãnh đạo cơ quan Lao động, Thương binh, Xã hội; Y tế; Giáo dục

– Đào tạo; Tư pháp; Tài chính; Công an; Các cơ quan hữu quan khác; Mời đại diện lãnh đạo Ban tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh; Hội Người cao tuổi; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có liên quan.

Ban chỉ đạo có chức năng tham mưu cho UBND cùng cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND về công tác gia đình và PCBLGĐ bao gồm:

+ Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong công tác gia đình, PCBLGĐ trên địa bàn.

+ Chỉ đạo về tổ chức hoạt động thuộc lĩnh vực công tác gia đình, PCBLGĐ theo đề nghị của thủ trưởng cơ quan QLNN về gia đình cùng cấp.

Nhiệm vụ cụ thể của Ban chỉ đạo gồm:

+ Xây dựng dự thảo chương trình, kế hoạch tổ chức, phối hợp các cơ quan có liên quan trong công tác gia đình và PCBLGĐ trình UBND cùng cấp quyết định.

+ Giúp UBND tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch và ý kiến chỉ đạo của UBND về chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong công tác gia đình và PCBLGĐ.

+ Đề xuất với UBND các biện pháp giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong công tác gia đình và PCBLGĐ.

+ Tham mưu giúp UBND cùng cấp chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan với cơ quan chuyên trách về công tác gia đình trong việc tổ chức công tác gia đình và PCBLGĐ.

+ Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện kết luận của Ban chỉ đạo công tác gia đình, ý kiến của UBND về chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong công tác gia đình và PCBLGĐ.

+ Đề nghị Chủ tịch UBND và cơ quan có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác gia đình và PCBLGĐ tại địa phương.

– Kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về công tác gia đình và PCBLGĐ.

Như vậy, chỉ ở cấp Trung ương mới có bộ máy chuyên trách (Vụ Gia đình) còn cấp Tỉnh, cấp Huyện do phân công trong nội bộ của Phòng Xây dựng Nếp sống Văn hóa và Gia đình hoặc Phòng Văn hóa và Thông tin.

3.1.2. Cơ chế hoạt động quản lý của nhà nước về gia đình

Cơ chế hoạt động quản lý của nhà nước về gia đình là hệ thống các phương pháp, quy trình và công cụ mà nhà nước sử dụng để điều hành, giám sát và hỗ trợ các hoạt động liên quan đến gia đình. Cơ chế này bao gồm việc lập pháp, thực thi chính sách, phối hợp các cơ quan liên quan và đánh giá kết quả. Dưới đây là các thành phần chính của cơ chế hoạt động quản lý nhà nước về gia đình:

1. Lập pháp và xây dựng chính sách

Ban hành luật và quy định: Quốc hội và Chính phủ ban hành các luật, nghị định và thông tư liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình, bảo vệ trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, và các nhóm yếu thế khác.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch: Chính phủ và các bộ, ngành xây dựng các chiến lược và kế hoạch dài hạn nhằm phát triển gia đình, như chiến lược quốc gia về gia đình, kế hoạch hành động về phòng chống bạo lực gia đình.

2. Thực thi và triển khai chính sách

Phối hợp liên ngành: Các bộ, ngành liên quan (như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo) phối hợp triển khai các chương trình, dự án và hoạt động hỗ trợ gia đình.

Địa phương thực hiện: Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã) có trách nhiệm triển khai các chính sách và chương trình hỗ trợ gia đình tại địa phương, đồng thời giám sát và báo cáo kết quả lên các cơ quan cấp trên.

3. Giám sát và đánh giá

Kiểm tra và thanh tra: Các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách và pháp luật về gia đình để đảm bảo tuân thủ và hiệu quả.

Đánh giá hiệu quả: Thực hiện các hoạt động đánh giá, tổng kết về hiệu quả của các chính sách, chương trình hỗ trợ gia đình, từ đó đề xuất cải tiến và điều chỉnh chính sách phù hợp.

4. Tuyên truyền và giáo dục

Chiến dịch truyền thông: Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình, phòng chống bạo lực gia đình, và các giá trị văn hóa gia đình tích cực.

Giáo dục cộng đồng: Thực hiện các chương trình giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức về vai trò và trách nhiệm của gia đình, cũng như các kỹ năng sống và chăm sóc gia đình.

5. Hỗ trợ và dịch vụ

Dịch vụ xã hội: Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ gia đình như tư vấn tâm lý, hỗ trợ pháp lý, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, và giáo dục.

Hỗ trợ tài chính: Triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính cho các gia đình khó khăn, như trợ cấp xã hội, hỗ trợ vay vốn, và các chương trình giảm nghèo.

6. Hợp tác quốc tế

Học hỏi kinh nghiệm: Hợp tác với các tổ chức quốc tế và các quốc gia khác để học hỏi kinh nghiệm, áp dụng các mô hình và phương pháp quản lý gia đình tiên tiến.

Thực hiện cam kết quốc tế: Đảm bảo tuân thủ các cam kết quốc tế về quyền con người, quyền trẻ em và bình đẳng giới liên quan đến gia đình.

Cơ chế hoạt động quản lý của nhà nước về gia đình là một hệ thống phức tạp và đa dạng, bao gồm các hoạt động lập pháp, thực thi chính sách, giám sát, tuyên truyền, hỗ trợ và hợp tác quốc tế. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và cộng đồng là điều kiện tiên quyết để đảm bảo các chính sách và chương trình hỗ trợ gia đình được thực hiện hiệu quả, góp phần xây dựng một xã hội ổn định, phát triển và hạnh phúc.

3.2. Phương thức hoạt động quản lý của nhà nước về gia đình

3.2.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về gia đình

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quản lý nhà nước về công tác gia đình nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của gia đình và bảo vệ quyền lợi của các thành viên trong gia đình. Dưới đây là một số văn bản quan trọng:

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2013): Hiến pháp quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân, bao gồm cả các quyền liên quan đến gia đình như quyền kết hôn, quyền bình đẳng trong gia đình và quyền bảo vệ trẻ em.

Điều 36, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (sửa đổi năm 2013) khẳng định: Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em". Bên cạnh đó, các quy định trực tiếp liên quan đến từng vấn đề cụ thể của gia đình các

quyền cơ bản của công dân, những thành viên của các gia đình được Hiến pháp quy định tại chương II về "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân" (từ Điều 14 đến Điều 49): Quyền sở sở hữu hợp pháp và quyền thừa kế của cá nhân (Điều 32); quyền học tập, quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe, quyền bình đẳng nam nữ (các điều 36 đến 41); quyền sở hữu nhà ở, quyền xây dựng nhà ở, bất khả xâm phạm về chỗ ở, quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về chỗ ở, quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, quyền ra nước ngoài về theo quy định của pháp luật, quyền tự do tín ngưỡng (Điều 23, 24); quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 19, 20); các quyền và nghĩa vụ về hôn nhân gia đình (Điều 36, 37)… Có thể nói việc quy định những quyền và nghĩa vụ của công dân quy định trong Hiến pháp 1992 chính là nền tảng pháp lý cơ bản nhất cho việc ban hành chính sách xây dựng gia đình Việt Nam.

So với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 là một bước tiến vượt bậc trong việc bảo vệ các quyền con người và quyền công dân. Bên cạnh việc quy định về quyền công dân, quyền con người cũng được quy định một cách chi tiết và đầy đủ. Nếu trong Hiến pháp năm 1992 chương Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân chỉ có 29 điều thì chương Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013 có 36 điều (tăng 7 điều so với Hiến pháp năm 1992). Hiến pháp năm 2013 đã dành 21 điều quy định về quyền con người, 15 điều quy định về quyền công dân. Tại Điều 14 khoản 1 Hiến pháp năm 2013 đã xác định: " Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật". Việc quy định cụ thể về quyền con người được thể hiện trên các bình diện: quyền bình đẳng trước pháp luật (khoản 1 Điều 16), quyền không bị phân biệt đối xử (Khoản 2 Điều 16), quyền của người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Điều 18), quyền sống, tính mạng được pháp luật bảo hộ (Điều 19); quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 20, khoản 1), quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín (Điều 21). Ngoài ra quyền con người trên các lĩnh vực khác được quy định tại các Điều 22, 24, 26, 30, 31, 32, 33,35, 36, 37, 38, 40, 41, 43, 48,49. Nhìn chung, quyền con người có phạm vi chủ thể rộng hơn quyền công dân. Trong khi quyền công dân Việt Nam chỉ dành cho người có quốc tịch Việt Nam thì quyền con người có phạm vi chủ thể rộng hơn là công dân Việt Nam, công dân nước ngoài, người không có quốc tịch (bao gồm cả người nước ngoài và người Việt Nam). Quyền công

dân Việt Nam được pháp luật Việt Nam điều chỉnh, trong khi đó quyền con người vừa được pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam điều chỉnh.

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 có các quy định quan trọng về gia đình và trẻ em nhằm bảo vệ và đảm bảo quyền lợi của các thành viên trong gia đình và trẻ em. Dưới đây là một số điều khoản chính liên quan:

Điều 36: Hôn nhân và Gia đình

Khoản 1: Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo vệ quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

Khoản 2: Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

Khoản 3: Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ và chăm sóc bà mẹ và trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Điều 37: Quyền và Nghĩa vụ của Cha mẹ và Con cái

Khoản 1: Trẻ em có quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục bởi gia đình, Nhà nước và xã hội. Trẻ em được tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, giải trí lành mạnh, được phát triển toàn diện, được giáo dục, học tập, được vui chơi và có các quyền lợi hợp pháp khác.

Khoản 2: Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, giáo dục con cái, chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con cái. Con cái có nghĩa vụ tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ cha mẹ, ông bà và các thành viên khác trong gia đình.

Điều 38: Bảo vệ Trẻ em

Khoản 1: Trẻ em có quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục bởi gia đình, Nhà nước và xã hội. Trẻ em được bảo vệ trước mọi hình thức bỏ rơi, bóc lột, bạo lực và các hành vi gây hại khác.

Khoản 2: Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm chăm lo, bảo vệ và tạo điều kiện tốt nhất để trẻ em phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần.

Các quy định này thể hiện sự quan tâm và cam kết của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền lợi của gia đình và trẻ em, đồng thời tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện các chính sách và biện pháp bảo vệ và phát triển gia đình và trẻ em.

Để cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 1992, nhiều văn bản luật, pháp lệnh do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các văn bản luật, pháp lệnh trên tinh thần khẳng định: "*Gia đình là chiếc nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và*

*bảo vệ tổ quốc"*và cũng khẳng định mục đích của pháp luật về hôn nhân gia đình nhằm đề cao vai trò của gia đình trong đời sống xã hội, phát huy truyền thống và những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình".

Điều 37, Bộ luật Dân sự về "Quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình" quy định: "Các thành viên trong gia đình có quyền được hưởng sự chăm sóc, giúp đỡ nhau phù hợp với truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Con cháu chưa thành niên được hưởng sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ, ông bà, con cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ, ông bà".

- Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam (năm 1999) đã dành Chương XV- Quy định các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình. Với 7 tội danh (từ Điều 146 đến Điều 152), liệt kê cụ thể cấu thành tội phạm của các hành vi phạm tội xâm hại chế độ hôn nhân gia đình thể hiện rõ chính sách xử lý hình sự của Nhà nước ta đối với loại tội phạm này là: Lấy giáo dục làm chính, việc xử lý chủ yếu mang tính chất răn đe giáo dục; trường hợp cố tình không chịu sửa chữa. tái phạm thì mới xử lý nghiêm khắc bằng chế tài hình sự. Các tội như: Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ (Điều 146); Tội vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng (Điều 147); Tội tổ chức tảo hôn, tội tảo hôn (Điều 148); Tội loạn luân (Điều 150); Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình (Điều 152)… đều là những hành vi trực tiếp xâm hại đến các quan hệ hôn nhân gia đình được pháp luật bảo vệ.

Luật Hôn nhân và Gia đình (2014): Quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con cái, các nguyên tắc kết hôn, ly hôn, nuôi con nuôi và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

Luật Phòng, chống Bạo lực Gia đình (2007): Quy định về phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của bạo lực gia đình.

Luật Bình đẳng Giới (2006): Đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Luật nuôi con nuôi 2010 quy định về việc nuôi con nuôi nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ em được nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển trong môi trường gia đình. Đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cả cha mẹ nuôi và con nuôi.

Pháp lệnh Dân số ngày 9/1/2003 quy định rõ trên cơ sở quy định của Hiến pháp 1992, nhằm quản lý và điều chỉnh các vấn đề liên quan đến dân số, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số ở Việt Nam. Pháp lệnh Dân số là một công cụ

quan trọng trong việc quản lý và điều chỉnh các vấn đề liên quan đến dân số, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Theo đó, công dân có nghĩa vụ "thực hiện kế hoạch hóa gia đình; xây dựng quy mô gia đình ít con no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững". Đồng thời công dân cũng có nghĩa vụ "*thực hiện các biện pháp phù hợp để nâng cao thể chất, trí tuệ, tinh thần của bản thân và các thành viên trong gia đình*".

Pháp lệnh về người cao tuổi ngày 28/4/2000 nhằm bảo vệ quyền lợi và chăm sóc người cao tuổi, đồng thời phát huy vai trò của người cao tuổi trong xã hội.

Pháp lệnh về Người tàn tật được ban hành ngày 30/7/1998, nhằm bảo vệ quyền lợi và tạo điều kiện để người tàn tật có cơ hội hòa nhập và phát triển trong xã hội.

Nghị định

Nghị định số 167/2013/NĐ-CP: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

Nghị định số 126/2014/NĐ-CP: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị định số 56/2012/NĐ-CP: Quy định về tổ chức và hoạt động của Cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;

Nghị định 98/2016/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 10/2015/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

Nghị định 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật hộ tịch;

Nghị định 10/2015/NĐ-CP Quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

Quyết định

Quyết định số 2351/QĐ-TTg (2015): Phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Quyết định số 102/QĐ-TTg (2017): Phê duyệt Chương trình quốc gia về giáo dục và tư vấn trước hôn nhân giai đoạn 2017-2020.

Chỉ thị và Thông tư

Chỉ thị số 49-CT/TW (2015): Của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác gia đình trong tình hình mới.

Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL: Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP về phòng, chống bạo lực gia đình.

Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao – Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;

Nghị quyết

Nghị quyết số 33-NQ/TW (2014): Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành;

Những văn bản trên đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, quản lý và hỗ trợ các hoạt động liên quan đến gia đình, góp phần xây dựng môi trường gia đình lành mạnh, hạnh phúc và bền vững.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định một cách toàn diện về vấn đề gia đình mà chủ yếu quy định đối với những vấn đề thiết thân trực tiếp liên quan đến gia đình như: vấn đề hôn nhân gia đình, chính sách pháp luật về dân số, về trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật, về xóa đói giảm nghèo, về kinh tế trang trại hộ gia đình, hương ước, quy ước làng xã, xử lý vi phạm hành chính, hình sự liên quan đến gia đình và hôn nhân.

3.2.2. Tuyên truyền chính sách, pháp luật, kiến thức về gia đình

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật về xây dựng gia đình Việt Nam. Để đưa các chính sách, pháp luật vào cuộc sống, không thể không nhắc đến vai trò cầu nối của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) về gia đình.

Chủ trương, quan điểm của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác PBGDPL về gia đình

Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước yêu cầu: "Đẩy mạnh, đổi mới và đa dạng hoá công tác truyền thông, tăng cường giáo dục đến từng hộ gia đình pháp luật, chính sách liên quan đến vấn đề xây dựng gia đình, đặc biệt là Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp

lệnh Dân số; đưa chủ đề gia đình vào các chương trình tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt và phê phán những biểu hiện không lành mạnh ảnh hưởng cuộc sống gia đình."

Nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 24/6/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. Chỉ thị xác định nhiệm vụ: "Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác xây dựng gia đình", "Đẩy mạnh, đổi mới công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình; các chuẩn mực, giá trị văn hóa gia đình; kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình; các rủi ro đối với gia đình, giúp người dân chủ động phòng ngừa các ảnh hưởng tiêu cực đến gia đình. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình".

Các chính sách của Đảng về công tác, PBGDPL về gia đình được thể chế hóa bằng nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước.

Điều 10 Luật PBGDPL năm 2012 xác định một trong những nội dung PBGDPL trọng tâm là các quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật về hôn nhân gia đình, bình đẳng giới, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (trong đó có quyền được bảo hộ về hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của bà mẹ và trẻ em). Luật cũng xác định đối tượng nạn nhân bạo lực gia đình là một trong những đối tượng yếu thế, đặc thù cần được quan tâm trong phổ biến, giáo dục pháp luật (Điều 19). Đồng thời xác định trách nhiệm của các thành viên trong gia đình có trách nhiệm gương mẫu chấp hành pháp luật; ông, bà, cha, mẹ có trách nhiệm giáo dục và tạo điều kiện cho con, cháu tìm hiểu, học tập pháp luật, rèn luyện ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật (Điều 32).

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Nhà nước có trách nhiệm tăng cường tuyên truyền, PBGDPL về hôn nhân và gia đình; Nhà trường phối hợp với gia đình trong việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình cho thế hệ trẻ.

Luật Phòng chống gia đình năm 2007 xác định thông tin, tuyên truyền về phòng chống bạo lực gia đình là một trong những biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình và dành một mục trong Chương II quy định về mục đích, yêu cầu, nội dung hình thức thông tin, tuyên truyền về phòng chống bạo lực gia đình.

Luật Bình đẳng giới năm 2006 cũng xác định Thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới là biện pháp quan trọng nhằm nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới.

Ngày 29/5/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 629/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 xác định mục tiêu nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình.

Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 80-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân, trong đó tiếp tục xác định PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để thực hiện Kết luận, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 và cụ thể hóa nhiều nhiệm vụ quan trọng thuộc trách nhiệm của các bộ, ngành trung ương bao gồm Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Theo đó cần triển khai kịp thời, đồng bộ, đầy đủ các nhiệm vụ PBGDPL nói chung và PBGDPL về gia đình nói riêng trên cơ sở bám sát các yêu cầu, giải pháp đề ra tại Kết luận số 80-KL/TW và Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021.

Như vậy, có thể khẳng định chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PBGDPL về gia đình là một chủ trương nhất quán. Đây là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Một số kết quả đạt được trong công tác tuyên tuyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về gia đình

Thực hiện Điều 6 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Điều 2 Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PBGDPL, Bộ Tư pháp đã tích cực tham mưu giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về PBGDPL, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động PBGDPL nói chung, trong đó quan tâm, nhấn mạnh đến việc phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về gia đình; thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật về gia đình; truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng PBGDPL liên quan đến quyền trẻ em, thực hiện bình đẳng

trong gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình và phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình và các vấn đề khác liên quan đến gia đình…

Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện nhiều Chương trình, Đề án liên quan đến công tác PBGDPL về gia đình: Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai Đề án tuyên truyền về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020 (Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 05/9/ 2014 của Thủ tướng Chính phủ); Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 (Quyết định số 2170/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ); Ủy ban Dân tộc triển khai Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2025 (Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Hội LHPN Việt Nam về "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2013-2017" và "Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ; hòa giải ở cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2018-2022" cũng được triển khai sâu rộng ở các địa phương trong cả nước.

Công tác PBGDPL nói chung và công tác PBGDPL về gia đình nói riêng đã được chú trọng; cấp ủy, chính quyền, đoàn thể quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân dân, đặc biệt là các thành viên trong gia đình trong việc xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc. Nội nội dung pháp luật được lựa chọn, phổ biến có liên quan trực tiếp, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, gắn liền với đời sống sinh hoạt gia đình và các thành viên trong gia đình, đặc biệt chú ý đến những quy định pháp luật về quyền lợi của nhóm yếu thế là phụ nữ và trẻ em. Các hình thức PBGDPL về gia đình được triển khai phong phú, hấp dẫn, có tính chất lan tỏa sâu rộng đến từng nhóm đối tượng, từng địa bàn dân cư, loại bỏ dần các hoạt động hình thức, mang tính phong trào, bao gồm:

- Biên soạn, phát hành hoặc đăng tải công khai trên Trang thông tin PBGDPL, Cổng thông tin điện tử của các bộ, ngành, địa phương các tài liệu PBGDPL về các quy định pháp luật chính sách, pháp luật về gia đình như Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Trẻ em, Luật Thanh niên, Luật Người cao tuổi, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự…như: Đề cương, Tài liệu PBGDPL nội dung cơ bản của các Luật, Nghị quyết mới được thông qua tại các kỳ

họp Quốc hội; tờ gấp pháp luật; xây dựng các câu chuyện, tình huống, tiểu phẩm, hỏi đáp liên quan đến nội dung này. Các tài liệu này được phát hành, đăng tải rộng rãi để mọi tầng lớp nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng thông qua đó góp phần PBGDPL thực hiện chính sách, pháp luật về gia đình.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo tập huấn cho báo cáo viên pháp luật Trung ương, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cán bộ chủ chốt làm công tác PBGDPL; giáo viên dạy môn giáo dục công dân trong nhà trường trung học phổ thông; giảng viên dạy môn học pháp luật trong các trường cao đẳng, đại học… để cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng PBGDPL về các chính sách, pháp luật về gia đình. Tiếp tục huy động, phát huy vai trò tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, già làng, trưởng thôn, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia PBGDPL trực tiếp để vận động, thuyết phục đồng bào, người dân nghiêm túc thực hiện chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, xóa bỏ hủ tục lạc hậu về hôn nhân và gia đình…

- Thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc PBGDPL thực hiện chính sách, pháp luật về gia đình.

Thực hiện Đề án Tuyên truyền về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020 (Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 05/9/2014), Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ban, ngành, địa phương xây dựng các nội dung PBGDPL về gia đình như: Biên tập sổ tay, tài liệu và tập huấn cho phóng viên, biên tập viên phụ trách chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về xây dựng gia đình, phòng chống bạo lực gia đình; biên tập, sản xuất, xây dựng bài viết, bản tin, phóng sự, phim ngắn về đường lối, chính sách, pháp luật hôn nhân và gia đình, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, không phá thai vì giới tính của thai nhi; về phúc lợi xã hội dành cho gia đình chính sách, gia đình nghèo, kiến thức, kỹ năng, phát triển kinh tế gia đình, ứng phó với thiên tai và khủng hoảng kinh tế; biên tập, sản xuất, xây dựng bài viết, bản tin, phóng sự theo các chuyên đề khác nhau cho đối tượng nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn có được kiến thức cơ bản về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình; mở các chuyên mục, chuyên đề, chương trình phổ biến đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân, gia đình, phòng chống bạo lực gia đình trên các kênh phát thanh, truyền hình quảng bá ở trung ương, địa phương; mở chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề, quảng cáo về xây dựng gia đình và phòng chống bạo lực gia đình trên các báo, tạp chí in, báo điện tử.

PBDPL về gia đình thông qua tổ chức các Cuộc thi tìm hiểu pháp luật

Nhằm đổi mới công tác PBGDPL, một trong những hình thức PBGDPL hiệu quả được Bộ Tư pháp và các bộ, ngành địa phương lựa chọn trong những năm gần đây là tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, có thể kể đến như: Cuộc thi sáng tác tiểu phẩm pháp luật năm 2018 thuộc phạm vi thực hiện Đề án "Tăng cường công tác PBGDPL tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2017-2021"[1] ; Cuộc thi sáng kiến, mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh, thiếu niên thuộc phạm vi thực hiện Đề án "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên"[2], Cuộc thi "Luật gia tương lai" trực tuyến tìm hiểu kiến thức pháp luật dành cho học sinh trung học phổ thông năm 2016, 2017[3]; Cuộc thi "Pháp luật học đường" tìm hiểu kiến thức pháp luật trong trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019; đặc biệt là các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến theo chủ đề. Trong đó đều có lồng ghép các nội dung pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Trẻ em, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới… từ đó giúp phát huy hiệu quả phổ biến, nâng cao ý thức pháp luật của người dân và xã hội khi tham gia các quan hệ hôn nhân và gia đình...

PBGDPL về gia đình thông qua giáo dục pháp luật trong nhà trường

Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Giám hiệu nhà trường tăng cường công tác PBGDPL, trang bị kiến thức pháp luật, kỹ năng áp dụng pháp luật cho học sinh, sinh viên tìm hiểu pháp luật về hôn nhân và gia đình dưới các hình thức như: Tổ chức rà soát giáo trình giảng dạy pháp luật, sách giáo khoa môn giáo dục công dân, kiến nghị ngành giáo dục cập nhật, bổ sung các nội dung cần thiết đưa nội dung giảng dạy pháp luật về hôn nhân gia đình, phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới… là những nội dung quan trọng trong chương trình học chính khóa của môn học pháp luật, môn giáo dục công dân; các chương trình ngoại khóa PBGDPL như: "Tiết pháp luật", "Ngày pháp luật", tổ chức PBGDPL qua sinh hoạt chào cờ đầu tuần, qua hệ thống phát thanh trường học, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật học đường, tổ chức các hội thi, cuộc thi tìm hiểu pháp luật như "Rung chuông vàng", "Phiên tòa giả định", thi hùng biện pháp luật, thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến….

PBGDPL về gia đình thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở

Qua thực tiễn triển khai, hoạt động trợ giúp pháp lý có quan hệ mật thiết với hoạt động PBGDPL. Ngoài công việc chính là trợ giúp, giải đáp, hướng dẫn về pháp luật đối với các vụ việc cụ thể tại địa phương, các Trung tâm trợ giúp pháp lý, Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư các tỉnh, thành phố còn làm tốt việc phối hợp với các đơn vị liên quan như Hội Phụ nữ, Phòng Tư pháp cấp huyện, các trường học tổ chức các buổi trợ giúp lưu động để giải đáp, phổ biến pháp luật, giới thiệu văn bản pháp luật mới cho nhiều người tham dự, phát tờ gấp pháp luật, sách hỏi - đáp về các lĩnh vực pháp luật mà người dân quan tâm trong đó có lĩnh vực pháp luật hôn nhân - gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình…

Hiện nay công tác hòa giải đã và đang trở thành một hình thức quan trọng và hiệu quả trong hoạt động PBGDPL. Tính đến ngày 31/12/2021, cả nước có 87.964 tổ hòa giải được thành lập tại thôn, tổ dân phố với 551.328 hòa giải viên, tỷ lệ hòa giải trên cả nước những năm gần đây đều đạt trên 80% không chỉ góp phần giải quyết có hiệu quả các tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật ngay tại cơ sở, tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền bạc của Nhà nước, nhân dân, mà còn trực tiếp góp phần củng cố tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân; duy trì và phát huy đạo lý truyền thống tốt đẹp, thuần phong, mỹ tục của dân tộc; phát huy quyền làm chủ; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận, ổn định xã hội để phục vụ phát triển đất nước. Thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên đã kịp thời ngăn chặn những hành vi "giận quá mất khôn", "giận cá chém thớt" của các cá nhân trong xã hội. Đồng thời, qua quá trình hòa giải, hòa giải viên đã giúp cho các thành viên trong gia đình nhận thức rõ những quy định pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, trách nhiệm của các thành viên trong gia đình theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, trẻ em, người cao tuổi... và trách nhiệm, hậu quả của hành vi bạo lực gia đình do mình gây ra. Từ đó giải tỏa vướng mắc, ngăn ngừa tội phạm; xây dựng tình đoàn kết tương thân, tương ái trong gia đình, giữ gìn ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

PBGDPL về gia đình thông qua sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật

Các địa phương trên cả nước trong thời gian qua đã quan tâm xây dựng, duy trì nhiều loại hình câu lạc bộ pháp luật như: Câu lạc bộ tiền hôn nhân, Câu lạc bộ không sinh con thứ ba, Câu lạc bộ phụ nữ với pháp luật, Câu lạc bộ thanh niên với pháp luật, tạo diễn đàn để hội viên và người dân tham gia giao lưu, học tập, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm; qua đó, các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của

Nhà nước được phổ biến rộng rãi, kịp thời đến các hội viên và nhân dân trên địa bàn mà một trong các hoạt động chính là phổ biến Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản hướng dẫn.

Theo Báo cáo tổng kết Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, tính đến năm 2019, có 44/63 địa phương trên cả nước đã đạt mục tiêu 95% trở lên hộ gia đình được phổ biến và cam kết thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình. Từ đó góp phần quan trọng nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân về tầm quan trọng của gia đình, công tác gia đình, đặc biệt là mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc; các vụ bạo lực gia đình giảm, sự bình đẳng về quyền lợi học tập, làm việc, chăm sóc sức khỏe, nuôi con của phụ nữ được cải thiện; vị thế, vai trò của phụ nữ được khẳng định trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội; tiến tới xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong từng gia đình.

Tồn tại, hạn chế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về gia đình và nguyên nhân

Tồn tại, hạn chế

Mặc dù công tác PBGDPL về gia đình thời gian qua đã và đang được coi trọng và thực hiện một cách nghiêm túc. Tuy nhiên, trong quá trình theo dõi và thực hiện công tác PBGDPL nói chung và công tác PBGDPL về gia đình nói riêng cho thấy công tác vẫn chưa thực sự đạt hiệu quả cao, thể hiện ở một số mặt sau:

- Công tác PBGDPL về chính sách, pháp luật về gia đình chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân. Nội dung, hình thức PBGDPL nói chung chậm đổi mới. Nội dung pháp luật còn chung chung, mới chú trọng phổ biến các quy định pháp luật thực định, chưa nắm bắt nhu cầu của người dân. Hình thức phổ biến còn nặng về tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến, chưa thực sự phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế và khả năng tiếp cận pháp luật của từng nhóm đối tượng, chưa áp dụng linh hoạt, đổi mới các hình thức phù hợp với xu thế chung. Kỹ năng và phương pháp tuyên truyền, tư vấn chưa đáp ứng yêu cầu. Các tài liệu PBGDPL về gia đình cũng chưa được thiết kế dễ hiểu, thân thiện với người dân.

- Một bộ phận Nhân dân chưa tiếp cận và nắm bắt được các chủ trương, chính sách về công tác gia đình; chưa nhận thức được vai trò của gia đình trong việc xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc cũng như phát triển xã hội. Định

kiến về phân biệt đối xử, tư tưởng "trọng nam, khinh nữ" còn tồn tại dai dẳng trong nhận thức chung của xã hội, trong gia đình. Nhiều hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này vẫn còn xảy ra, tình trạng bất bình đẳng, bạo lực hành giữa các thành viên trong gia đình (đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em) vẫn xảy ra phổ biến ở nhiều nơi, nhiều vụ việc với mức độ nghiêm trọng; đặc biệt ở các địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết chưa được giải quyết dứt điểm.

Nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế trong công tác PBGDPL về gia đình chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

- Một số cấp uỷ, chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc phổ biến pháp luật, giáo dục đạo đức, lối sống cho các thành viên trong gia đình.

- Nhiều bộ, ngành chuyên ngành chưa quan tâm, coi trọng công tác PBGDPL thuộc lĩnh vực chuyên ngành quản lý nên công tác PBGDPL về lĩnh vực này chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục và có trọng tâm, trọng điểm.

- Nguồn lực bảo đảm công tác PBGDPL nói chung chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ, đặc biệt khó khăn với những địa phương chưa tự cân đối được ngân sách. Nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn; đặc biệt ở những vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

- Công tác phối hợp, báo cáo, phản hồi thông tin giữa Bộ, ngành, đoàn thể, cấp hội, cơ quan có trách nhiệm trong PBGDPL về gia đình, còn chưa chặt chẽ, thiếu thường xuyên; chưa bảo đảm sự điều tiết, phân phối nguồn lực một cách hợp lý… do đó hiệu quả chưa thực sự được như mong muốn.

3.2.3. Các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình

Thông tư số 12/2013/TT-BVHTTDL quy định chi tiết hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng.

Điều 2: Nội dung hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách, pháp luật về gia đình và các vấn đề liên quan

a) Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về: Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về gia đình và những vấn đề liên quan; thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình; phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình; thực hiện kế hoạch hóa gia đình; giáo dục đạo đức, lối sống phù hợp với truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, dòng họ, gia đình; xây dựng gia đình văn hóa;

b) Biên soạn các ấn phẩm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân trong việc xây dựng và gìn giữ những giá trị truyền thống tốt đẹp, phát huy những giá trị tiên tiến của gia đình Việt Nam.

2. Phổ biến, giáo dục kiến thức, kỹ năng về xây dựng gia đình

a) Phổ biến các kiến thức, kỹ năng về: Ứng xử, giải quyết mâu thuẫn giữa các thành viên gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình, thực hiện bình đẳng giới trong gia đình; phòng, chống tai nạn thương tích ở trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình; phòng chống HIV/AIDS; kế thừa, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của gia đình, dòng họ gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển;

b) Phổ biến các kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe của các thành viên gia đình, đặc biệt là người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ thời kỳ mang thai, nuôi con nhỏ;

c) Phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ mới về lao động, sản xuất;

d) Giáo dục kiến thức đời sống gia đình, kỹ năng xây dựng và tổ chức cuộc sống gia đình cho đối tượng nam, nữ chuẩn bị kết hôn, mới kết hôn.

3. Tư vấn, hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình; phòng ngừa, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình; thực hiện việc góp ý, phê bình với người gây bạo lực gia đình; bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

4. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ gia đình vay vốn để sản xuất, làm dịch vụ phát triển kinh tế gia đình theo quy định của pháp luật. Xây dựng các loại hình dịch vụ phục vụ gia đình phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu của người dân.

5. Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, sinh hoạt cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu của người dân.

6. Biểu dương các tổ chức, cá nhân, gia đình tiêu biểu trong hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững.

7. Các hoạt động khác nhằm hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng.

Điều 3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng

1. Ban chỉ đạo công tác gia đình.

2. Các loại hình Câu lạc bộ hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững.

3. Trung tâm học tập cộng đồng.

4. Các cơ quan, tổ chức hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình.

5. Các tổ liên gia, tự quản.

6. Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng.

8. Tổ hòa giải cơ sở.

9. Đội tuyên truyền lưu động

10. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

11. Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

12. Cơ sở bảo trợ xã hội.

13. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác thực hiện hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức hoạt động

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo triển khai các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Vụ Gia đình và các đơn vị liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng và hướng dẫn tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí và hướng dẫn sử dụng kinh phí cho hoạt động này trong kinh phí chi cho sự nghiệp gia đình; thực hiện kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết, báo cáo việc thực hiện Thông tư này.

4. Ban chỉ đạo công tác gia đình cấp tỉnh, huyện, xã chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Triển khai các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình: Hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình ở Việt Nam bao gồm nhiều chương trình và sáng kiến từ cả chính phủ và các tổ chức phi chính phủ nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống gia đình, thúc đẩy bình đẳng giới, và bảo vệ quyền trẻ em. Ở Việt Nam hiện nay, hoạt động này thường tập trung phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Hội LHPN Việt Nam là tổ chức chính trị – xã hội tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ Việt Nam với gần 17 triệu hội viên; đại diện, bảo vệ quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới. Tất cả các chương trình, nhiệm vụ của Hội đều hướng đến mục tiêu cốt lõi là xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Trong suốt quá trình hoạt động, Hội LHPNVN luôn nhận thức được vị trí của mình là một tổ chức chính trị xã hội có vai trò quan trọng, nòng cốt trong công tác xây dựng gia đình. Đặc biệt là những nhiệm vụ cụ thể trong phạm vi hoạt động của mình để thực hiện tốt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030: "Chú trọng xây dựng, nhân rộng các mô hình xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, đặc biệt là mô hình giáo dục kỹ năng làm cha, mẹ cho những người sắp làm cha, mẹ hoặc cho người có con trong độ tuổi chưa thành niên; chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình Trung tâm tư vấn tiền hôn nhân và hỗ trợ gia đình; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án nâng cao chất lượng quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020.

Hoạt động của Hội LHPN Việt Nam nhằm vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc và phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục con.

Xác định vai trò quan trọng của cha mẹ đối với sự phát triển toàn diện và tương lai của trẻ, những năm qua, Hội LHPN Việt Nam đã đặc biệt chú trọng nhóm đối tượng cha mẹ thông qua tác động tới nhận thức hướng tới cải thiện kỹ năng làm cha mẹ tốt hơn.

Tại nhiều địa phương, các mô hình nhằm giáo dục kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ được triển khai, nhân rộng hoặc xây dựng mới như câu lạc bộ "Cha mẹ nuôi dạy

con tốt", "Người cha tốt của con", "Khi mẹ vắng nhà", "Gia đình phòng, chống tệ nạn xã hội", "Giáo dục và đời sống", "Nhóm cha mẹ", "Nhóm trẻ chơi dưới 3 tuổi", "Cha là tấm gương sáng của con", "Gia đình học tập nuôi con khỏe", "Gia đình 4 chuẩn mực" … Nhiều mô hình còn có sự tham gia của cả nam giới, qua đó thu hút nam giới chia sẻ trách nhiệm với phụ nữ trong gia đình và hỗ trợ phụ nữ trong các hoạt động nâng cao kiến thức, kỹ năng về các vấn đề liên quan, nhất là trong nuôi dạy con. Các mô hình, câu lạc bộ "Xây dựng gia đình hạnh phúc" được xem là mô hình phổ biến nhất ở các địa phương đã có ý nghĩa tích cực nhất định, là cầu nối truyền tải thông tin, giao lưu, chia sẻ vấn đề giáo dục gia đình, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình và can thiệp có hiệu quả. Nhìn chung, các mô hình này đã góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và phụ nữ về vai trò gia đình trong nuôi dạy con, phòng chống bạo lực gia đình, các vấn đề tội phạm và phòng chống tệ nạn xã hội…, trong đó chú trọng hướng dẫn các thành viên giải pháp phòng ngừa từ gia đình. Đặc biệt các mô hình tổ, nhóm vay vốn tiết kiệm có ở hầu hết các địa bàn được các cấp Hội lồng ghép chặt chẽ với tuyên truyền các vấn đề về giáo dục gia đình và xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các mô hình cũng là kênh hiệu quả giúp các cấp Hội cũng nắm tâm tư, nguyện vọng của chị em phụ nữ để kịp thời chia sẻ, động viên, giúp đỡ về vật chất, tinh thần, tạo điều kiện cho chị em trong xây dựng gia đình và thực hiện các tiêu chí thi đua, góp phần giảm tình trạng vi phạm pháp luật, mắc tệ nạn xã hội, tình trạng bạo lực gia đình…

Đề án "Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt" giai đoạn 2010 – 2015 do Hội LHPN Việt Nam là cơ quan chủ trì là một trong những Đề án nổi bật có đóng góp tích cực trong nâng cao kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ, giúp cho các ông bố, bà mẹ có con dưới 16 tuổi được trang bị kiến thức và kỹ năng nuôi, dạy con, từ đó áp dụng trong việc nuôi con khoẻ, dạy con ngoan, góp phần giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em chưa ngoan, xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội, cộng đồng bình yên. Sau gần 5 năm triển khai, đã có 8.468.357/5 triệu bà mẹ, 2.969.123/2 triệu ông bố có con dưới 16 tuổi được tập huấn, trang bị kiến thức, thay đổi hành vi về phương pháp nuôi, dạy con khoa học, theo độ tuổi; 3.742.279/1,5 triệu trẻ vị thành niên được tiếp cận các kiến thức về sức khỏe, sinh sản và giáo dục kỹ năng sống. Nhiều hội thảo với các chủ đề mang tính thời sự về giáo dục gia đình, giáo dục kỹ năng làm cha mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc đã được tổ chức ở các cấp TW và địa phương như: Hội thảo "Tăng cường vai trò, trách nhiệm của nam giới trong tổ chức cuộc sống gia đình và nuôi dạy con khi mẹ đi làm ăn xa", Diễn đàn "Xây dựng gia đình công nhân, viên chức, lao động nuôi, dạy

con tốt"… Để hỗ trợ hội viên, phụ nữ xây dựng gia đình, Hội đã biên soạn và phát hành nhiều tài liệu hướng dẫn và tuyên truyền về xây dựng gia đình hạnh phúc, xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, năm 2013, Hội đã đề xuất và được Chính phủ chọn là Năm Gia đình Việt Nam, hoạt động này đã thu hút được các tổ chức, các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động hướng về gia đình ở tất cả các địa phương…

Bên cạnh đó, Hội LHPN Việt Nam đã có nhiều chương trình, đề án nhằm góp phần đẩy mạnh của gia đình trong giáo dục con, tiêu biểu là Chương trình giáo dục cha mẹ trong chăm sóc và phát triển toàn diện trẻ thơ, Đề án Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến 2020, tăng cường năng lực của Hội LHPN trong việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong hỗ trợ cho quá trình dạy và học tích cực, vận động cộng đồng thực hiện tiếp cận giáo dục dựa trên quyền, chuyển tiếp mầm non lên tiểu học, giúp con hướng nghiệp…Từ những kết quả quan trọng ban đầu, cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" của Hội đã được Chính phủ đưa vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020.

- Bộ VHTTDL và Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam thống nhất xây dựng Kế hoạch thực hiện "Năm gia đình Việt Nam" với chủ đề "Kết nối yêu thương".

Việc xây dựng kế hoạch nhằm đẩy mạnh công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về"Năm gia đình Việt Nam" nhằm nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, hành động của các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng, đặc biệt của cán bộ, hội viên, phụ nữ trong việc tham gia xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững, góp phần vào thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt hơn công tác xây dựng gia đình, đưa ra giải pháp hữu hiệu nhằm tạo sự chuyển biến tích cực giải quyết các vấn để bức xúc của gia đình hiện nay, hướng tới xây dựng gia đình Việt Nam hạnh phúc, phát triển bền vững, thực sự là tổ ấm của mọi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng XI và các nội dung của Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Theo kế hoạch, nội dung các hoạt động phối hợp thực hiện bao gồm:

Cấp Trung ương: Đẩy mạnh công tác phối hợp truyền thông về xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; Chỉ đạo tổ chức các hoạt động/sự kiện tuyên truyền/hỗ trợ xây dựng gia đình; Chỉ đạo, rà soát, đánh giá hỗ trợ xây dựng các mô hình Câu lạc bộ xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững; chỉ đạo xây dựng mô hình dịch vụ gia đình, mô hình địa chỉ tin cậy tại cộng đồng, phòng chống bạo lực gia đình, mô hình gia đình

với bảo vệ môi trường và thực hiện an toàn giao thông tại các địa phương; Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động đề xuất, tham gia xây dựng, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ xây dựng gia đình; thực hiện luật hôn nhân và gia đình; Luật chăm sóc bảo vệ trẻ em; Luật phòng, chống bạo lực gia đình; Luật bình đẳng giới; tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi, Luật đất đai sửa đổi các nội dung liên quan đến gia đình; vấn đề phụ nữ kết hôn với người nước ngoài; Tổng kết đánh giá kết quả hoạt động "Năm gia đình Việt Nam" vào cuối năm 2013; Xây dựng các phóng sự, video clip để tuyên truyền về Năm Gia đình Việt Nam, đặc biệt vào các dịp Ngày gia đình Việt Nam (28/6), Ngày phụ nữ Việt Nam (20/10) và Ngày thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (25/11).

Cấp địa phương: Tập trung đẩy mạnh truyền thông, vận động cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân, phụ nữ tham gia vào các hoạt động xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững tại cộng đồng, khu dân cư; Tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông tại cộng đồng và hỗ trợ gia đình; Duy trì, nhân rộng, tổ chức hoạt động có hiệu quả các mô hình tại cộng đồng; Tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến gia đình để có cơ sở đề xuất giải pháp, chính sách phù hợp.

Cũng theo kế hoạch các hoạt động trong "Năm gia đình Việt Nam" sẽ được tổ chức thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức với các hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, các vùng miền và có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác gia đình, vận động, thu hút cán bộ, nhân dân, hội viên, phụ nữ tích cực tham gia các hoạt tại cơ sở, địa phương mình đang sinh sống, phát huy vai trò của gia đình trong xã hội, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Các nội dung hoạt động được thực hiện phù hợp chức năng, nhiệm vụ của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch và tổ chức Hội phụ nữ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiến độ, được tiến hành tại cơ sở đảm bảo quy định của pháp luật và có sự theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát thường xuyên.

3.2.4. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm và khen thưởng trong công tác gia đình

Kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về gia đình, qua đó xác định những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân để đề ra giải pháp khắc phục có hiệu quả cho từng địa phương.

Theo báo cáo, trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) thường xuyên tăng cường công tác phối hợp về thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật trong công tác gia đình với nhiều hình thức, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận được các quy định của Nhà nước về công tác gia đình. Trong đó, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về công tác gia đình là hoạt động thường xuyên nhằm chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các sai phạm, nắm bắt các vấn đề nảy sinh trong công tác gia đình tại địa phương và có thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan xử lý vi phạm, đúng quy định pháp luật, chấn chỉnh kịp thời các hành vi vi phạm.

Thông qua việc thanh tra, kiểm tra đã nâng cao vai trò quản lý nhà nước cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong công tác gia đình

Công tác kiểm tra, giám hoạt động quản lý nhà nước về gia đình thực hiện thường xuyên nghiêm túc với 2 kỳ kiểm tra/ năm, từ đó đã kiểm soát tốt công tác chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, bất bình đẳng về giới, và thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, thực hiện lối sống lành mạnh. Cụ thể, Ban quản lý về gia đình phân cấp cho từng cán bộ quản lý phụ trách từng khu vực, kiểm tra đôn đốc và báo cáo thường xuyên hoạt động nhằm có biện pháp xử lý kịp thời. Đồng kết hợp các đơn vị: Tư pháp, Công an, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên CS HCM, các cơ sở hỗ trợ hôn nhân, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức đoàn thể ... nhằm thực hiện tốt hoạt động quản lý về gia đình.

Nhìn chung, các địa phương đã nghiêm túc chỉ đạo thực hiện các văn bản, chính sách về PCBLGĐ, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCBLGĐ; tổ chức thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách, pháp luật ở các cấp; thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực PCBLGĐ; chú trọng triển khai mô hình PCBLGĐ và địa chỉ tin cậy ở cộng đồng; phát hiện và xử lý hành chính, hình sự một số trường hợp gây BLGĐ. UBND các phường, xã chỉ đạo thành lập các tổ an ninh xã hội, tổ hòa giải tại các phố, thôn, trong đó chi hội trưởng, chi hội phó làm thành viên nòng cốt tại các tổ để tham gia hòa giải kịp thời các vụ bạo lực, vụ việc xảy ra ở cơ sở.

Ban Chỉ đạo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" thành phố tổng kết, bình xét gia đình văn hóa, phố thôn văn hóa cho các phố, thông, cá nhân,

tập thể có thành tích tốt trong phong trào đời sống văn hóa và phong trào Phòng, chống bạo lực gia đình.

Với việc thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên đã giúp đánh giá được việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác gia đình, xây dựng được kế hoạch, chương trình tác động và giải quyết có hiệu quả các vấn đề đang đặt ra đối với gia đình hiện nay, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình, góp phần phát triển kinh tế xã hội, ổn định an ninh, chính trị, xây dựng môi trường xã hội trong sạch và lành mạnh hơn.

Về công tác khen thưởng

Chính phủ và các cơ quan địa phương đã quan tâm và đầu tư vào công tác gia đình, bao gồm việc khen thưởng các cá nhân và tổ chức có đóng góp tích cực. Các văn bản pháp luật và chính sách hỗ trợ công tác gia đình được ban hành và triển khai rộng rãi.

Nhiều địa phương đã tổ chức các phong trào thi đua, cuộc thi và lễ trao giải nhằm tôn vinh các gia đình văn hóa, các cá nhân có thành tích trong công tác gia đình. Các chương trình này đã thu hút sự tham gia tích cực của cộng đồng và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của gia đình trong xã hội.

Tuy nhiên, một số địa phương gặp khó khăn trong việc xác định và áp dụng các tiêu chí khen thưởng cụ thể. Điều này dẫn đến tình trạng khen thưởng chưa thực sự công bằng và minh bạch.

Nhiều cơ quan và tổ chức gặp khó khăn về tài chính và nhân lực để thực hiện các hoạt động khen thưởng một cách hiệu quả. Điều này ảnh hưởng đến quy mô và chất lượng của các chương trình khen thưởng.

Mặc dù có nhiều chương trình khen thưởng, nhưng một số người dân và tổ chức vẫn chưa cảm thấy động lực mạnh mẽ để tham gia. Nguyên nhân có thể do phần thưởng chưa đủ hấp dẫn hoặc các hình thức khen thưởng chưa đa dạng.

Vì vậy, cần xây dựng một hệ thống tiêu chí khen thưởng rõ ràng, cụ thể và phù hợp với từng địa phương, đảm bảo công bằng và minh bạch trong quá trình xét duyệt và trao giải. Đầu tư nhiều hơn vào nguồn lực tài chính và nhân lực cho công tác khen thưởng, đảm bảo các chương trình được tổ chức quy mô và chất lượng. Nâng cao giá trị phần thưởng và đa dạng hóa hình thức khen thưởng. Tăng cường giá trị và tính hấp dẫn của các phần thưởng, đồng thời đa dạng hóa hình thức khen thưởng để tạo động lực mạnh mẽ hơn cho các cá nhân và tổ chức tham gia.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của gia đình và công tác gia đình, nhằm nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động khen thưởng.

Bằng cách cải thiện các yếu tố trên, công tác khen thưởng trong gia đình sẽ trở nên hiệu quả hơn, góp phần xây dựng và phát triển gia đình, đồng thời thúc đẩy sự ổn định và phát triển của xã hội.

3.3. Đánh giá chung

3.3.1. Ưu điểm

Trong thời gian qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã và đang tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền trong quá trình tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Nghị quyết số 81/NQ-CP về Kế hoạch hành động của Chính phủ trong việc thực hiện Chỉ thị số 49/CT-TW về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và các văn bản khác để thu hút sự quan tâm và đầu tư cho công tác gia đình ở mỗi cấp.

Thể chế QLNN về GĐ được ban hành, hoàn thiện đồng bộ, về cơ bản đáp ứng yêu cầu QLNN về GĐ, đặc biệt trong việc xây dựng các chính sách phòng chống GĐ, xây dựng gia đình văn hóa, bình đẳng giới,…

Tổ chức bộ máy và nguồn lực QLNN về GĐ được kiện toàn, đảm bảo yêu cầu quản lý thống nhất từ trung ương đến cấp xã, trong đó Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan được Chính phủ giao quản lý nhà nước thống nhất về GD. Nguồn nhân lực và nguồn tài chính hỗ trợ cho công tác GĐ ổn định.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về GĐ được coi trọng, với nhiều hình thức phù hợp, kịp thời, hiệu quả tiếp tục tăng cường nhận thức của các cơ quan, cán bộ, viên chức và nhân dân về công tác GĐ: bình đẳng giới, PCBLGĐ, xây dựng gia đình văn hóa, … trong gia đình được củng cố, nâng cao với quan điểm bảo vệ hạnh phúc gia đình là bảo vệ quyền bình đẳng, bảo vệ quyền con người đặc biệt đối với phụ nữ, người cao tuổi và trẻ em, là cơ sở quan trọng đảm bảo cho xã hội và đất nước phát triển bền vững.

Công tác thanh tra, kiểm tra tiếp tục đi vào nề nếp, kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quy định về PCBLGĐ, đặc biệt công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về GĐ với các Hội đoàn thể ngày càng hiệu quả, thiết thực, đã góp phần tăng cường thiết chế QLNN về GĐ.

Hợp tác quốc tế là hoạt động có hiệu quả trong công tác QLNN về GĐ, đặc biệt trong việc thúc đẩy các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về PCBLGĐ có tính nền tảng như Luật Bình đẳng giới, Luật PCBLGGĐ, đồng thời có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách để thực hiện các quy định pháp luật này có hiệu quả như hỗ trợ về kinh nghiệm, tài chính, kỹ thuật và áp dụng các mô hình PCBLGĐ có hiệu quả.

3.3.2. Hạn chế, yếu kém, nguyên nhân

3.3.2.1. Hạn chế, yếu kém

- Hệ thống văn bản quy phạm, văn bản hướng dẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình mới được thành lập nên kinh nghiệm, nhân lực làm công tác quản lý còn nhiều hạn chế.

- Nguồn ngân sách Nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về gia đình chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay trong danh mục mã số ngành kinh tế (Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, kinh phí sự nghiệp gia đình ở khoản 533, loại 520 thuộc Y tế và các hoạt động xã hội không thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

Công tác quản lý nhà nước về gia đình đang ẩn danh trong Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Về tên Bộ không có từ "gia đình". Như vậy chỉ là sự "ẩn danh" trong tên gọi không phải "công tác quản lý nhà nước về gia đình" bị xem nhẹ hoặc "ẩn danh".

- Đội ngũ cán bộ làm công tác gia đình ở địa phương còn thiếu, đặc biệt ở cấp xã thiếu, không ổn định; không có đội ngũ cộng tác viên.

- Kinh phí sự nghiệp chi cho công tác gia đình còn hạn chế; bộ máy tổ chức lĩnh vực gia đình ngày càng bị thu hẹp ở cơ sở, hầu hết là kiêm nhiệm.

- Vụ Gia đình còn có chức năng quản lý nhà nước về dịch vụ công... Hầu hết các địa phương chưa có cộng tác viên cơ sở, người đứng đầu chưa quan tâm do chưa nhận thức đúng và đầy đủ về tầm quan trọng của công tác gia đình đối với sự ổn định và phát triển xã hội.

- Tư tưởng tự hạn chế chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực gia đình. Chính vì vậy, bản thân cơ quan này cần phải làm rõ hơn bài toán định vị cụ thể về nhiệm vụ và quyền hạn của mình để tránh nhầm lẫn, chồng chéo.

Bản thân cơ quan quản lý nhà nước về công tác gia đình vẫn còn nhiều "lấn cấn" về thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ quản lý, dẫn tới sự lúng túng trong công tác tham mưu quản lý nhà nước.

3.3.2.2. Nguyên nhân

- Nhận thức của một bộ phận không nhỏ các cấp chính quyền địa phương về GĐ còn hạn chế, chưa huy động được sự đồng thuận của toàn thể xã hội trong việc PCBLGĐ, bình đẳng giới đặc biệt khu vực nông thôn, khu vực miền núi, hải đảo; công tác tuyền truyền còn nặng về hình thức hoặc giải ngân là chính; nhiều tỉnh, nhiều huyện và nhiều xã chưa quan tâm đến công tác GĐ nên không có Ban Chỉ đạo GĐ.

- Công tác sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống các văn bản luật và văn bản quy phạm dưới luật chậm so với yêu cầu của thực tiễn, chất lượng văn bản còn nhiều hạn chế vì vậy chưa tạo nền tảng thể chế đủ mạnh để thực hiện công tác QLNN về GĐ có hiệu lực, hiệu quả.

- Đội ngũ nhân lực làm công tác gia đình hạn chế về số lượng, chất lượng, đa số là cán bộ kiêm nhiệm, nhất là ở cấp cơ sở. Chế độ đãi ngộ thấp, chưa đủ điều kiện để động viên, khuyến khích ổn định tư tưởng làm việc lâu dài, hạn chế về trình độ chuyên môn.

- Đại đa số người dân chưa có nhận thức đầy đủ về bản chất của BLGĐ và hậu quả của BLGĐ hay những biến đổi của gia đình về đạo đức, lối sống, … có tác động rất lớn đến hạnh phúc gia đình, đến văn hóa cộng đòng và đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia

- Kinh phí cấp cho công tác GĐ rất ít so với yêu cầu, nhiều địa phương không bố trí ngân sách riêng cho công tác GĐ trong dự toán hàng năm; trong khi sự hỗ trợ tài chính từ các hoạt động hợp tác quốc tế ngày càng giảm. Điều này ảnh hưởng đến công tác QLNN về GĐ, đặc biệt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về GĐ, việc triển khai và vận hành có hiệu quả các mô hình hỗ trợ PCBLGĐ ở các địa phương.

CHƯƠNG 4: ĐỔI MỚI NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIA ĐÌNH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

4.1. Những nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về gia đình

4.1.1. Những nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về gia đình

4.1.1.1.Yếu tố khách quan

Chế độ chính trị và chính sách xã hội của Nhà nước

Chế độ chính trị có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng quá trình phát triển xã hội. Một chế độ chính trị tiến bộ, dân chủ sẽ hình thành đường lối, quan điểm lãnh đạo đúng đắn. Ngược lại, một chế độ chính trị bảo thủ, phản dân chủ sẽ dẫn tới những quan điểm, quyết sách sai lầm trong phát triển xã hội. Chính bởi vậy, có thể khẳng định chế độ chính trị chính là yếu tố tạo động lực hoặc kìm hãm sự phát triển của các nguồn lực xã hội.

Đối với công dân, yếu tố chính trị đóng vai trò tiên quyết đảm bảo quyền con người. Một chế độ chính trị tiến bộ, dân chủ, có mục tiêu chính trị vì con người sẽ cho ra đời những chính sách, pháp luật vì con người. Chế độ chính trị tác động vào các chính sách của Nhà nước nhằm giảm tối đa sự vi phạm quyền con người và phát huy tính trách nhiệm, tích cực của nhà nước trong nghĩa vụ đảm bảo thực thi quyền con người.

Dưới sự tác động của chế độ chính trị, đặt ra yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền trong đó thừa nhận ưu thế của quyền con người. Pháp luật trở thành đạo đức của nhà nước vì đã ghi nhận tính bất khả xâm phạm các quyền và tự do của công dân.

Bên cạnh đó, sự hoàn thiện của chế độ chính trị đòi hỏi sự hoàn thiện của các công cụ tổ chức bộ máy nhà nước mà trước hết là hoàn thiện các cơ quan hành chính nhà nước. Sự quan tâm, bảo trợ đối với các quyền con người, quyền công dân của nhà nước pháp quyền sẽ là tiền đề hình thành chính sách xã hội tiến bộ, phù hợp với lợi ích của người dân. Những chính sách xã hội tiến bộ của nhà nước sẽ tác động trực tiếp, tích cực tới những người yếu thế, có những hoàn cảnh đặc biệt về kinh tế- xã hội khi họ phải đối mặt với những vấn đề nảy sinh trong xã hội, trong có có những vấn đề về pháp luật, đạo đức. Chế độ chính trị đã tạo điều kiện để người dân được đối xử bình đẳng, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Việt Nam là một quốc gia đang trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa "của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân". Như vậy, chính sự ưu

việt của chế độ chính trị và bản chất nhân văn của nhà nước pháp quyền là cơ sở lý giải cho hiện thực không ngừng thay đổi hoàn thiện pháp luật về GĐ. Đây cũng là điều kiện đảm bảo cho sự hiệu quả của QLNN về GĐ, hướng tới mục tiêu thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân, loại bỏ bất bình đẳng giới, bảo đảm công bằng xã hội, thực thi nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật ở nước ta hiện nay.

Mức độ hoàn thiện của pháp luật gia đình

Hệ thống chính sách và pháp luật liên quan đến gia đình có vai trò quan trọng trong việc định hướng và điều chỉnh các hoạt động của gia đình. Các luật như Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới, và các chính sách hỗ trợ gia đình đều ảnh hưởng trực tiếp đến quản lý nhà nước về gia đình.

Việc thực thi các chính sách và pháp luật này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển các giá trị gia đình truyền thống, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho các thành viên trong gia đình. Trong một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vai trò của pháp luật càng quan trọng. Bởi vậy, mức độ hoàn thiện của pháp luật về GĐ có ảnh hưởng quyết định tới quá trình triển khai và tính hiệu quả của hoạt động QLNN về GĐ.

Các quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ xã hội liên quan đến GĐ luôn tồn tại khách quan, có tính quy luật, vận động và biến đổi không ngừng và bị chi phối bởi các điều kiện KT-XH trong những hoàn cảnh nhất định. Trong từng giai đoạn cụ thể, mức độ điều chỉnh pháp luật sẽ khác nhau do tính khách quan, tính cơ bản của quan hệ xã hội và quan điểm chủ quan của nhà làm luật. Do vậy, pháp luật về LĐ không phải ngay một lúc đã hình hành hệ thống quy phạm đồng bộ, đầy đủ và toàn diện.

Mức độ hoàn thiện của pháp luật về GĐ phải thể hện ở các tiêu chí về (tính hoàn thiện, tính đồng bộ, phù hợp, khả thi, minh bạch và khả năng tiếp cận) và tiêu chí về hình thức (tính xác định về cơ cấu nội tại của pháp luật, yêu cầu biểu đạt bằng ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, logic, chính xác, một nghĩa, mang tính phổ thông và ổn định).

Việt Nam đã trải qua nhiều năm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về GĐ. Thực tiễn đã cho thấy tầm quan trọng số một của pháp luật đối với hiệu quả hoạt động QLNN về GĐ. Những kết quả và hạn chế của QLNN về GĐ trong thời gian quan đều ít nhiều có nguyên nhân từ những ưu điểm và bất cập của hệ thống quy định pháp luật về GĐ. Đây cũng chính là xuất phát điểm của việc đặt ra yêu cầu cần hoàn thiện pháp

luật về GĐ, sự ra đời tất yếu của các văn bản pháp luật liên quan trong thời gian vừa qua.

Đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính

Nguồn lực tài chính và việc sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính là một yếu tố then chốt chi phối tính hiệu quả và hiệu lực của QLNN về GĐ. Nguồn lực tài chính là điều kiện cần để thực hiện triển khai tất cả các hoạt động quản lý của Nhà nước. Đối với giải quyết GĐ, một lĩnh vựcphức tạp, nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến quyền con người thì việc đầu tư lại càng cần thiết hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, việc phân bổ và sử dụng kinh phí đó như thế nào cho hiệu quả cũng là điều cần lưu ý, nhất là trong khi các nguồn kinh phí còn hạn hẹp và đang có chiều hướng bị cắt giảm như hiện nay.

Bên cạnh đó, việc chi cho trả lương, thù lao, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác gia đình đóng vai trò quan trọng. Chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ làm công tác gia đình, đặc biệt các tuyên truyền viên, cán bộ gia đình tại cơ sở là một trong những công cụ quan trọng để thu hút, động viên, khích lệ và duy trì nhân lực. Tuyên truyền viên, cộng tác viên gia đình không phải là viên chức trong ngành gia đình, chưa được hưởng lương và các chế độ đãi ngộ theo quy định pháp luật nhưng họ lại chính là những người mang theo và trực tiếp truyền tải các thông điệp chính sách, pháp luật về gia đình, đặc biệt là GĐ đến với từng người dân, giúp họ nhận thức và thay đổi hành vi của bản thân cho phù hợp với mục tiêu của Nhà nước và xã hội. Chế độ đãi ngộ thỏa đáng sẽ là một yếu tố quan trọng phát huy được năng lực, lòng nhiệt huyết của đội ngũ này trong quá trình thực hiện mục tiêu GĐ.

Ở Việt Nam hiện nay, do nguồn đầu tư tài chính cho công tác gia đình nói chung, cho hoạt động PCBLGĐ nói riêng bị cắt giảm mạnh nên chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ làm công tác gia đình ở cơ sở rất hạn chế, ảnh hưởng tới sự ổn định của mạng lưới cộng tác viên, tác động không nhỏ tới hiệu quả QLNN về gia đình và PCBLGĐ. Đơn cử, ở cấp xã cán bộ văn hóa xã được giao kiêm nhiệm mảng công tác GĐ nhưng trong Thông tư 06/2012/TT-BNV hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn của Bộ Nội vụ lại không quy định rõ nhiệm vụ cũng như quyền lợi của công chức cấp xã về GĐ điều đó gián tiếp làm mất động lực làm việc cũng như trách nhiệm của công chức cấp xã trong công tác QLNN về GĐ.

Yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa

Yếu tố kinh tế, xã hội

Yếu tố kinh tế - xã hội hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tổng thể các điều kiện, hoàn cảnh về kinh tế xã hội, hệ thống chính sách kinh tế, chính sách xã hội và việc triển khai thực hiện, áp dụng chúng trong lĩnh vực xã hội. Kinh tế xã hội phát triển bền vững là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xây dựng pháp luật, tác động tích cực đến việc nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật của tầng lớp xã hội và ngược lại. Yếu tố kinh tế là nền tảng,"là kiến trúc hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng", nên hoạt động QLNN về GĐ phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mới đạt hiệu lực và hiệu quả nhất. Chính bởi vậy, Karl Marx đã khẳng định: "Trong thời đại nào cũng thế, chính là vua chúa phải phục tùng những điều kiện kinh tế, chứ không bao giờ vua chúa ra lệnh cho những điều kiện kinh tế được. Chẳng qua chế độ pháp luật về chính trị, cũng như về dân sự chỉ là cái việc nói lên, ghi chép lại quyền lực của những quan hệ kinh tế".

Theo WHO (2013), Đông Nam Á là nơi có tỷ lệ phụ nữ bị bạo hành cao nhất (37,7%). Tỉ lệ này ở các vùng Đông Địa Trung Hải là 37%, Châu Phi 29,8%, Châu Mỹ, Châu Âu 25,4% và Tây Thái Bình Dương là 24,6% [114]. Như vậy có thể thấy điều kiện kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp tới BLGĐ, bình đẳng giới, …

Ở Việt Nam hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đặt ra mục tiêu xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, có sự quản lý của Nhà nước. Tác động của nền kinh tế thị trường đến thể chế QLNN về gia đình nói chung trên các phương diện như: Sự thay đổi về mục tiêu, nội dung, phương thức QLNN; huy động tốt hơn mọi nguồn lực xã hội tham gia vào công tác GĐ; đòi hỏi mở rộng dân chủ, công khai, minh bạch.

Như vậy yếu tố kinh tế là một yếu tố quan trọng để xây dựng được thể chế QLNN về GĐ phù hợp nhằm đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong công tác GĐ.

Yếu tố văn hóa

Việt Nam có 54 dân tộc phân bố ở những vùng miền khác nhau. Sự đa dạng về vùng miền và dân tộc đã thể hiện sự đa dạng trong văn hóa. Mỗi vùng miền lại có một cái nhìn khác nhau về gia đình. Mặt khác, việc sống tại nông thôn hay thành thị cũng quyết định gián tiếp tới GĐ.

Bên cạnh đó, Việt Nam là một nước Á Đông. Trong suốt chiều dài của lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam, ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và tư tưởng Nho giáo rất sâu sắc. Mặc dù Nho giáo đề cao vai trò của lễ nghĩa, đạo hiếu nhưng Nho giáo lại đặt lên vai người nam giới những nghĩa vụ và trách nhiệm để đảm bảo thực hiện những giá trị mà xã hội đề cao. Do vậy, làm hình thành và phát triển trong

nam giới tính gia trưởng, độc đoán để đảm bảo cho việc điều hành theo khuôn mẫu, chuẩn mực của xã hội phong kiến. Tính gia trưởng nghiễm nhiên vì thế được chấp nhận trong gia đình và ngoài xã hội, tạo ra một vị trí đặc biệt cho những người đàn ông trong gia đình: họ có "quyền" quyết định những vấn đề quan trọng, quyết định thái độ ứng xử với các thành viên khác, họ có quyền "dạy dỗ" vợ con theo ý mình... Thậm chí, có người coi việc sử dụng bạo lực là ứng xử cần thiết để đảm bảo hạnh phúc gia đình. Đi cùng với đó là tư tưởng "đèn nhà ai nhà nấy rạng", "vợ chồng đóng cửa bảo nhau" nên những việc trong gia đình thì những người khác thường không muốn can thiệp vào. Đây là những yếu tố giúp BLGĐ, bất bình đẳng giới có điều kiện phát triển, gây ra khó khăn rất lớn trong công tác GĐ hiện nay.

Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận những truyền thống tốt đẹp như: "kính già yêu trẻ", con cái phải hiếu thảo với cha mẹ hay những triết lý Nho giáo tiến bộ "phu thê cung kính như khách" đã và đang có những tác động tích cực tới việc bảo vệ những thành viên yếu thế trong các gia đình: người già được kính trọng, trẻ con được yêu thương, vợ chồng tôn trọng lẫn nhau. Những tư tưởng này nếu được phát huy và áp dụng phù hợp với xã hội hiện nay thì sẽ góp phần quan trọng, tích cực trong phòng, chống bạo lực, bình đẳng giới ở các gia đình Việt Nam.

Tác động của quá trình hội nhập khu vực và quốc tế

Hội nhập quốc tế là tất yếu để phát triển đất nước theo hướng phát triển bền vững. Quá trình thực hiện hội nhập quốc tế chính là quá trình trao đổi, tiếp nhận về kinh tế, về văn hoá, về công nghệ và các yếu tố quan trọng khác. Đặc biệt phải sửa đổi hệ thống pháp luật cho phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế. Chính vì vậy, hội nhập quốc tế có tác động rất sâu sắc đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về GĐ ở các quốc gia, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu như Việt Nam.

Trong lĩnh vực GĐ, hợp tác quốc tế diễn ra thường xuyên, tạo cơ hội học hỏi các kinh nghiệm nước ngoài, đồng thời tìm kiếm được các nguồn lực quan trọng về tài chính, kiến thức chuyên môn, kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế. Thực tế những nguồn lực này có ý nghĩa quan trọng ở giai đoạn mở cửa hội nhập quốc tế, góp phần vào thành công trong giải quyết các vấn đề GĐ ở quá khứ và hiện tại.

Đối với Việt Nam, một nước phương Đông, chịu những ảnh hưởng sâu đậm của các lễ nghi Nho giáo thì sự hội nhập quốc tế sẽ tạo ra những giao lưu văn hóa và theo thời gian sẽ làm thay đổi cách nghĩ, cách sống, mở rộng tầm nhìn cho tất cả mọi người, đặc biệt là phụ nữ như sự thay đổi địa vị của người phụ nữ trong xã hội Hàn Quốc là

thành quả của sự hội nhập phát triển kinh tế, tạo điều kiện cải thiện đời sống, thu nhập từ đó giảm GĐ.

Hội nhập khu vực và quốc tế cũng đặt ra những vấn đề xã hội mới có ảnh hưởng tới QLNN về GĐ. Ví dụ, khi tiếp cận công nghệ 4.0 rất nhiều các dữ liệu bằng chứng được thu thập. Đó là cơ sở tố cáo, luận tội hành vi BLGĐ, nhưng mặt khác nó cũng gây ra những tiêu cực nhất định đối với chủ thể và nạn nhân bị bạo lực, do vấn đề đề BLGĐ rất nhạy cảm, phản ánh đời sống riêng tư của cá nhân. Điều đó đặt ra tính hiệu quả trong bảo mật bằng chứng của những nạn nhân bị BLGĐ. Vì vậy, cơ quan QLNN cần quan tâm vấn đề trên, đảm bảo an ninh mạng, có những điều chỉnh và can thiệp cần thiết về phương thức quản lý để phòng ngừa và ứng phó, đảm bảo quyền lợi cho nạn nhân bị BLGĐ.

4.1.1.2. Yếu tố chủ quan

Năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức và sự hoàn thiện của thể chế quản lý nhà nước về gia đình

Đội ngũ cán bộ, công chức là chủ thể xây dựng, ban hành và là chủ thể tổ chức thực hiện thể chế QLNN trong thực tiễn nên năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác GĐ sẽ quyết định tới hiệu lực, hiệu quả QLNN về GĐ. Năng lực của CB,CC làm công tác GĐ thể hiện ở năng lực nhận thức, tư duy về lĩnh vực phụ trách, năng lực xây dựng và ban hành các quyết định quản lý; năng lực chuyên môn trong thực thi các hoạt động tác nghiệp.

Cũng từ năng lực của cán bộ, công chức, thể chế QLNN ra đời từ sự cụ thể hóa tư duy, chủ trương định hướng quản lý của chủ thể quản lý. Thể chế, chính sách chỉ đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả nếu các chủ thể ban hành thể chế, chính sách có đủ năng lực, có nhận thức đúng đắn, tư duy đổi mới về lĩnh vực quản lý. Trong lĩnh vực QLNN về GĐ cũng như vậy, việc ban hành văn bản, chính sách GĐ cùng với các văn bản thi hành là cở sở cho các cơ quan chức năng của Nhà nước xử lý các vấn đề về GĐ đối với tổ chức, cá nhân trong xã hội. Nếu các hệ thống pháp luật, chính sách đó đảm bảo tính hiệu lực, khả thi sẽ có tác động lớn tới quá trình triển khai thực thi trong thực tế cũng như đạt được các mục tiêu đặt ra.

Ý thức và trách nhiệm của người dân trong tuân thủ chính sách pháp luật

Chính sách, pháp luật là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội. Nhà nước ban hành một hệ thống chính sách, pháp luật áp dụng chung cho mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia các quan hệ xã hội, làm cho hoạt động của cá nhân, tổ chức đó diễn ra trong vòng trật tự ổn định. Đối với Việt Nam (đang xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội

chủ nghĩa) thì pháp luật luôn có vị trí tối thượng trong đời sống xã hội. Hệ thống pháp luật đó được ban hành bởi cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và phải được tuân thủ bởi chính nhà nước và mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội. Tuy nhiên, muốn người dân thực hiện đúng pháp luật thì phải làm sao để người dân biết pháp luật, biết quyền lợi và nghĩa vụ của mình, đồng thời mỗi cá nhân và các tổ chức phải có ý thức pháp luật, tôn trọng và tuân thủ chính sách pháp luật. Vậy yếu tố quyết định đến kết quả của QLNN có thể khẳng định là ý thức pháp luật, sự tôn trọng và tuân thủ chính sách, pháp luật của các cá nhân, tổ chức xã hội.

Trong lĩnh vực QLNN về GĐ hiện nay, việc tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân vẫn còn nhiều hạn chế. BLGĐ, bất bình đẳng giới,… vẫn diễn ra với nhiều hình thức khác nhau ở mỗi gia đình. Có thể xác định một số nguyên nhân của tồn tại này như sau:

Thứ nhất, ý thức pháp luật của người dân, người cung cấp dịch vụ còn kém; Thứ hai, tính khả thi của chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa cao. Thứ ba, người dân Việt Nam vẫn còn nặng tư tưởng, thói quen xã hội nông nghiệp và cơ chế cũ.

Chính bởi vậy, Nhà nước cần quan tâm đặc biệt tới công tác nâng cao dân trí và cả "quan trí" về ý thức tôn trọng pháp luật.

4.2. Phương hướng nhiệm vụ để đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình

Nhằm triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã cụ thể hóa nội dung của Chiến lược theo hướng:

Về nâng cao năng lực quản lý nhà nước về gia đình

Rà soát, đề xuất các giải pháp quản lý nhằm đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện công tác gia đình các cấp bảo đảm tinh gọn, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, có sự gắn kết nội dung gia đình với các lĩnh vực có liên quan; phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em ở cơ sở; Xây dựng các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực theo hướng tích hợp đa ngành chuyên môn, nghiệp vụ. Tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp; Nghiên cứu, xây dựng danh mục dịch vụ công và hệ thống dịch vụ xã hội hỗ trợ gia đình; Nghiên cứu, xây dựng, phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ gia đình nhằm bảo đảm sự ổn định và an toàn của đời sống gia đình (quan tâm nhóm gia đình lao

động di cư và công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất); mô hình hỗ trợ gia đình thực hiện bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình; mô hình tư vấn, giáo dục về hôn nhân gia đình trước khi kết hôn; Xây dựng dữ liệu số quốc gia về gia đình; các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững.

Phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư, huy động xã hội hoá, phát triển lĩnh vực gia đình

Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước cho công tác gia đình. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trao đổi kinh nghiệm trong hoạch định, đánh giá chính sách về gia đình; dành nguồn lực phù hợp đầu tư sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật về gia đình; Khuyến khích, huy động các cá nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ gia đình; chăm lo giúp đỡ, hỗ trợ gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình dân tộc thiểu số; tạo điều kiện để các gia đình tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ xã hội.

4.3. Nguyên tắc đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình

Nguyên tắc Pháp quyền

Pháp quyền là cơ sở cho việc quản lý nhà nước về gia đình. Mọi quy định, chính sách về gia đình phải tuân thủ Hiến pháp và các văn bản pháp luật hiện hành. Điều này đảm bảo tính nhất quán, minh bạch và công bằng trong quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình.

Nguyên tắc Dân chủ

Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng và thực thi các chính sách về gia đình là rất quan trọng. Điều này có thể thực hiện qua các kênh như hội nghị, hội thảo, tham vấn cộng đồng. Nguyên tắc này giúp chính sách phản ánh được thực tế và nhu cầu của xã hội, đồng thời tăng cường sự đồng thuận và ủng hộ của người dân.

Nguyên tắc Nhân văn

Chính sách và biện pháp quản lý nhà nước về gia đình cần đặt con người làm trung tâm, đảm bảo quyền lợi và phát triển toàn diện của các thành viên trong gia đình. Điều này bao gồm việc bảo vệ trẻ em, người già, người khuyết tật, và tạo điều kiện cho mọi người phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

Nguyên tắc Phát triển bền vững

Quản lý nhà nước về gia đình cần hướng tới phát triển bền vững, tức là không chỉ giải quyết các vấn đề ngắn hạn mà còn đảm bảo sự phát triển lâu dài. Điều này đòi hỏi sự kết hợp giữa các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa trong phát triển gia đình.

5. Nguyên tắc Phối hợp liên ngành

Quản lý nhà nước về gia đình liên quan đến nhiều lĩnh vực như giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, và pháp luật. Do đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, cơ quan liên quan để đảm bảo tính toàn diện và hiệu quả của các chính sách.

6. Nguyên tắc Tiếp cận dựa trên quyền con người

Các chính sách về gia đình cần đảm bảo tôn trọng và bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền trẻ em và phụ nữ. Việc này giúp xây dựng một môi trường gia đình an toàn, bình đẳng và hỗ trợ lẫn nhau.

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình tại Việt Nam, cần áp dụng đồng bộ và hiệu quả các nguyên tắc trên. Điều này không chỉ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống của các gia đình, mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững và tiến bộ của toàn xã hội.

4.4. Nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình

Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác xây dựng gia đình; nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. Xác định gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững đất nước. Gia đình là đối tượng tác động, thực hiện và thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế-xã hội. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh là một trong những nội dung quan trọng, yêu cầu xuyên suốt của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

Các cấp ủy, tổ chức đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng gia đình; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cấp về công tác xây dựng gia đình. Cán bộ, đảng viên phải nêu gương và vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng gia đình hạnh phúc. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Đề cao vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng, định hướng giá trị, giáo dục thế hệ trẻ. Kiên quyết đấu tranh chống lối sống thực dụng, tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu

trong hôn nhân và gia đình. Khắc phục bệnh thành tích, hình thức trong công tác xây dựng gia đình.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về gia đình theo hướng lấy hoạt động của gia đình làm trọng tâm, bảo đảm sự gắn kết xã hội và vai trò của gia đình. Các chính sách về gia đình phải hướng đến mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, chú trọng đến đối tượng trẻ em và người bệnh tật, cao tuổi. Xây dựng danh mục dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản đối với gia đình, hỗ trợ gia đình phát triển bền vững, hạnh phúc và thực hiện bình đẳng giới. Huy động các cá nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ gia đình và chăm lo giúp đỡ, hỗ trợ các gia đình nghèo, khó khăn; bảo đảm gia đình được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản công bằng, bình đẳng, thuận lợi. Gắn việc thực hiện công tác xây dựng gia đình với Đề án tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác xây dựng gia đình. Xây dựng, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Xây dựng Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045; chương trình giáo dục quốc gia về gia đình; chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và các chương trình, dự án hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc. Xây dựng dữ liệu số quốc gia về gia đình làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ gia đình tiếp cận các nguồn lực xã hội. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu khoa học về gia đình; hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách về gia đình; sáng tác các tác phẩm văn học-nghệ thuật về chủ đề gia đình.

Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về gia đình bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, thống nhất, gắn kết với các lĩnh vực dân số, bình đẳng giới và trẻ em. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nhân lực làm công tác gia đình theo hướng tích hợp đa ngành, phân định rõ đào tạo chuyên môn và cán bộ quản lý công tác gia đình.

Đẩy mạnh, đổi mới công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình; các chuẩn mực, giá trị văn hóa gia đình; kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình; các rủi ro đối với gia đình, giúp người dân chủ động phòng ngừa các ảnh hưởng tiêu cực đến gia đình. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng

môi trường văn hóa, con người Việt Nam giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý, cần cù, chăm chỉ, tiết kiệm, sáng tạo, khát vọng, hiện đại. Nâng cao hiệu quả, tính thiết thực trong xây dựng gia đình văn hóa, gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh."

4.5. Phương pháp đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình

4.5.1. Tổng kết thực tiễn thực hiện QLNN về gia đình

Định kỳ tổng kết thực trạng và kết quả thực hiện các văn bản hiện hành của Đảng và Nhà nước liên quan đến gia đình và công tác gia đình. Từ đó, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật về gia đình, tạo cơ sở cho việc bảo đảm, tác động, hỗ trợ, và thúc đẩy việc xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ và hạnh phúc.

Việc tổng kết phải đảm bảo đánh giá một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác quá trình thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Điều này cần dựa trên mục tiêu, yêu cầu và nội dung của Chiến lược, đảm bảo sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan. Việc đánh giá kết quả thực hiện cần căn cứ vào quan điểm chỉ đạo được xác định trong Chiến lược, làm rõ các kết quả đạt được và chưa đạt được so với mục tiêu đã đề ra, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng cơ quan, đơn vị. Đồng thời, phân tích nguyên nhân của thành công và hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, góp phần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về gia đình trong những năm tiếp theo.

4.5.2. Xây dựng luận cứ khoa học và hệ thống cơ sở dữ liệu về gia đình

Xây dựng cơ sở lý luận và khoa học: Hoàn thiện pháp luật về gia đình dựa trên các cơ sở lý luận và khoa học vững chắc.

Rà soát và đánh giá thực trạng: Đánh giá các chỉ số và chỉ báo về gia đình. Nâng cao chất lượng thu thập và xử lý thông tin, số liệu về gia đình thông qua việc áp dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện hệ thống các chỉ số và chỉ báo.

Xây dựng bộ chỉ số: Thiết lập bộ chỉ số về gia đình, bao gồm bộ chỉ số giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, và Luật Bình đẳng giới.

4.5.3. Xây dựng và kiện toàn đội ngũ chuyên gia, cán bộ làm công tác gia đình

Phát triển đội ngũ cán bộ: Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình từ Trung ương đến cơ sở.

Đào tạo và nâng cao năng lực: Đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp và mạng lưới cộng tác viên cơ sở.

Phân định trách nhiệm: Rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức liên quan trong việc kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác gia đình.

4.5.4. Tiếp tục hoàn thiện nội dung pháp luật về gia đình

Nghiên cứu và xây dựng Bộ luật về gia đình: Tiến hành nghiên cứu và xúc tiến xây dựng Luật về gia đình, từng bước hình thành một hệ thống văn bản pháp luật về gia đình đầy đủ, đồng bộ và thống nhất.

Hoàn thiện pháp luật về Phòng chống bạo lực gia đình: Tiếp tục hoàn thiện các quy định về khái niệm, phân loại bạo lực gia đình và đối tượng của hành vi bạo lực gia đình. Xác định rõ các đối tượng của hành vi bạo lực gia đình để bảo vệ các nạn nhân một cách triệt để. Hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm đối với hành vi bạo lực gia đình, sửa đổi một số quy định về hình thức phạt tiền và bổ sung hình thức phạt lao động công ích để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình.

Hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình: Sửa đổi các quy định về giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Sửa đổi, bổ sung các quy định trong Nghị định 70/2009/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới, Nghị định 48/2009/NĐ-CP quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.

Hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với gia đình: Ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình (2014), Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007; Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng chống bạo lực gia đình; Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình; Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 quy định về công tác gia đình. Vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Trung

ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành xây dựng và ban hành Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững.

Xây dựng hệ thống tiêu chí gia đình hạnh phúc: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng văn bản quy định hệ thống tiêu chí gia đình hạnh phúc. Việc xây dựng gia đình hạnh phúc có liên quan mật thiết với trách nhiệm của gia đình trong việc ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình. Vì vậy, việc sớm ban hành các văn bản nêu trên sẽ tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về gia đình, ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình.

4.5.5. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong quy trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về gia đình

Đảm bảo phù hợp hình thức và thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về gia đình.

Tăng cường tính minh bạch, công khai và sự tham gia đóng góp ý kiến của nhân dân, của đối tượng điều chỉnh và chịu sự tác động của văn bản quy phạm pháp luật về gia đình.

Rà soát, đối chiếu, sửa đổi các quy phạm pháp luật: Đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với các công ước quốc tế có liên quan đến vấn đề gia đình mà Việt Nam là thành viên.

4.5.6. Giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về gia đình

Đổi mới nội dung và đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về gia đình.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về gia đình thông qua nhiều hình thức phong phú và đa dạng.

Về nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về gia đình.

Gắn biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về gia đình với việc tạo dư luận cộng đồng lên án mạnh mẽ các hành vi vi phạm pháp luật về gia đình.

Phát huy vai trò và trách nhiệm của UBND các cấp trong công tác gia đình.

Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức trong hệ thống chính trị trong thực hiện pháp luật về gia đình.

Tăng cường công tác thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về gia đình.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác gia đình.

Tăng cường các nguồn lực và các điều kiện đảm bảo phục vụ việc tổ chức thực hiện pháp luật về gia đình.

Bằng cách áp dụng các phương pháp đổi mới này, hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình sẽ được nâng cao, góp phần vào việc xây dựng một nền tảng gia đình vững mạnh và một xã hội phát triển bền vững. Các phương pháp này cần được triển khai đồng bộ, liên tục và linh hoạt để đáp ứng nhu cầu và thách thức của xã hội hiện đại.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Trình bày các khái niệm: gia đình, quản lý nhà nước về gia đình.

Câu 2: Phân tích chức năng của gia đình.

Câu 3: Phân tích biến đổi gia đình Việt Nam hiện nay.

Câu 4: Phân tích vai trò của gia đình trong bối cảnh hiện nay.

Câu 5: Những tác động và ảnh hưởng của xã hội đến gia đình.

Câu 6: Hình thái và sự phát triển của gia đình.

Câu 7: Quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về gia đình

Câu 8: Nội dung quản lý nhà nước về gia đình.

Câu 9: Các chủ thể và cơ chế hoạt động quản lý nhà nước về gia đình.

Câu 10: Phương thức hoạt động quản lý của nhà nước về gia đình.

Câu 11: Đánh giá chung về hoạt động quản lý nhà nước về gia đình ở Việt Nam hiện nay.

Câu 12: Những nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về gia đình

Câu 13: Phương hướng nhiệm vụ để đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình

Câu 14: Nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về gia đình.

Câu 15: Phân tích đặc trưng của phương thức quản lý nhà nước về gia đình

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Tuyết Ánh (2014) "Xây dựng gia đình Việt Nam trước yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế", tạp chí Cộng sản điện tử;

2. Trần Tuyết Ánh (2015), "Hoàn thiện pháp luật về gia đình ở Việt Nam hiện nay", Luận án tiến sĩ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;

3. Ban Bí thư (2005), Chỉ thị số 49/CT-TW ngày 21/12/2005 khóa IX của về "Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa",

4. Ban Bí thư (2012), Nghị Quyết số 81/NQ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo Kết luận số 26-TB/TW ngày 09/5/2011 của Ban Bí thư về việc sơ kết Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư (khóa IX) về "Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"

5. Ban Chấp hành Trung ương, Đại hội Đảng XII, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng nhiệm vụ kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020;

6. Ban Chấp hành Trung ương, khóa XI (2014) Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), "Văn bản quản lý nhà nước về gia đình và công tác gia đình ở Việt Nam hiện nay", nhà xuất bản Quốc gia;

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2015), "Hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay", nhà xuất bản Khoa học xã hội;

9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2018), Báo cáo số 243/BC BVHTTDL ngày 05/10/2018 về trách nhiệm quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

10. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2018), Kỷ yếu Hội thảo khoa học 10 năm thi hành luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

11. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê và UNICEF, Viện Gia đình và Giới (2006), "Điều tra gia đình Việt Nam";

12. Chính phủ (2017), Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội;

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

15. Học viện Hành chính Quốc gia (2010), Giáo trình Quản lý nhà nước về xã hội.

16. Nguyễn Tử Khiêm, Nguyễn Kim Mai (2005), "Bạo lực gia đình: hình thức, nguyên nhân và hậu quả", nhà xuất bản Sự thật;

17. Luận án tiến sĩ quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam, Học viện hành chính quốc gia, 2020

18. Quốc hội (2006), Luật Bất bình đẳng giới;

19. Quốc hội (2007), Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

20. Quốc hội (2009), Luật Người cao tuổi;

21. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

22. Quốc hội (2013), Luật Hòa giải cơ sở;

23. Quốc hội (2014), Luật Hôn nhân và Gia đình;

24. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự;

25. Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự;

26. Quốc hội (2016), Luật Trẻ em.

27. Lê Thị Quý (2010), "Quản lý nhà nước về gia đình - lý luận và thực tiễn", nhà xuất bản Dân trí;

28. Tào Thị Quyên (2017), "Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay, trong sách Công tác phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay", nhà xuất bản Thế giới;

29. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

30. Thủ tướng Chính phủ (2014), Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 06/2/2014 về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020;

31. Thủ tướng Chính phủ (2014), Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 phê duyệt đề án phát huy các giá trị tốt đẹp, các mối quan hệ trong gia đfinh và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020;

32. Thủ tướng Chính phủ (2018), Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/07/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020;

33. Lê Ngọc Văn (2011), "Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam", nhà xuất bản Khoa học xã hội;